

HỒ SƠ

BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

PHẦN 2: TẬP BẢN VẼ

Đã sửa theo kết quả thẩm định số 338/QLĐT - TĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024
của phòng quản lý đô thị huyện Phú Xuyên. **THẨM ĐỊNH**

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
Theo văn bản số:...../.....
Ngày:..... tháng..... năm 2024
KÝ TÊN:

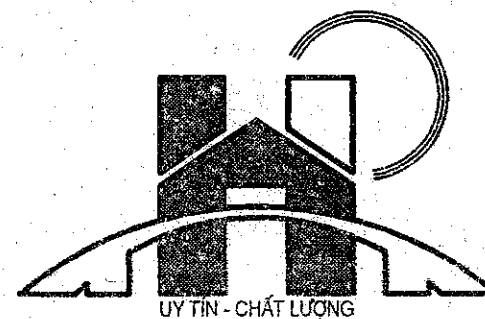
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN

ĐOẠN TỪ BỜ GIỀNG ĐẾN CÔNG VƯỜN THÁNH,

ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2.

HẠNG MỤC: NỀN MẶT ĐƯỜNG, KÈ ĐÁ HỌC, TƯỜNG CHẮN, CÔNG THOÁT NƯỚC, ATGT.

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI



Đơn vị tư vấn thiết kế: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP**

Địa chỉ: P 622 – Tòa nhà HH03A – Khu đô thị Thanh Hà – Thanh Oai – Hà Nội

Điện thoại: 04.33 120 637 ; Fax: 04.33 120 637;

Email: congtynhp.jsc@gmail.com

HỒ SƠ
BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT
PHẦN 2: TẬP BẢN VẼ

Đã sửa theo kết quả thẩm định số 338/QLĐT - TĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024
của phòng quản lý đô thị huyện Phú Xuyên.



CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN

ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỔNG VƯỜN THÁNH,

ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2.

HẠNG MỤC: NỀN MẶT ĐƯỜNG, KÈ ĐÁ HỌC, TƯỜNG CHẮN, CỐNG THOÁT NƯỚC, ATGT.

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ


CHỦ TỊCH
Phạm Văn Khắp

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP


PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Dinh Văn Luy

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
PHẦN II: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYÊN
ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CÔNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG
VÙNG 2.

HẠNG MỤC: NỀN MẶT ĐƯỜNG, KÈ, TƯỜNG CHẮN, CỐNG THOÁT NƯỚC,
ATGT.

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY – HUYỆN PHÚ XUYỀN – TP. HÀ NỘI

I- HIỆN TRẠNG VỊ TRÍ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG:

a. Vị trí xây dựng:

- Dự án: Đường giao thông nội đồng thôn Hoàng Nguyên đoạn từ bờ giếng đến công Vườn Thánh, đoạn từ TL428 đến đồng Vùng 2 bao gồm 2 tuyến có tổng chiều dài là 369,87m.

* Tuyến số 01: Đoạn từ bờ giếng đến công Vườn Thánh có chiều dài $L = 174.21\text{m}$

- Đầu tuyến từ bờ Giếng (Km0+0.00).
- Cuối tuyến Công Vườn Thánh (Km0+174.21).

* Tuyến số 02: Đoạn từ TL428 đến đồng Vùng 2 có chiều dài $L = 195.66\text{m}$

- Đầu tuyến từ đường 428 (Km0+0.00).
- Cuối tuyến đồng Vùng 2 (Km0+195.66).

b. Địa điểm xây dựng:

- Xã Tri Thủy – Huyện Phú Xuyên – TP Hà Nội.

c. Bình đồ:

* Tuyến 1 - Đoạn từ bờ giếng đến công Vườn Thánh:

+ Bên trái tuyến là nương thủy lợi và ruộng canh tác, bên phải tuyến là ruộng canh tác, mặt đường cũ là đường đất.

+ Mặt cắt ngang nền đường B nền = 3,0 - 5,0m (theo hiện trạng).

* Tuyến 2 - Đoạn từ TL428 đến đồng Vùng 2:

+ Hai bên tuyến là nương thủy lợi và ruộng canh tác, mặt đường cũ là đường đất.

+ Mặt cắt ngang nền đường B nền = 3,0 - 4,0m (theo hiện trạng)



d. Trắc dọc:

- Tuyến nằm trên địa hình đồng bằng, độ dốc tương đối bằng phẳng.
- Cao độ lấy theo hệ cao độ VN 2000: các vị trí và trị số của mốc cao độ được thể hiện trên bình đồ tuyến.

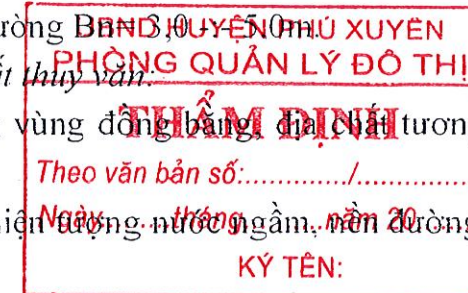
e. Trắc ngang:

- Chiều rộng nền đường B nền = 3,0m

f. Tình hình địa chất thủy văn:

- Tuyến nằm trong vùng đồng bằng địa chất tương đối ổn định, không có hiện tượng sụt trượt.

- Tuyến không có hiện tượng nước ngầm, nền đường chịu ảnh hưởng trực tiếp của nước mặt.



II. PHẠM VI NGHIÊN CỨU.

- Trong hồ sơ báo cáo kinh tế giai đoạn này nghiên cứu các hạng mục chủ yếu sau: Nền, mặt đường, kè gia cố, tường chắn, cống thoát nước, ATGT.

III- LỰA CHỌN HÌNH THỨC ĐẦU TƯ:

- Dự án đề cập việc nâng cấp tuyến đường, xây dựng hoàn chỉnh hạng mục: Nền, mặt đường, kè gia cố, tường chắn, cống thoát nước, ATGT lựa chọn hình thức cải tạo nâng cấp.

IV- THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG:

4.1- Xác định quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

a. Quy trình, quy phạm áp dụng:

- Tiêu chuẩn quốc gia đường giao thông nông thôn – yêu cầu thiết kế TCVN10380- 2014

- Tiêu chuẩn ngành: Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN - 263 - 2000.
- Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản TCVN 4419-1987;
- Qui phạm đo vẽ địa hình 96TCN 43 – 1990.
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9398 : 2012 “Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung”.

- Tiêu chuẩn ngành: Quy trình khảo sát thủy văn 22TCN 27- 85.
- Tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 4054-2005 “Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế”.
- Quy trình thiết kế áo đường cứng 22 TCN - 223 - 95.
- Tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 39:2022/TCĐBVN – Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong công trình giao thông.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41: 2016/BGTVT.

- Tiêu chuẩn Việt Nam: Lốp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8859 : 2011.

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 1651 – 1:2008 Thép cốt bê tông – Thép thanh tròn trơn, TCVN 1651 – 2:2008 Thép cốt bê tông – Thép thanh vằn.

- Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng TCVN5308: 1991.
- Hệ thống tiêu chuẩn an toàn lao động – Quy định cơ bản: TCVN 2287-1978.

- Vữa xây dựng – Yêu cầu kỹ thuật TCVN 4314:2003
- TCVN 7570:2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 6260:2009 Xi măng pooc lăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật;
- Vận dụng Thiết kế điển hình 86-06X - Tường chắn đất bê tông và đá này (dùng cho đường ô tô) do Viện thiết kế Giao thông vận tải thiết kế và Bộ Giao thông vận tải ban hành.

- Và một số tiêu chuẩn liên quan khác hiện hành.

b. Phân loại và cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình giao thông.
- Cấp công trình: Công trình cấp IV.

c. Quy mô thiết kế:

TT	CÁC TIÊU CHUẨN CHỦ YẾU	YÊU CẦU THIẾT KẾ
1	Cấp thiết kế	Đường GTNT loại B
2	Vận tốc thiết kế	20Km/h
3	Chiều rộng nền	5.0m
4	Chiều rộng mặt	4.0m
5	Độ dốc dọc lớn nhất	6%
6	Độ dốc ngang mặt đường	2%
7	Tải trọng trục thiết kế	6Tấn



4.2- Nội dung thiết kế

a. Thiết kế tuyến:

* Bình đồ:

- Tuyến cơ bản bám theo hướng tuyến cũ.

* Thiết kế cắt dọc:

- + Mốc cao độ đặt tại các vị trí ổn định trên tuyến.
- + Hệ cao độ theo VN2000.

* Thiết kế cắt ngang:

- Tuyến 1 - Đoạn từ bờ giếng đến cổng Vườn Thánh:
 - + Mặt cắt ngang nền đường B nền = 5,0m.
 - + Mặt cắt ngang mặt đường B mặt = 4,0m.
 - + Mặt cắt ngang lề đường B lề = 2x0,5 = 1,0m.
- Tuyến 2 - Đoạn từ TL428 đến đồng Vùng 2:
 - + Mặt cắt ngang nền đường B nền = 5,0m.

+ Mặt cắt ngang mặt đường B mặt = 4,0m.

+ Mặt cắt ngang lề đường B lề = 2x0,5 = 1,0m.

- Độ dốc ngang mặt đường $i_m = 2\%$.

- Độ dốc ngang lề đường $i_l = 4\%$.

* Thiết kế nền đường:

- Đào khuôn đường.
- Đào hữu cơ đất cấp I.
- Đắp nền bằng cát đen đầm chặt $K = 0.95$.

* Thiết kế mặt đường:

+ Mặt đường BTXM M300# đá 2x4 dày 22cm

+ Rải ni lon chống thấm nước bê tông.

+ Móng CPDD loại I (0/25) dày 15cm đầm $K = 0.98$.

- Lưu ý: Bố trí khe co giãn ngang cứ 5 m/1 khe, bố trí vuông góc với tim đường. Khe co giãn kiểu giãn đơn rộng 2 cm chèn gỗ & đồ nhựa đường.

b. Kè đá học :

Bảng thống kê kè tuyến 1

TT	LÝ TRÌNH	CHIỀU DÀI (M)	VỊ TRÍ		GHI CHÚ
			TRÁI	PHẢI	
1	Đoạn kè nối tiếp cọc TC2	6,05	x		TK xây kè đá học
2	(Cọc TC2) KM 0 + 50,58 - (Cọc CT1) KM 0 + 174,21	123,63	x		TK xây kè đá học
3	Kè mở rộng cuối tuyến bên trái	2,05	x		TK xây kè đá học
4	(Cọc 3) KM 0 + 70,58 - (Cọc CT1) KM 0 + 174,21	103,63		x	TK xây kè đá học
5	Kè mở rộng cuối tuyến bên phải	3,06		x	TK xây kè đá học
Tổng cộng		238,42			

Bảng thống kê kè tuyến 2

TT	LÝ TRÌNH	CHIỀU DÀI (M)	VỊ TRÍ		GHI CHÚ
			TRÁI	PHẢI	
1	(Cọc 3) KM 0 + 18,80 - (Cọc 20) KM 0 + 192,29	173,49	x		TK xây kè đá học
2	Kè mở rộng cuối tuyến	7,26	x		TK xây kè đá học
3	Kè mở rộng đầu tuyến	6,09		x	TK xây kè đá học
4	(Cọc 1) KM 0 + 3,71 - (Cọc 9) KM 0 + 65,37	61,66		x	TK xây kè đá học
5	(Cọc 10) KM 0 + 66,92 - (Cọc 12) KM 0 + 107,13	40,21		x	TK xây kè đá học
6	(Cọc 13) KM 0 + 111,39 - (Cọc 14) KM 0 + 119,70	8,31		x	TK xây kè đá học
7	(Cọc 15) KM 0 + 122,75 - (Cọc 20) KM 0 + 192,29	69,54		x	TK xây kè đá học

8	Kè mở rộng cuối tuyến	7,70	x	TK xây kè đá học
Tổng cộng		374,26		

- Tổng chiều dài kè thiết kế mới là 612,68m.

- Kết cấu:

+ Tường và móng kè xây đá học VXM mác 100#, đệm móng đá dăm dày 10cm, móng gia cố cọc tre 16cọc/m², cọc dài 2.0m, cứ 10m bố trí 1 khe lún, ống thoát nước nền đường bằng ống nhựa PVC đường kính D60 bố trí 5m/ống, rải vải địa kỹ thuật phía trong kè. Khe lún quét nhựa bitum và giấy dầu, 2 lớp giấy dầu, 3 lớp nhựa. Phía trong kè đắp cát đen đầm K = 0.95, phía ngoài kè đắp đất tậ dụng đầm K = 0.85.

c. Tường chắn :

Bảng thống kê tường chắn tuyến 1

TT	LÝ TRÌNH	CHIỀU DÀI (M)	VỊ TRÍ		GHI CHÚ
			TRÁI	PHẢI	
1	Tường chắn mở rộng đầu tuyến	4,95		x	TK tường chắn xây gạch không nung
2	(Cọc DT1) KM 0 + 00 - (Cọc 3) KM 0 + 70.58	70,58		x	TK tường chắn xây gạch không nung
TỔNG		75,53			

- Tổng chiều dài tường chắn thiết kế mới của tuyến 1 là 75,53m.

- Kết cấu:

+ Tường chắn xây gạch không nung: Móng tường chắn bê tông xi măng mác 150# đá 1x2 dày 10 cm, tường chắn xây gạch không nung vữa XM mác 75, trát tường vữa XM mác 75# dày 1.5cm. Phía trong kè đắp cát đen đầm K = 0.95, phía ngoài kè đắp đất tậ dụng đầm K = 0.85.

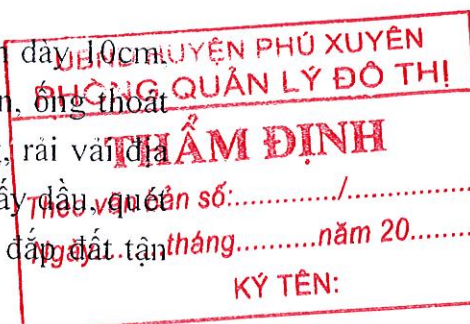
d. Công thoát nước :

Bảng thống kê cống tuyến 2

TT	LÝ TRÌNH	HIỆN TRẠNG	VỊ TRÍ	GHI CHÚ
1	(Cọc C1) KM 0 + 55.14	Cống tròn Ø400	Cống qua đường	TK mới cống Lo100
2	(Cọc C2) KM 0 + 191.28	Cống tròn Ø400	Cống qua đường	TK mới cống Lo100

- Thiết kế mới và thay thế 2 vị trí cống Lo = 100 để đảm bảo tưới tiêu nội đồng.

*Kết cấu:



+ Tường và móng cống xây đá học vữa XM mác 100#, móng đệm đá dăm dày 10cm, móng gia cố cọc tre tiêu chuẩn 16 cọc/m²; cọc dài L = 2.0m, mũ mố BTXM mác 200# đá 1x2, bê tông cửa phai mác 200# đá 1x2, bản cống bằng BTCT mác 250# đá 1x2 dày 18cm (Chi tiết xem bản vẽ).

f. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông:

- Thiết kế gờ chắn bê tông xi măng mác 250# đá 1x2.

- Tổng số gờ chắn: 273 cái

+ Tuyến 1: 124 cái.

+ Tuyến 2: 149 cái

- Vị trí gờ chắn nằm trên đỉnh tường kè.

- Kích thước gờ chắn dài x rộng x cao = 2.0x0.18x0.2m.

- Kết cấu: Gờ chắn bằng BTXM mác 250# đá 1x2 đổ tại chỗ, khoảng cách các viên gờ chắn L = 0,5m. Toàn bộ gờ chắn được sơn phản quang 2 màu vàng và trắng, sơn 3 lớp.

g. Bồn cây:

- Thiết kế xây bố 7 vị trí bồn cây quanh giếng đầu tuyến 1.

- Kích thước bồn cây hình tròn có đường kính ngoài D = 1,64m.

- Kết cấu: Đệm móng bằng bê tông mác 150# đá 4x6 dày 10 cm, bồn cây xây bằng gạch không nung vữa XM mác 75, trát tường vữa xi măng mác 75# dày 1.5cm.

h. Bản đập qua kênh:

- Thiết kế 2 vị trí bản đập qua kênh bên trái tuyến 1 để phục vụ nhân dân đi lại sản xuất, kích thước bản 3,0x2,8m, bản dày 20cm.

- Kết cấu:

+ Bản kênh bằng BTCT mác 250# đá 1x2 dày 20cm đổ trực tiếp.

+ Dầm bản qua kênh bằng BTXM mác 300# đá 1x2 kích thước 0.3x0.3x2.8m

- Vị trí đập bản tại cọc 4 (Km0+90.58) và cọc 6 (Km0+130.58).

V- TỔ CHỨC THI CÔNG

- Công nghệ thi công chủ yếu bằng thủ công và theo đúng các quy trình thi công hiện hành. Trong quá trình thi công vẫn đảm bảo giao thông thông suốt.

5.1- Trình tự các bước chủ yếu

*Trình tự các bước thi công:

- Thi công kè đá học.

- Thi công tường chắn

- Thi công cống thoát nước

- Thi công bản qua kênh.
- Thi công đắp nền đường.
- Thi công lớp móng CPDD.
- Thi công lớp lót giấy dầu.
- Thi công mặt đường BTXM.
- Làm khe co dãn.
- Thi công hệ thống ATGT.
- Hoàn thiện, bảo dưỡng.

- Quản lý chất lượng thi công thực hiện theo nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của chính phủ về quản lý chất lượng công trình, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Quy trình thi công: Theo TCVN và TCN hiện hành.

5.2- Yêu cầu vật liệu

- Đá các loại TCN 1771-1987.
- Cát TCN 1770-1986.
- Thép TCVN 1651-85.
- Xi măng TCVN 4029 - 85 và TCVN 4787 - 89
- Nhựa đường theo 22TCN 227-95

5.3- Máy thi công

- Ô tô vận chuyển
- Đầm cóc, đầm bàn, đầm dùi.
- Máy đào.
- Máy lu.
- Máy ủi.
- Máy rải.
- Máy trộn bê tông.
- Ô tô tưới nước.

5.4 - Đảm bảo vệ sinh môi trường

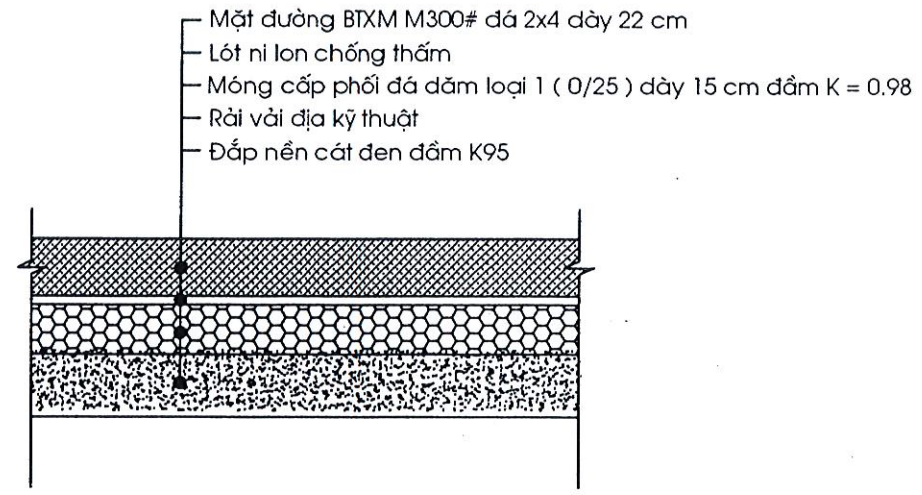
- Quy trình thực hiện TCN 22-242-98
- Nội dung thực hiện:

+ Hạn chế tác động môi trường trong quá trình thi công gây ra bao gồm:

- Bụi
- Tiếng ồn
- Nước thải.



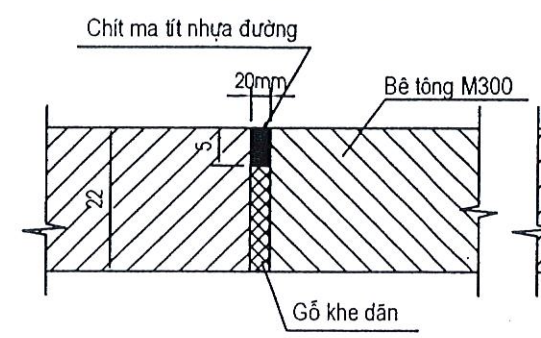
KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG



CHI TIẾT KHE NGANG

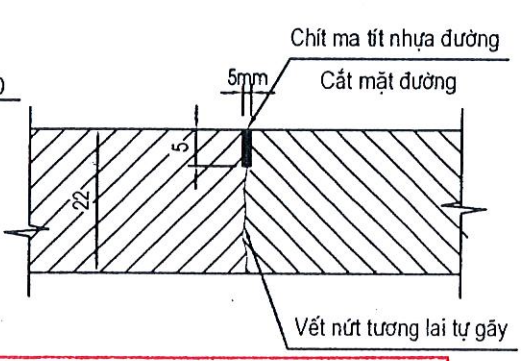
CHI TIẾT KHE DẪN

(Khoảng cách 20m/1khe)

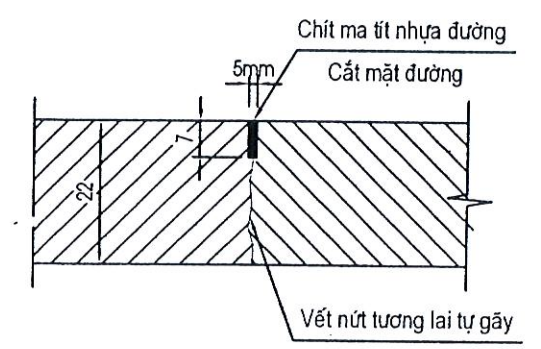


CHI TIẾT KHE CO GIẢ

(Khoảng cách 4m/1khe)

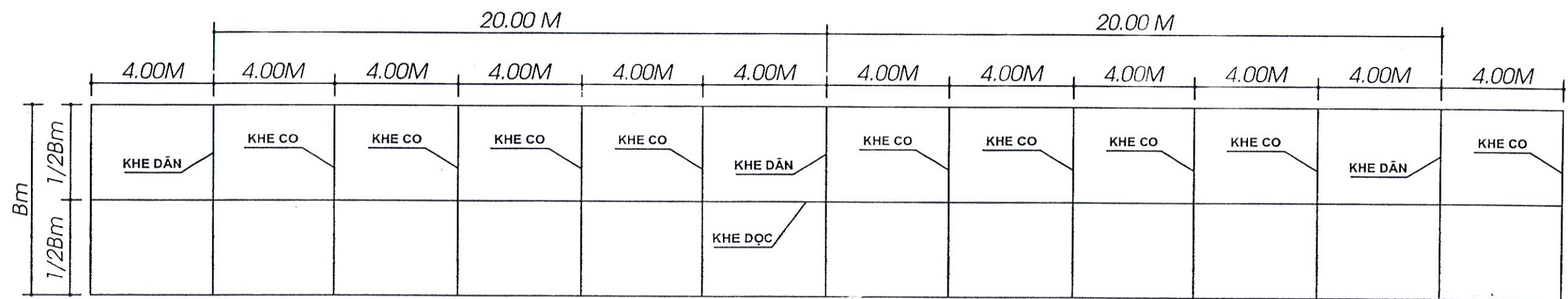


CHI TIẾT KHE DỌC



UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
KÝ TÊN:

MẶT BẰNG BỐ TRÍ KHE CO DẪN



UBND XÃ TRI THỦY	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÀNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC	<i>Đức</i>	Hà Nội, ngày tháng năm 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP H. THANH TRÍ - TP. HÀ NỘI ĐINH VĂN TUY	1/50
		THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG	<i>Trung</i>		
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel: 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG - KHE CO DẪN	C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY	<i>Tuy</i>	BẢN VẼ SỐ:	
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG	<i>Xuân</i>		

HẠNG MỤC : NỀN MẶT ĐƯỜNG



UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:

TUYỂN DỤNG



UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

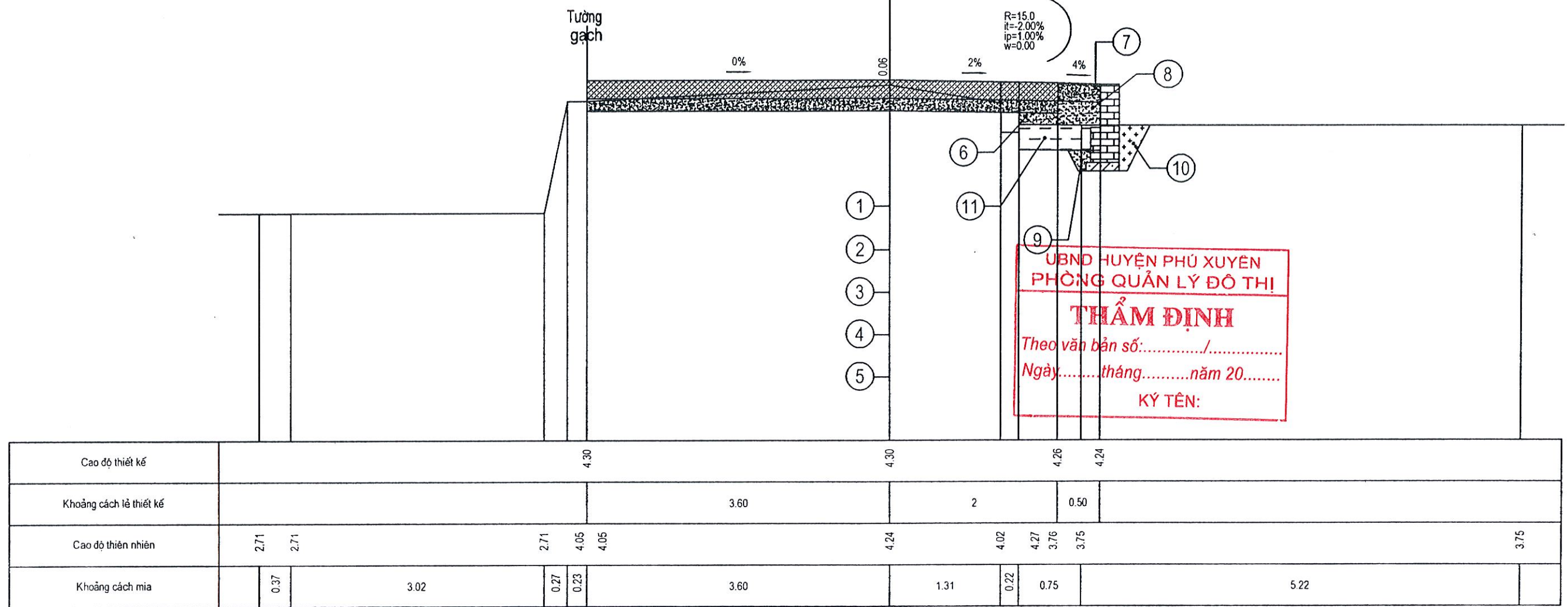
THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:

Trắc ngang đại diện
Lý trình: Km0+00 :- Km0+50.58

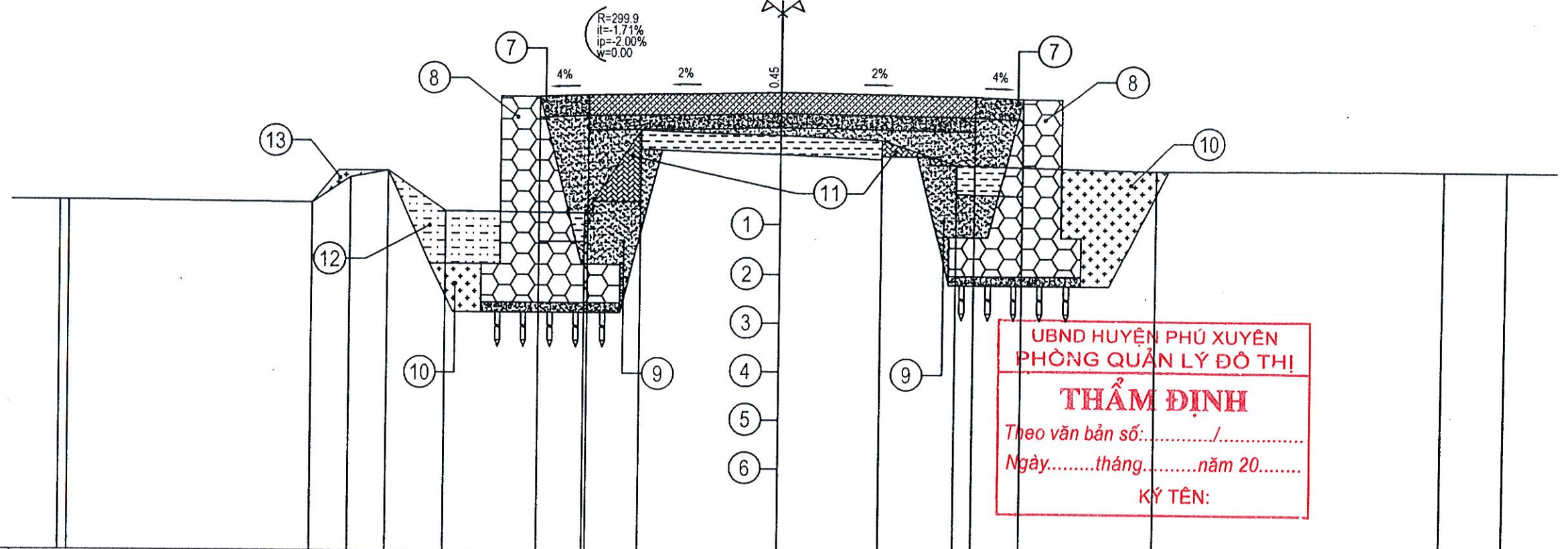


KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG :

- ① Mặt đường BTXM mác 300# đá 2x4 dày 22cm
- ② Rải nilon chống thấm
- ③ Lớp móng CPDD loại I (0/25) dày 15cm đầm chặt K=0.98
- ④ Rải vải địa kỹ thuật
- ⑤ Đào khuôn đường
- ⑥ Đắp nền bằng cát đen đầm chặt K=0.95
- ⑦ Gia cố lề bằng CPDD loại I 0/25 dày 22cm
- ⑧ Tường chắn thiết kế mới (có bản vẽ chi tiết)
- ⑨ Đắp trong móng TC bằng cát đen đầm chặt K=0.95
- ⑩ Đắp ngoài móng TC bằng đất tận dụng đầm chặt K=0.85
- ⑪ Vét bùn

UBND XÃ TRI THỦY	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỎNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP.HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC		 Hà Nội ngày tháng năm 2024 P. TỔNG GIÁM ĐỐC  ĐINH VĂN TUY	1/50
		THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG			
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel : 04 33 120 637; Fax: 04 33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	BẢN VẼ TRẮC NGANG ĐẠI DIỆN TUYẾN 1: KMO+00 -:- KMO+174.21	C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY			BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG			

Trắc ngang đại diện
Lý trình: Km0+50.58 :- Km0+174.21

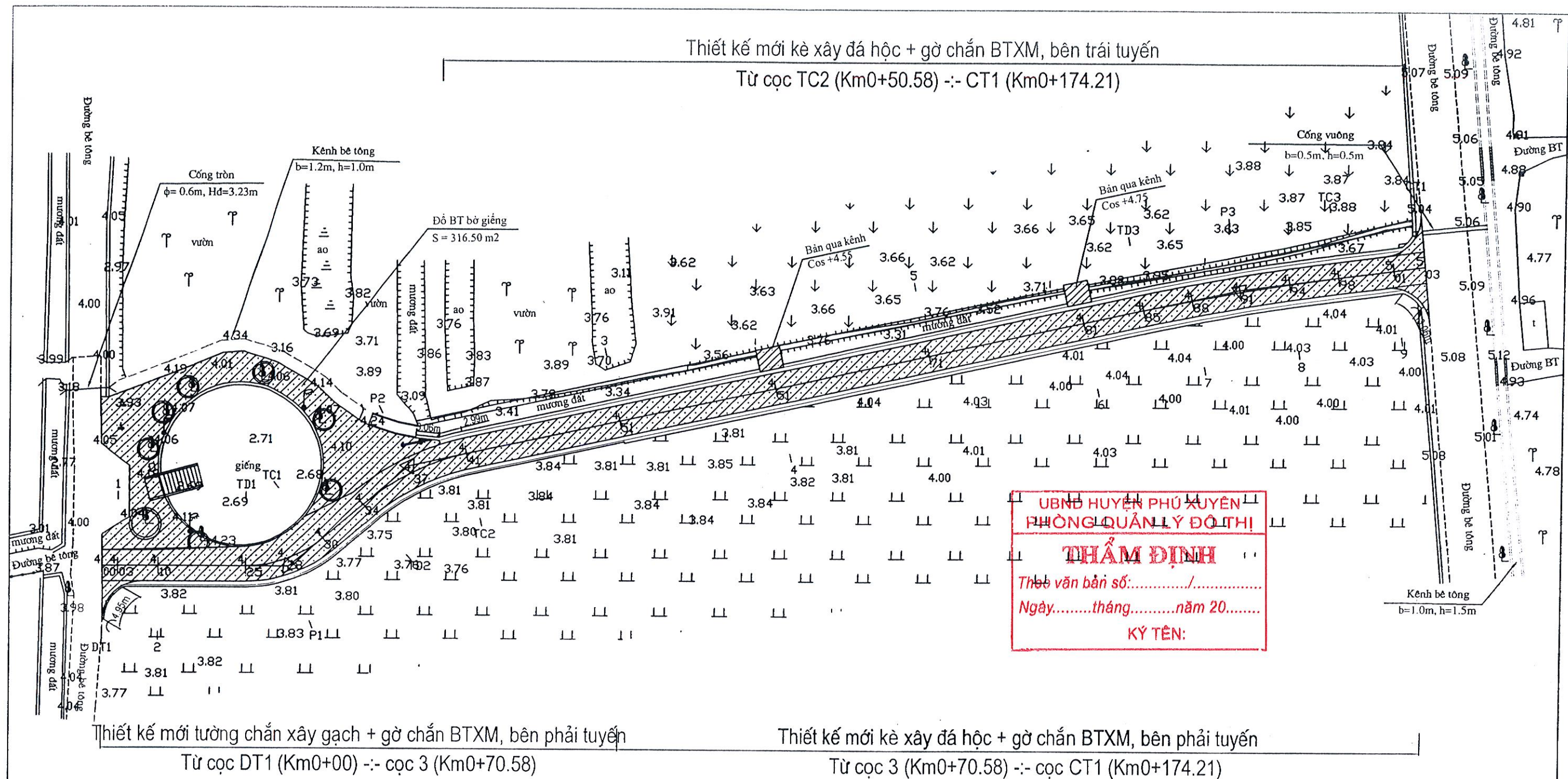


Cao độ thiết kế	4.75 4.77 4.81 4.77 4.75													
Khoảng cách lề thiết kế	0.50 2 2 0.50													
Cao độ thiên nhiên	3.64	3.64	3.63	3.89	3.96	3.55	3.53	4.41	4.36	4.31	4.05	4.00	4.01	4.01
Khoảng cách mìa	0.10	2.53	0.39	0.38	0.61	1.45	0.58	1.45	1.03	0.77	2.07	2.98	0.64	

KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG :

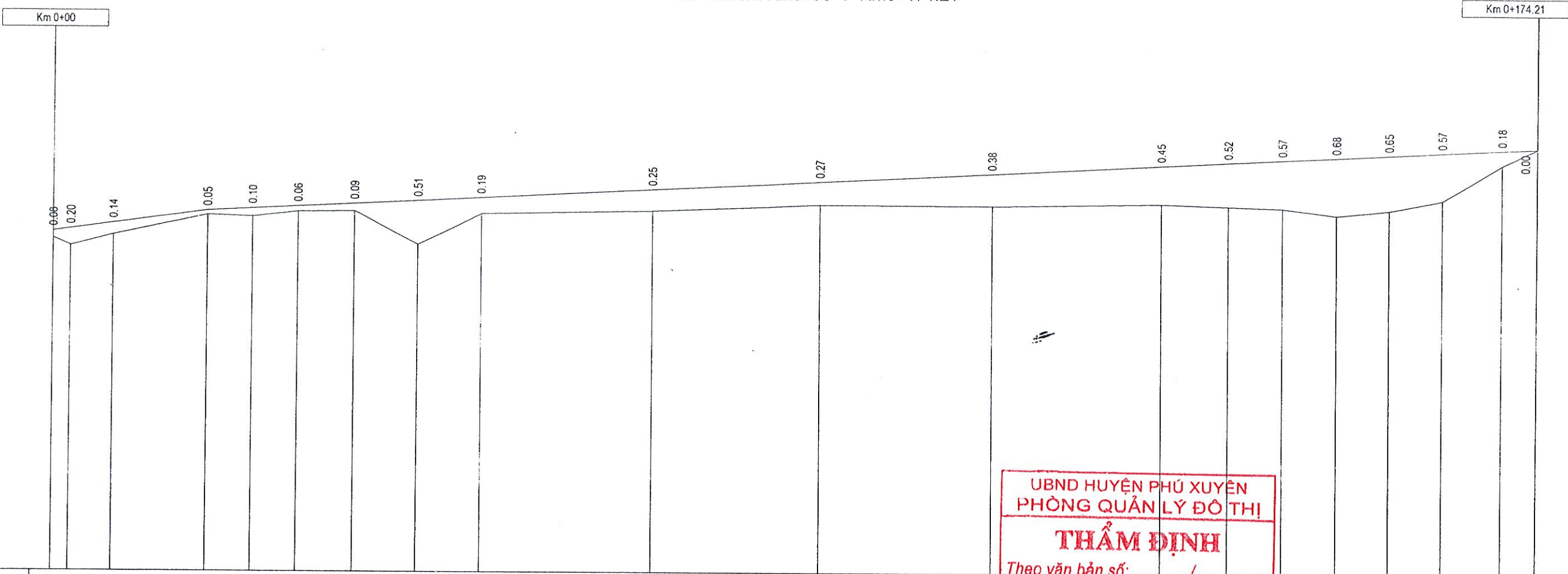
- Mặt đường BTXM mác 300# đá 2x4 dày 22cm
- Rải nilon chống thấm
- Lớp móng CPDD loại I (0/25) dày 15cm đầm chặt K=0.98
- Rải vải địa kỹ thuật
- Đắp nền đường bằng cát đen đầm chặt K=0.95
- Vết bùn + đào hữu cơ
- Gia cố lề bằng CPDD loại I 0/25 dày 22cm
- Kè xây đá hộc thiết kế mới (có bản vẽ chi tiết)
- Đắp trong móng kè bằng cát đen đầm chặt K=0.95
- Đắp ngoài móng kè bằng đất tận dụng đầm chặt K=0.85
- Đánh cấp
- Nạo vét lòng mương
- Đắp trả bờ mương

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel : 04 33 120 637; Fax: 04 33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC		Hà Nội, ngày tháng năm 2024 P. TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP ĐINH VĂN TUY	1/50
		THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG			
BẢN VẼ TRẮC NGANG ĐẠI DIỆN TUYẾN 1: KM0+00 :- KM0+174.21		C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY		BẢN VẼ SỐ:	
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG			



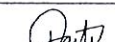
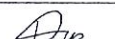
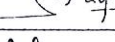
Chú dẫn hiện trạng										Chú dẫn công trình			
Ký hiệu	Chú dẫn	Ký hiệu	Chú dẫn	Ký hiệu	Chú dẫn	Ký hiệu	Chú dẫn	Ký hiệu	Chú dẫn	 Mặt đường BTXM	 Tuyến đường	 Rãnh Lo40	
	Mức cao độ		Ao		Tường gạch		Cống		Mộ	 Vuốt rẽ BTXM	 Kè xây gạch		
³ ₇₈	Số cao độ		Ruộng		Ta luy		Mương xây		Cột điện				
UBND XÃ TRI THỦY				CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG				CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC		 Hà Nội, ngày tháng năm 2024 CÔNG TÔNG GIÁM ĐỐC CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP ĐINH VĂN TUY	TL: 1/500	
								THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG				
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel: 04.33 120 637, Fax: 04.33 120 637, Email: congtynhp.jsc@gmail.com				BÌNH ĐỒ TUYẾN TUYẾN 1 : KM0+00 -:- KM0+174.21				C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY			BẢN VẼ SỐ:	
								KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG				

TRẮC DỌC TUYẾN
LÝ TRÌNH: KM0+00 -:- KM0+174.21



UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: /
Ngày.....tháng.....năm 20.....
KÝ TÊN:

Bình đồ sơ lược	Thước vẽ bản đồ:...../..... Ngày.....tháng.....năm 20..... KÝ TÊN:																			
Dốc dọc thiết kế	1.36% 18.34 0.50% 155.87																			
Cao độ thiết kế	4.00	4.03	4.10	4.25	4.28	4.30	4.34	4.37	4.41	4.51	4.61	4.71	4.81	4.85	4.88	4.91	4.94	4.98	5.01	5.03
Cao độ thiên nhiên	3.92	3.83	3.96	4.20	4.18	4.24	4.25	3.86	4.22	4.26	4.34	4.33	4.36	4.33	4.31	4.23	4.29	4.41	4.83	5.03
Cự ly lẻ	2.03	5.12	11.19	5.33	5.32	6.68	7.46	7.45	20.00	20.00	20.00	20.00	7.81	6.21	6.22	6.21	6.21	6.96	4.01	
Cự ly cộng dồn	0.00	2.03	7.15	18.34	23.67	28.99	35.67	43.13	50.58	70.58	90.58	110.58	130.58	138.39	144.60	150.82	157.03	163.24	170.20	174.21
Tên cọc	DT1 1	2	TD1	P1	TC1	TD2	P2	TC2	3	4	5	6	TD3	7	P3	8	TC3	9	CT1	
Lý trình	H0										H1									
Dường thẳng, đường cong	A=40d41'53" R=14.99 K=10.65 T=5.56 P=1.00 i=4.00 Ln=11.00 i=4.00 Ln=11.00 A=28d28'40" R=30.00 K=14.91 T=7.61 P=0.95 i=0.00 Ln=22.00 A=4d44'52" R=299.89 K=24.85 T=12.43 P=0.26																			

 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	UBND XÃ TRI THỦY	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN VĨNH NINH TỪ CỐNG TRƯỜNG MÁM NON QUA NHÀ BÀ TÚC, BÀ HỒNG ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG XUÂN ĐẾN NHÀ ÔNG GIÀ ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN ĐẠT		Hà Nội, ngày tháng năm 2024 P. TỔNG GIÁM ĐỐC  ĐINH VĂN TUY M.S.D.N: 025930 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP H. THANH TRÍ - TP. HÀ NỘI	TỶ LỆ : 1/500
			CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC			
			C.N.ĐA	ĐINH VĂN TUY			
			KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG			
BẢN VẼ TRẮC DỌC TUYẾN 1: KM0+00 -:- KM0+174.21			BẢN VẼ SỐ:				

S. Đào khuôn 1.23 m2
S. Đắp nền 0.00 m2
S. Bóc hữu cơ 0.00 m2
S. Gia cố lề 0.00 m2

Cọc:DT1
Km:0+00

S. Đào cấp 0.00 m2
S. Vết bùn 0.00 m2
B. Mặt đường 4.00 m

S. Đào khuôn 1.33 m2
S. Đắp nền 0.02 m2
S. Bóc hữu cơ 0.00 m2
S. Gia cố lề 0.11 m2

Cọc:2
Km:0+7.15

S. Đào cấp 0.00 m2
S. Vết bùn 0.00 m2
B. Mặt đường 4.00 m
S. Đào phá TC cũ 0.13 m2
S. Đào móng TC 0.73 m2
S. Đắp trong móng TC 0.20 m2
S. Đắp ngoài móng TC 0.15 m2

Cao độ thiết kế			3.97 4.00	4.00	4.00 3.94		
Khoảng cách lề thiết kế			0.04	2	2	0.09	
Cao độ thiên nhiên	4.03 4.03	4.02		3.92	3.97	4.02 4.02	
Khoảng cách mìa	0.50	2.95	4.05		4.87	2.62	0.01

			3.95 4.10	4.10	4.06 4.04	4.22	
			0.22	2	2	0.50 0.27	
	4.13 4.07	4.03	3.94	3.96		4.24 4.24 3.81	3.80
	1.00	2.30	2.19	2.00	3.03	0.22 1.22	2.54 0.49

S. Đào khuôn 1.17 m2
S. Đắp nền 0.01 m2
S. Bóc hữu cơ 0.00 m2
S. Gia cố lề 0.11 m2

Cọc:1
Km:0+2.00

S. Đào cấp 0.00 m2
S. Vết bùn 0.00 m2
B. Mặt đường 4.00 m
S. Đào phá TC cũ 0.13 m2
S. Đào móng TC 1.06 m2
S. Đắp trong móng TC 0.16 m2
S. Đắp ngoài móng TC 0.15 m2

S. Đào khuôn 1.59 m2
S. Đắp nền 0.01 m2
S. Bóc hữu cơ 0.00 m2
S. Gia cố lề 0.11 m2

Cọc:TD1
Km:0+18.34

S. Đào cấp 0.00 m2
S. Vết bùn 0.00 m2
B. Mặt đường 4.48 m
S. Đào phá TC cũ 0.13 m2
S. Đào móng TC 0.54 m2
S. Đắp trong móng TC 0.20 m2
S. Đắp ngoài móng TC 0.15 m2

Cao độ thiết kế			3.92 4.03	4.03	3.99 3.97	4.10	
Khoảng cách lề thiết kế			0.15	2	2	0.50 0.20	
Cao độ thiên nhiên	4.04	4.04		3.83		4.24 4.24 3.81	3.80
Khoảng cách mìa		2.45	5.05		4.11	0.22 1.22	1.95

			4.25	4.25	4.21 4.19		
				2.48	2	0.50	
	2.69 2.69		2.69 4.20 4.20	4.20		4.26 4.26 3.80	3.78
	0.96	3.66	0.22 2.48	2.25	0.22 2.83		2.21

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:

UBND XÃ TRI THỦY

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN VINH NINH TỨ CỐNG TRƯỞNG MẮM NÓN
QUA NHÀ BÀ TỨC, BÀ HỒNG ĐOẠN TỪ NHÀ ÔNG XUÂN ĐẾN NHÀ ÔNG GIÁ
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN ĐẠT

CHỦ TRÌ KHẢO SÁT

VŨ ANH ĐỨC

C.N.Đ.A

ĐINH VĂN TUY

KIỂM TRA

ĐỖ XUÂN TRƯỜNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

CÔNG P. T. TỔNG GIÁM ĐỐC
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
NHP

H. THANH TRÍ - TP. HÀ NỘI

ĐINH VĂN TUY

TỶ LỆ: 1/100

BẢN VẼ SỐ:

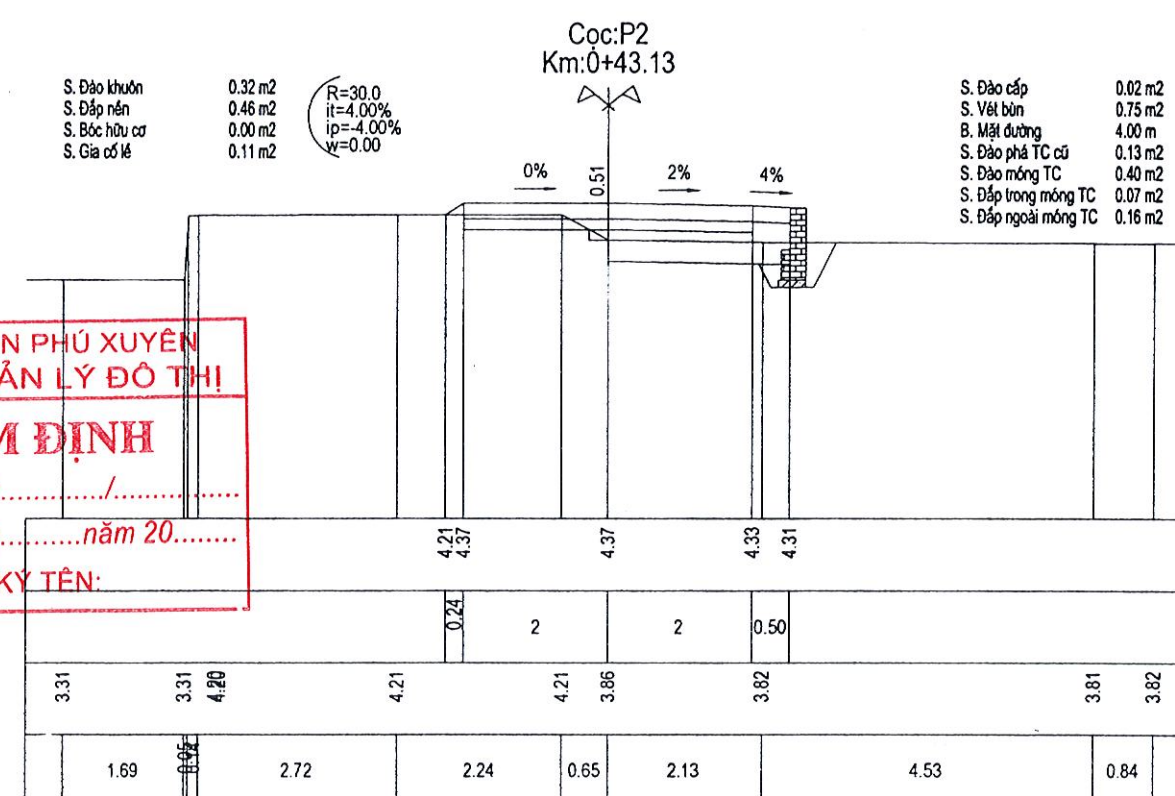
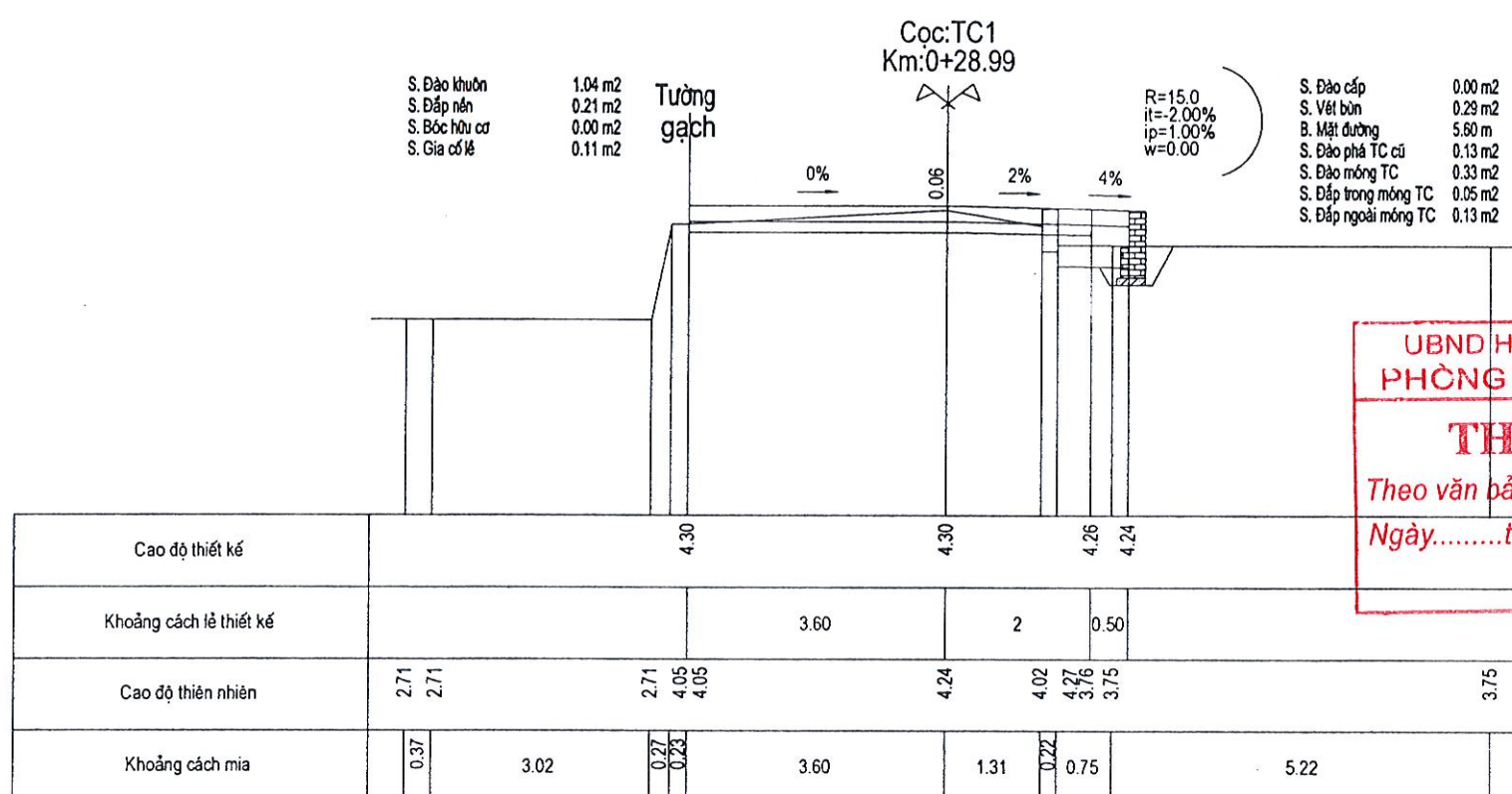
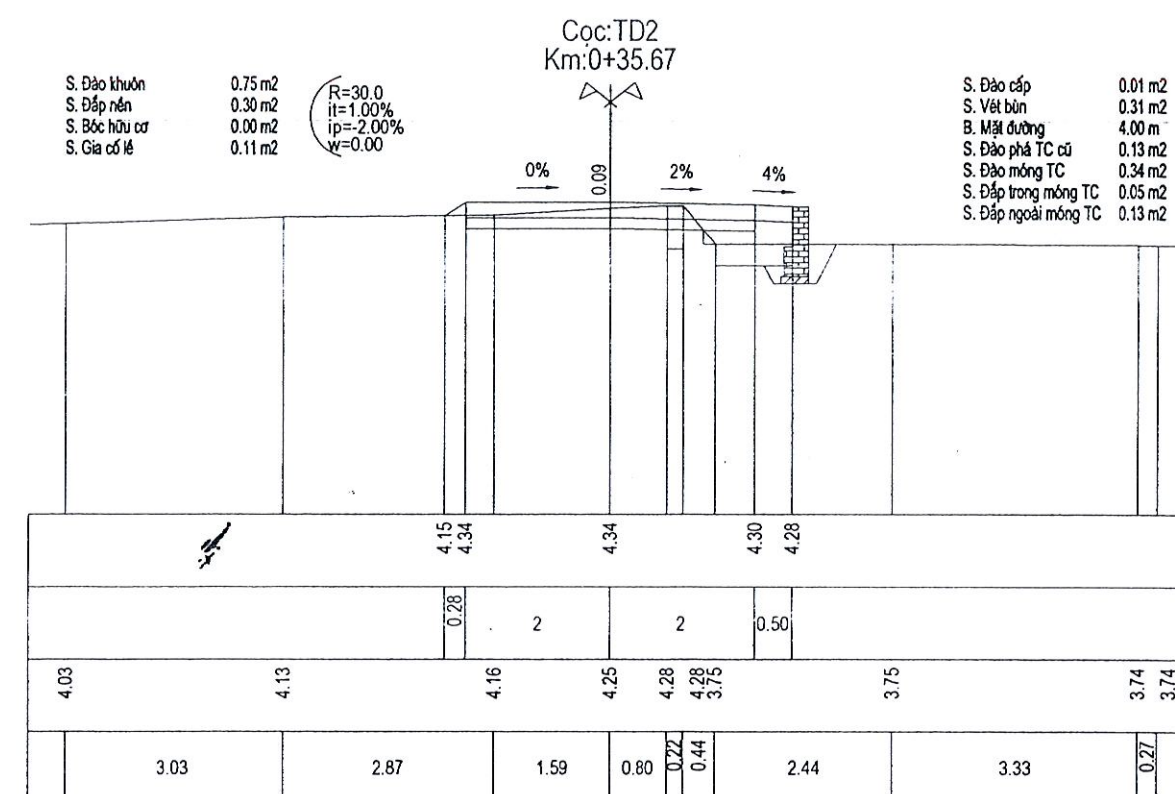
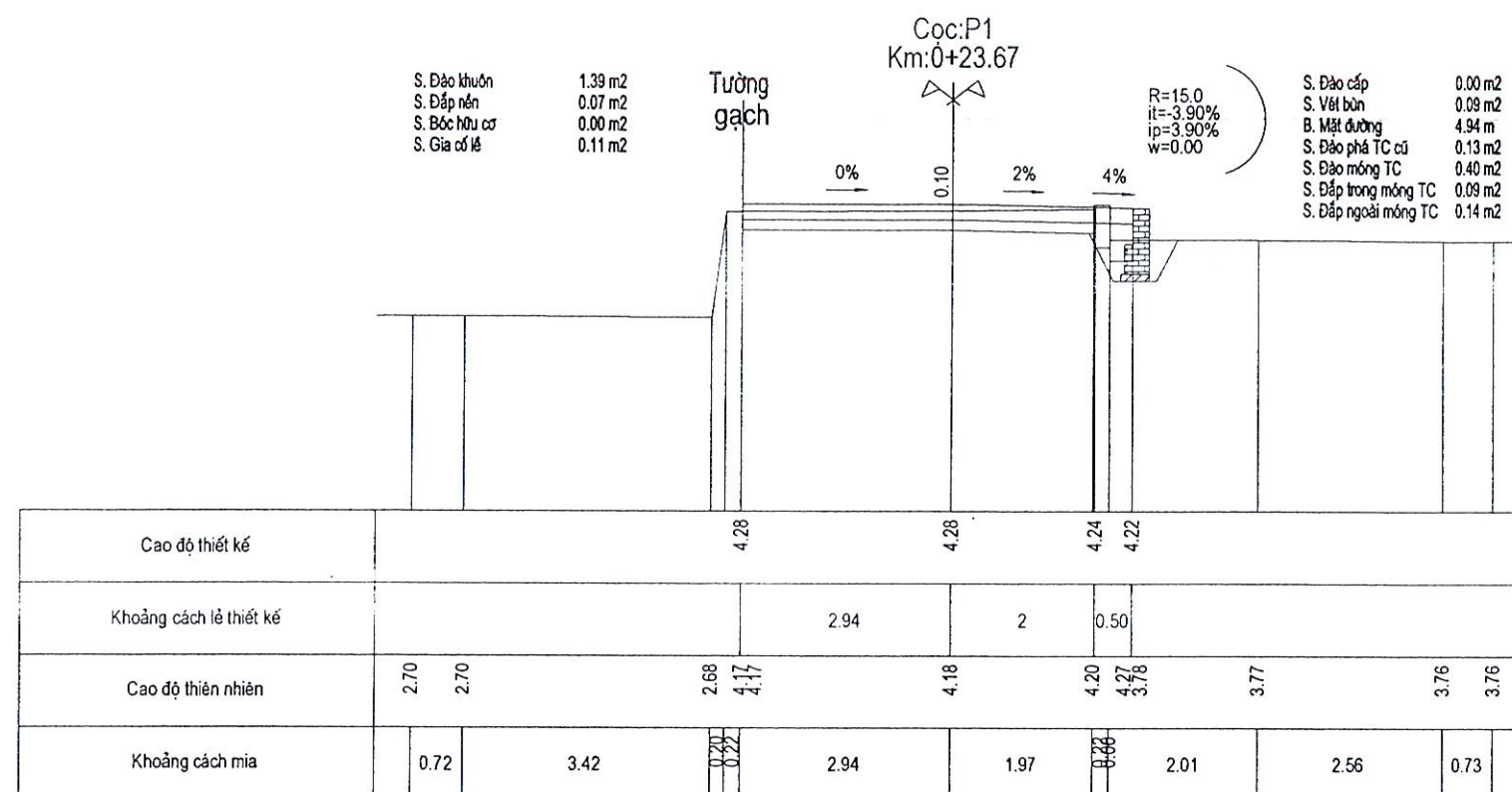


CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP

Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà
Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội

Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com

BẢN VẼ TRẮC NGANG
TUYẾN 1: KMO+00 -> KMO+174.21



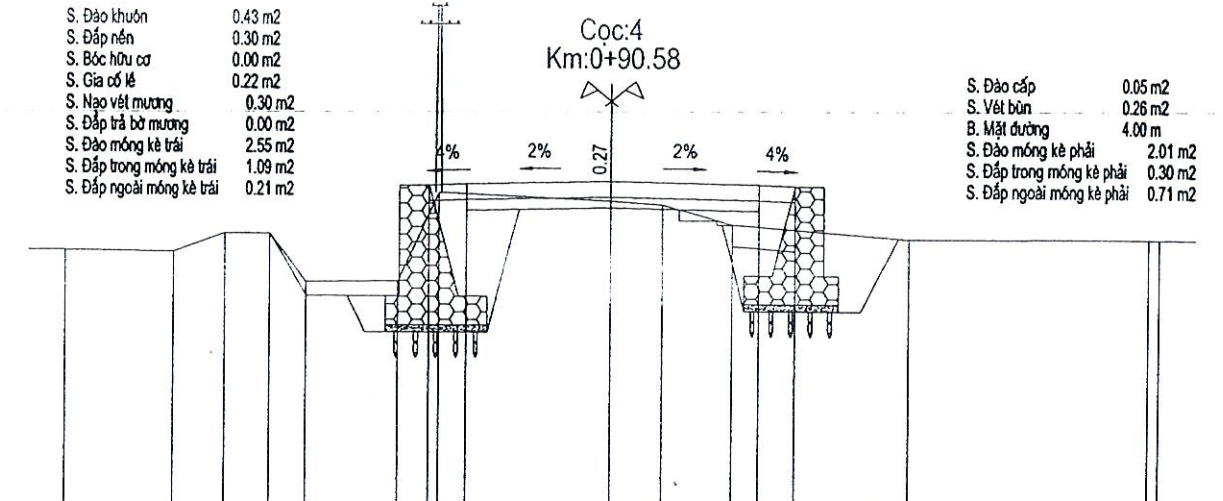
UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

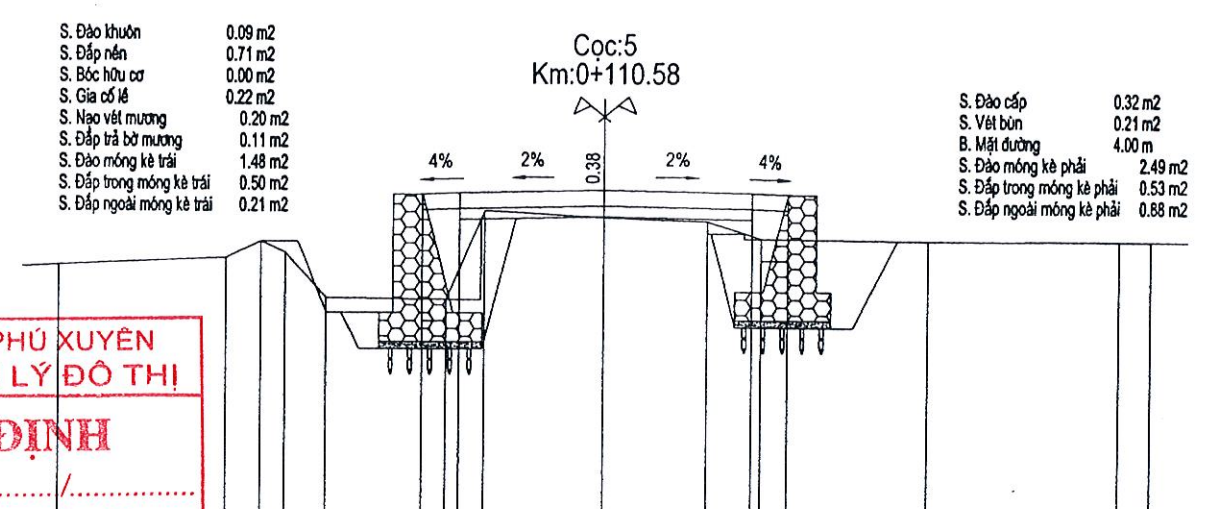
Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:

 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	UBND XÃ TRI THỦY	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN VINH NINH TỨ CỐNG TRƯỞNG MẦM NON QUA NHÀ BÀ TÚC, BÀ HỒNG ĐOAN TỪ NHÀ ÔNG XUÂN ĐẾN NHÀ ÔNG GIÀ ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN ĐẠT	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT: VŨ ANH ĐỨC	C.N.Đ.A: ĐINH VĂN TUY	Hà Nội, ngày tháng năm 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP ĐINH VĂN TUY	TỶ LỆ: 1/100 BẢN VẼ SỐ:
	BẢN VẼ TRẮC NGANG	TUYỂN 1: KM0+00 - KM0+174.21	KIỂM TRA: ĐỖ XUÂN TRƯỞNG	ĐINH VĂN TUY			



1.49	0.72	0.62	0.49	1.27	0.55	2.37	0.71	0.91	2.43	3.29	0.15	3.83	3.82
3.63	3.61	3.87	3.87	3.19	3.21	4.45	4.34	4.29	4.01	3.81			
						0.50		2		0.50			
						4.55		4.61		4.57			
						4.57				4.55			



TÊN:		4.65		4.67		4.71		4.67		4.65	
0.50		2		2		0.50					
3.65		3.76		3.99		3.84		3.20		3.19	
4.43		4.33		4.28		4.03		4.01		4.02	
4.02											
2.31		0.47		0.33		0.55		1.66		0.53	
1.65		1.39		0.73		2.29		2.63		0.46	

KÝ TÊN:

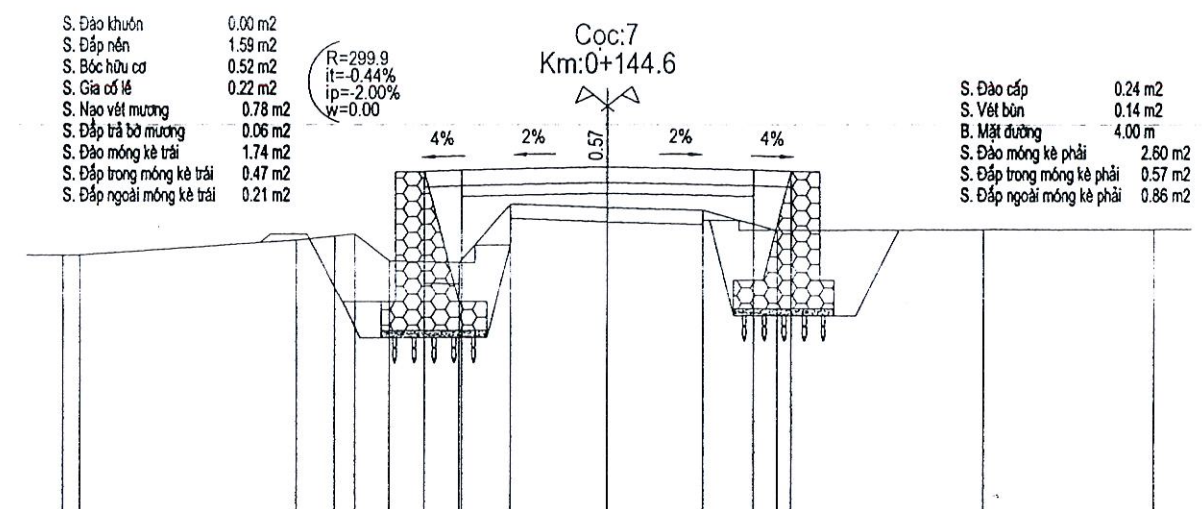
ĐỖ XUÂN TRƯỜNG

ĐINH VĂN TUYÊN

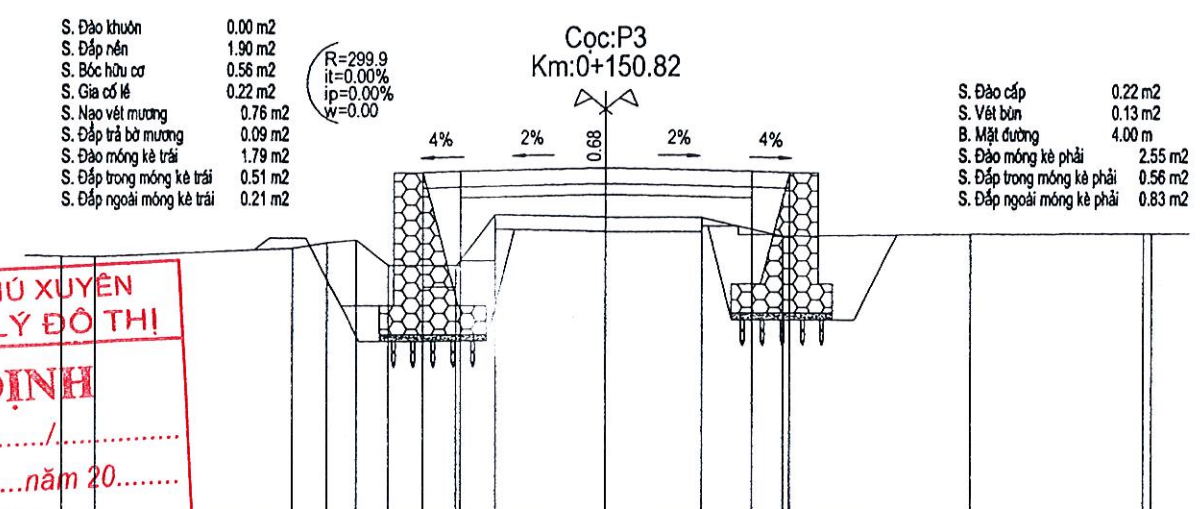
IV. VÊ SỐ:



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP
Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà
Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội
04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com



0.23	3.00	0.53	0.27	0.48	0.95	0.72	1.32	1.30	1.02	2.83	2.36	4.02
3.65	3.65	3.86	3.91	3.94	3.57	3.54	4.36	4.31	4.27	3.99	4.01	4.02
						0.50	2	2	0.50			
						4.82	4.84	4.88	4.84	4.82		



	0.45	2.74	0.48	0.39	0.45	0.92	0.55	1.51	1.31	1.11	2.59	2.38	0.12
3.70	3.69	3.80	3.88	3.92	3.56	3.56	4.27	4.23	4.23	3.97	4.00	4.01	4.01
						0.50	2	2	0.50				
						4.85	4.87	4.91	4.87	4.85			

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

(Signature)

ĐINH VĂN TUY

S. Đào khuôn 0.00 m2
S. Đắp nền 1.83 m2
S. Bóc hữu cơ 0.54 m2
S. Gia cố lè 0.22 m2
S. Nạo vét mương 0.79 m2
S. Đắp trả bờ mương 0.09 m2
S. Đào móng kê trái 1.90 m2
S. Đắp trong móng kê trái 0.60 m2
S. Đắp ngoài móng kê trái 0.21 m2

R=299.9
it=-0.44%
ip=-2.00%
w=0.00

Cọc:8
Km:0+157.03

S. Đào cấp 0.23 m2
S. Vét bùn 0.24 m2
B. Mặt đường 4.00 m
S. Đào móng kê phải 2.51 m2
S. Đắp trong móng kê phải 0.51 m2
S. Đắp ngoài móng kê phải 0.87 m2

S. Đào khuôn 0.60 m2
S. Đắp nền 0.55 m2
S. Bóc hữu cơ 0.00 m2
S. Gia cố lè 0.22 m2
S. Nạo vét mương 1.54 m2
S. Đắp trả bờ mương 0.01 m2
S. Đào móng kê trái 3.70 m2
S. Đắp trong móng kê trái 1.58 m2
S. Đắp ngoài móng kê trái 0.21 m2

R=299.9
it=-1.63%
ip=-2.00%
w=0.00

Cọc:9
Km:0+170.2

S. Đào cấp 0.00 m2
S. Vét bùn 0.00 m2
B. Mặt đường 4.00 m
S. Đào móng kê phải 2.43 m2
S. Đắp trong móng kê phải 0.39 m2
S. Đắp ngoài móng kê phải 0.89 m2

Cao độ thiết kế		4.88	4.90	4.94	4.90	4.88								
Khoảng cách lề thiết kế		0.50	2	2	0.50									
Cao độ thiên nhiên	3.85	3.82	4.02	3.94	3.62	3.56	4.28	4.29	4.29	4.04	4.00	4.03	4.03	
Khoảng cách mìa	2.97	0.39	0.52	0.52	0.94	0.48	1.69	1.01	1.04	2.28	2.96	0.21		

		4.95	4.97	5.01	4.97	4.95								
		0.50	2	2	0.50									
	3.87	3.88	4.21	4.17	3.57	3.56	4.74	4.83	4.82	4.04	4.03	4.03	4.02	
	0.82	0.79	0.50	0.63	1.27	0.66	2.84	0.90	0.72	0.58	2.02	3.01	0.78	

S. Đào khuôn 0.00 m2
S. Đắp nền 1.47 m2
S. Bóc hữu cơ 0.55 m2
S. Gia cố lè 0.22 m2
S. Nạo vét mương 0.51 m2
S. Đắp trả bờ mương 0.06 m2
S. Đào móng kê trái 2.19 m2
S. Đắp trong móng kê trái 0.78 m2
S. Đắp ngoài móng kê trái 0.21 m2

R=299.9
it=-1.00%
ip=-2.00%
w=0.00

Cọc:TC3
Km:0+163.24

S. Đào cấp 0.30 m2
S. Vét bùn 0.00 m2
B. Mặt đường 4.00 m
S. Đào móng kê phải 2.57 m2
S. Đắp trong móng kê phải 0.57 m2
S. Đắp ngoài móng kê phải 0.83 m2

S. Đào khuôn 1.47 m2
S. Đắp nền 0.00 m2
S. Bóc hữu cơ 0.00 m2
S. Gia cố lè 0.00 m2

R=299.9
it=-2.00%
ip=-2.00%
w=0.00

Cọc:CT1
Km:0+174.21

S. Đào cấp 0.00 m2
S. Vét bùn 0.00 m2
B. Mặt đường 4.00 m

Cao độ thiết kế		4.92	4.94	4.98	4.94	4.92								
Khoảng cách lề thiết kế		0.50	2	2	0.50									
Cao độ thiên nhiên	3.87	3.85	4.14	4.06	3.54	3.54	4.41	4.41	4.37	3.94	4.01	4.04	4.03	
Khoảng cách mìa	2.26	0.44	0.42	0.69	1.32	0.55	1.82	0.94	1.54	2.59	1.69	0.74		

		5.04	5.03	5.03	5.02									
		2.01	2	0.00										
	5.04	5.04	5.03	5.01	5.11	5.11								
	4.18	3.32	3.49	3.79	0.22									

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
KÝ TÊN:

UBND XÃ TRI THỦY

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN VINH NINH TỨ CỐNG TRƯỞNG MẦM NON
QUA NHÀ BÀ TỨC, BÀ HỒNG ĐOAN TỨ NHÀ ÔNG XUÂN ĐẾN NHÀ ÔNG GIÀ
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN ĐẠT
CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC
C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY
KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2024
P. TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐINH VĂN TUY



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP
Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà
Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội
Tel: 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com

BẢN VẼ TRẮC NGANG
TUYẾN 1: KM0+00 - KM0+174.21

TỶ LỆ: 1/100

BẢN VẼ SỐ:

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỎNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2

HẠNG MỤC: NỀN MẶT ĐƯỜNG

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYÊN - TP. HÀ NỘI

TUYẾN 1: KM0+00 :- KM0+174.21

[illegible]

Tên cọc	Khoảng cách lỗ (m)	Diện tích (m2)									Mặt đường (m)	Khối lượng (m3)									Diện tích mặt đường (m2)
		Đào khuôn	Đắp nền	Bóc hữu cơ	Nạo vét mương	Đắp bờ trả mương	Gia cố lề	Đào cấp	Vét bùn	Đào phá tường chắn cũ		Đào khuôn	Đắp nền	Bóc hữu cơ	Nạo vét mương	Đắp bờ trả mương	Gia cố lề	Đào cấp	Vét bùn	Đào phá tường chắn cũ	
	6.22											-	10.85	3.36	4.79	0.47	1.37	1.43	0.84	-	24.88
P3		-	1.90	0.56	0.76	0.09	0.22	0.22	0.13	-	4.00										
	6.21											-	11.58	3.42	4.81	0.56	1.37	1.40	1.15	-	24.84
8		-	1.83	0.54	0.79	0.09	0.22	0.23	0.24	-	4.00										
	6.21											-	10.25	3.38	4.04	0.47	1.37	1.65	0.75	-	24.84
TC3		-	1.47	0.55	0.51	0.06	0.22	0.30	-	-	4.00										
	6.96											2.09	7.03	1.91	7.13	0.24	1.93	1.04	-	0.45	27.84
9		0.60	0.55	-	1.54	0.01	0.22	-	-	0.13	4.00										
	4.01											4.15	1.10	-	3.09	0.02	0.44	-	-	0.52	16.04
CT1		1.47	-	-	-	-	-	-	-	0.13	4.00										
Tổng	174.21											81.19	112.90	24.57	71.15	5.96	32.62	24.27	40.91	5.96	715.41

UBND HUYỆN PHÚ XUYÊN
SỞ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:/.....
ngàythángnăm 20.....
KÝ TÊN:

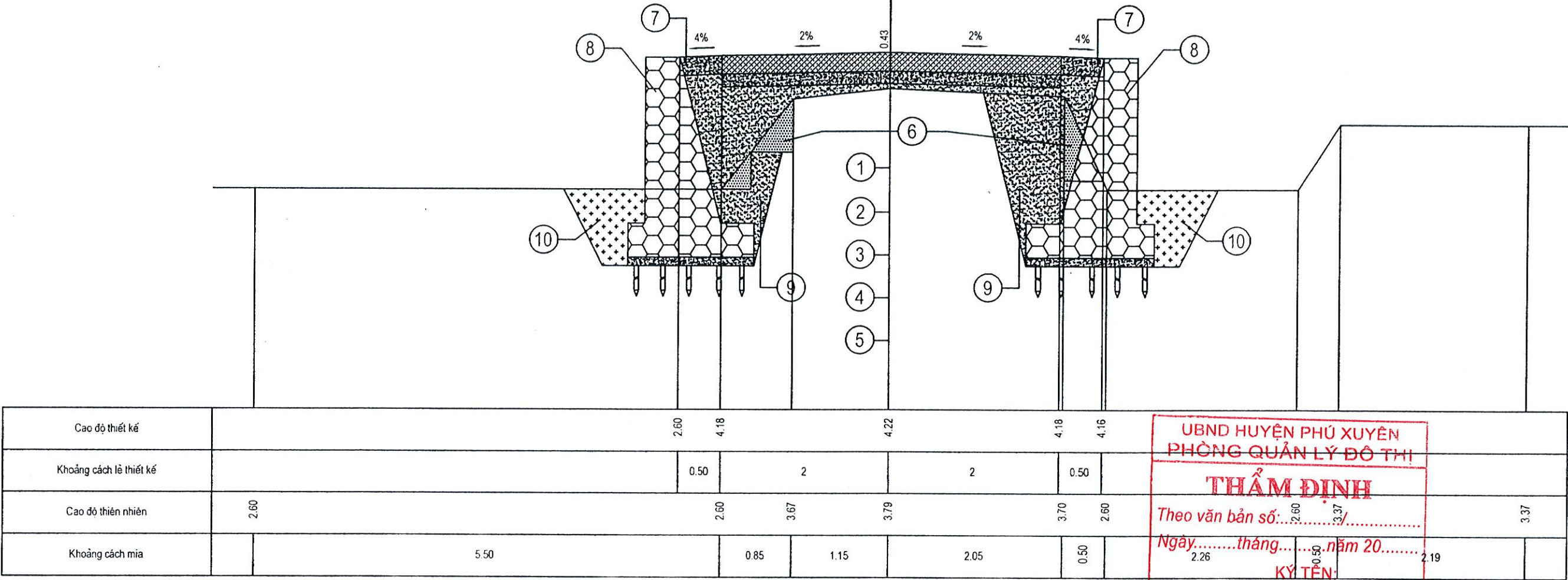
M.S.D.N. 0103593016 - C
CỦ PHẢN
XÂY DỰNG
NHP
H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

TUYỂN 2



UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
KÝ TÊN:

Trắc ngang đại diện
Lý trình: Km0+00 -:- Km0+195.66



KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG :

- ① Mặt đường BTXM mác 300# đá 2x4 dày 22cm

② Rải nilon chống thấm

③ Lớp móng CPDD loại I (0/25) dày 15cm đầm chặt K=0.98

④ Rải vải địa kỹ thuật

⑤ Đắp nền bằng cát đen đầm chặt K=0.95
- ⑥ Đánh cấp

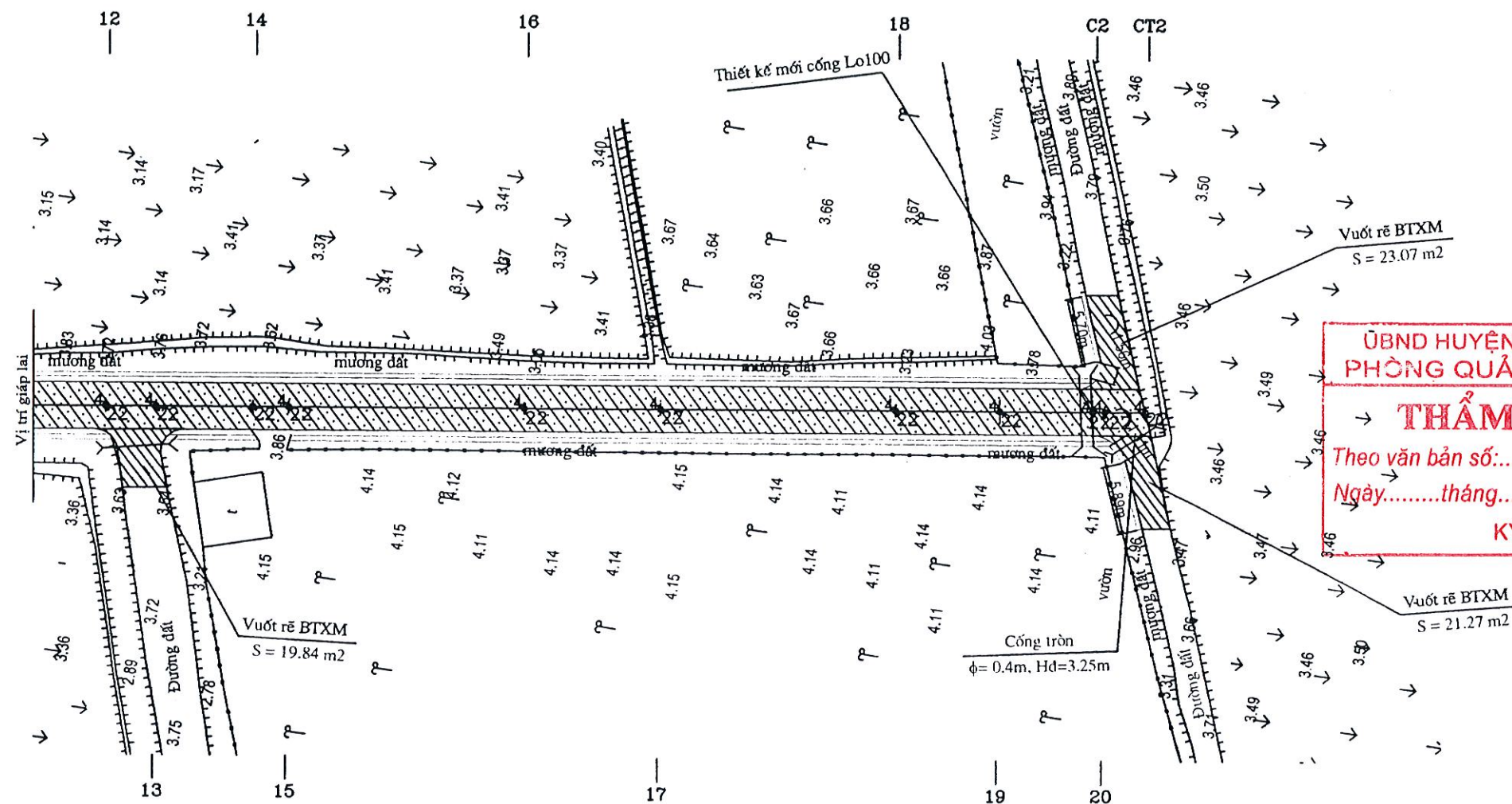
⑦ Gia cố lề bằng CPDD loại I 0/25 dày 22cm

⑧ Kè đá hộc thiết kế mới (có bản vẽ chi tiết)

⑨ Đắp trong móng kè bằng cát đen đầm chặt K=0.95

⑩ Đắp ngoài móng kè bằng đất tận dụng đầm chặt K=0.85

UBND XÃ TRI THỦY	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC		Hà Nội ngày 15 tháng 05 năm 2024 P. TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP ĐINH VĂN TUY M.S.D.N: 0101590916 H. THANH TRÍ - TP. HÀ NỘI	TL: 1/50
		THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG			
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	BẢN VẼ TRẮC NGANG ĐẠI DIỆN TUYẾN 2: KM0+00 -:- KM0+195.66	C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY		BẢN VẼ SỐ:	
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG			



UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

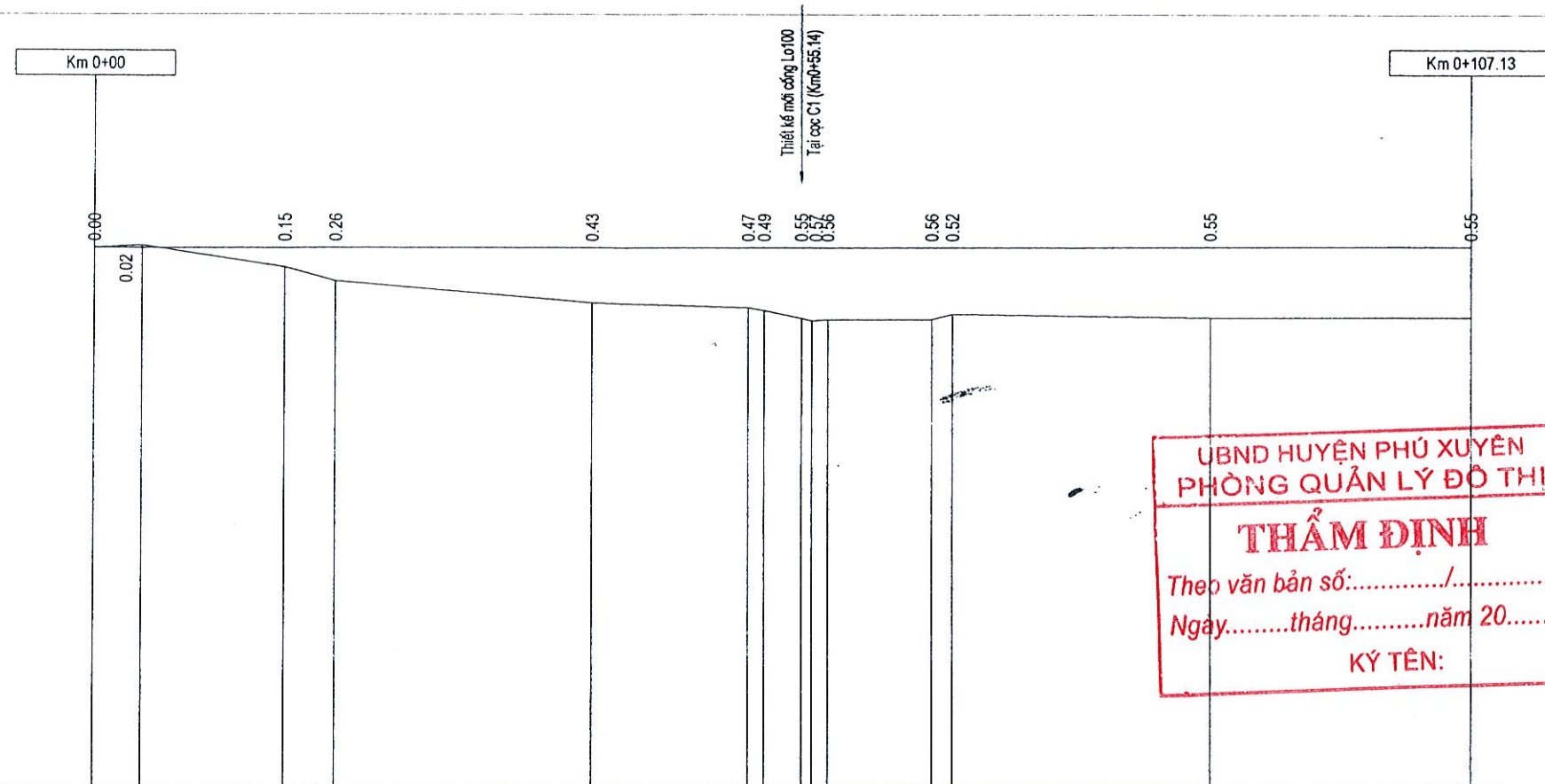
THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

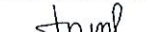
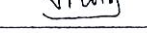
KÝ TÊN:

Chú dẫn hiện trạng										Chú dẫn công trình			
Ký hiệu	Chú dẫn	Ký hiệu	Chú dẫn	Ký hiệu	Chú dẫn	Ký hiệu	Chú dẫn	Ký hiệu	Chú dẫn	Mặt đường BTXM	Trục tuyến đường	Rãnh Lo 40	
	Mức cao độ		Ao		Tường gạch		Cống		Mộ	Vuốt rẽ BTXM		Kè xây gạch	
	Số cao độ		Ruộng		Ta luy		Mương xây		Cột điện				
UBND XÃ TRI THỦY				CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÀNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG				CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC		1035930 Hà Nội, ngày .. tháng .. năm 2024 CÔNG TÔNG GIÁM ĐỐC CÔNG PHẦN XÂY DỰNG NHP H. THANH TRÌ - T. HÀ NỘI		
								THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG				
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com				BẢN VẼ BÌNH DỒ TUYÊN 2: KM0+00 - KM0+195.66				C.N.Đ.A	ĐÌNH VĂN TUY		ĐÌNH VĂN TUY		
								KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG				

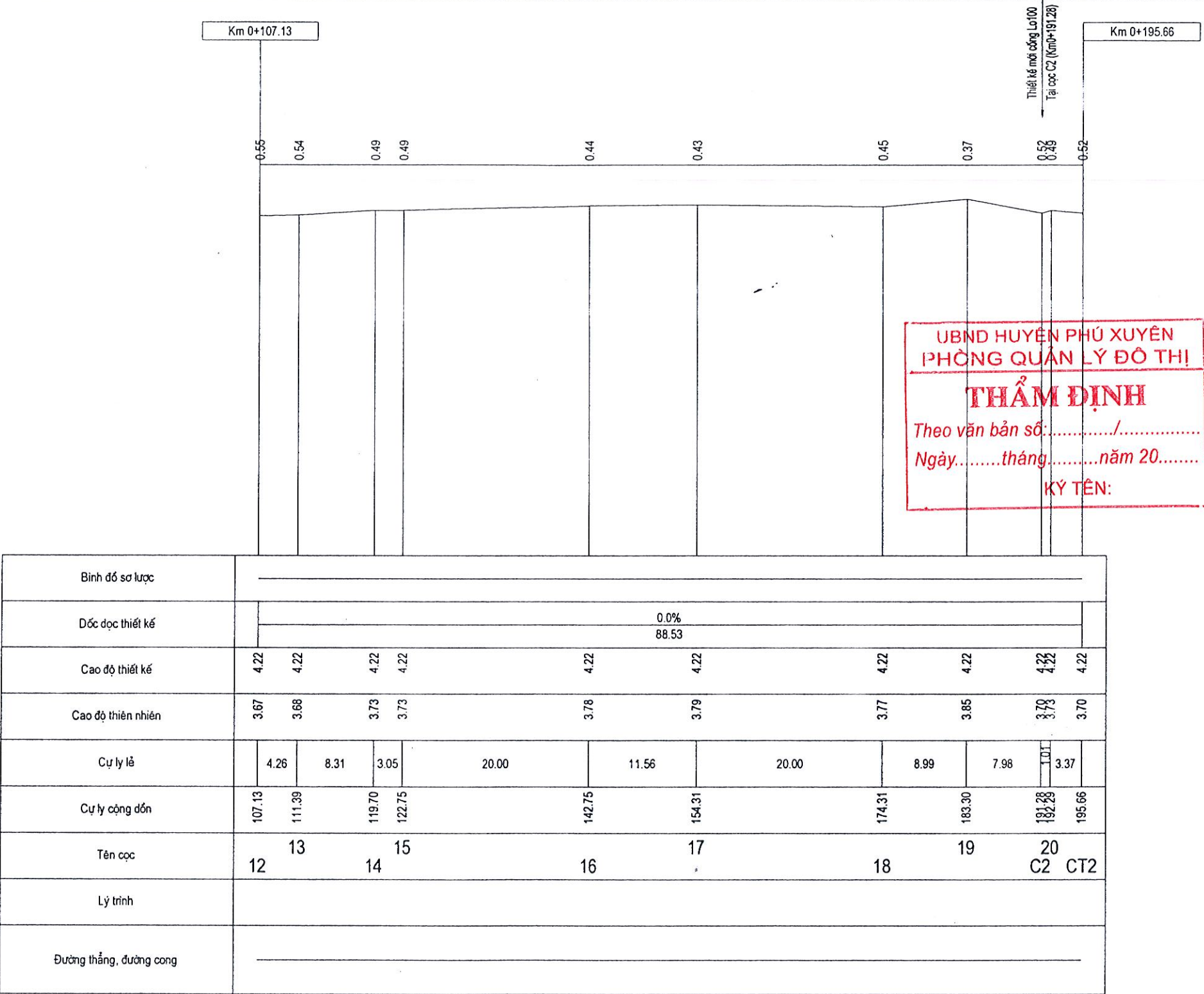
TRẮC DỌC TUYẾN
LÝ TRÌNH: KM0+00 -:- KM0+195.66



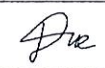
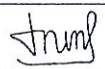
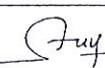
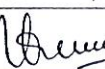
Bình đồ sơ lược													
Dốc dọc thiết kế	0.0%												
	107.13												
Cao độ thiết kế	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22	4.22
Cao độ thiên nhiên	4.22	4.24	4.07	3.96	3.79	3.75	3.73	3.67	3.66	3.70	3.67	3.67	3.67
Cự ly lẻ	3.71	11.15	3.94	20.00	12.23	1.21	2.90	0.00	1.24	8.19	1.55	20.00	20.21
Cự ly cộng dồn	0.00	3.71	14.86	18.80	38.80	51.03	52.24	55.14	55.94	65.37	66.92	86.92	107.13
Tên cọc	DT2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lý trình	H0												
Đường thẳng, đường cong	H1												

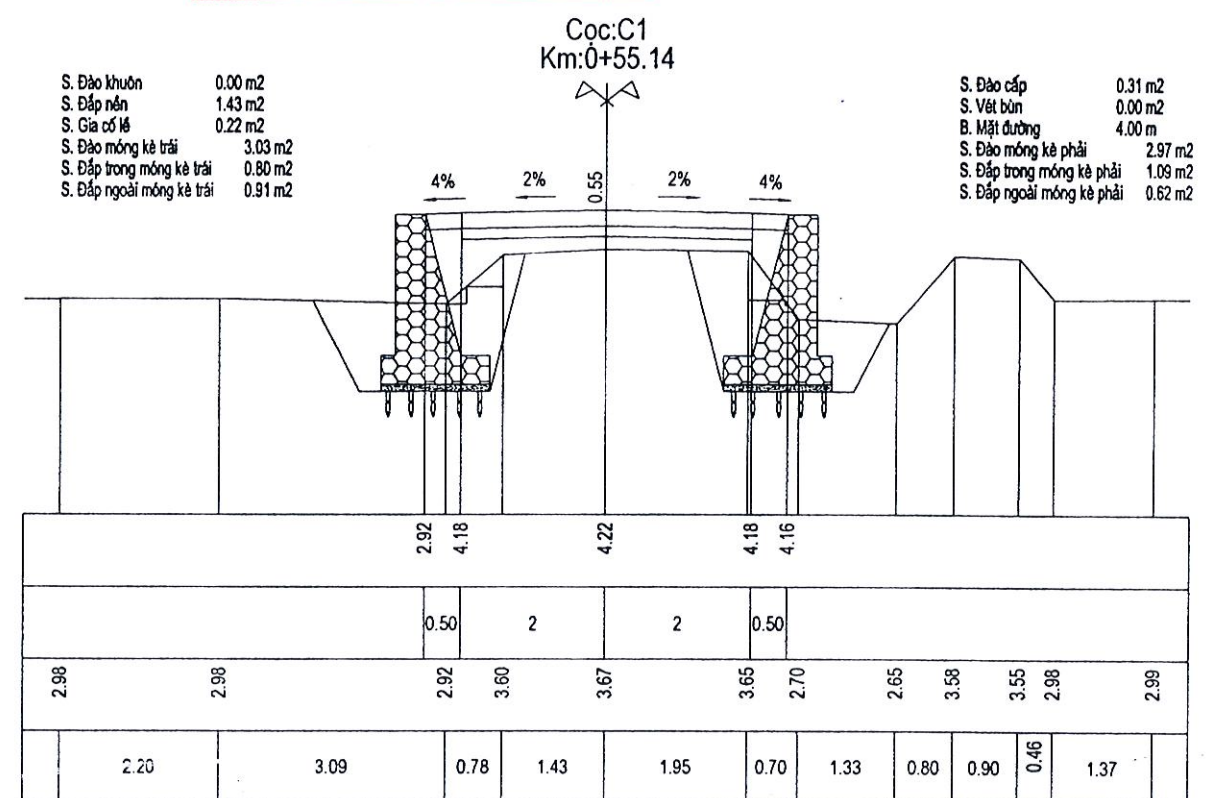
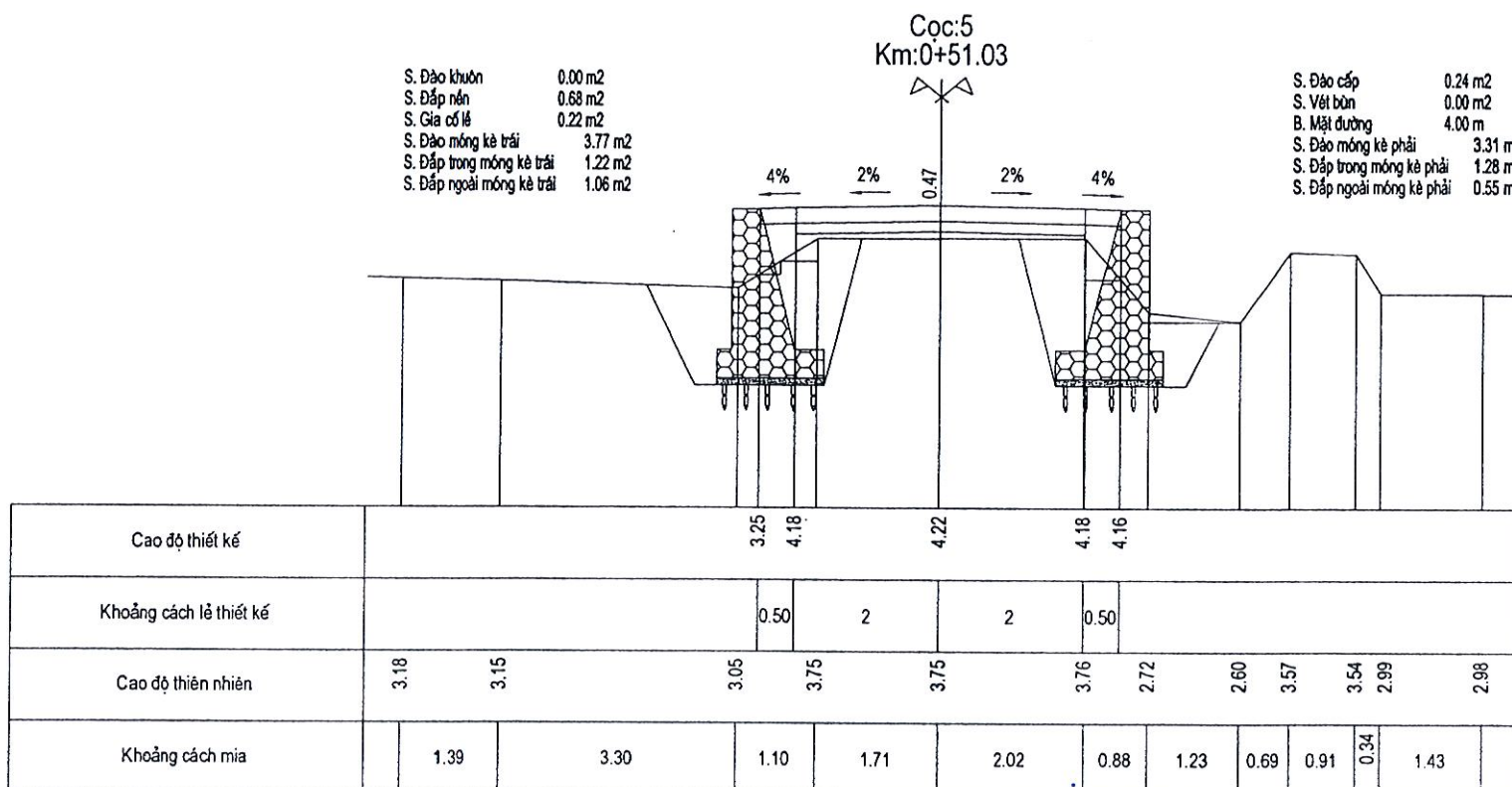
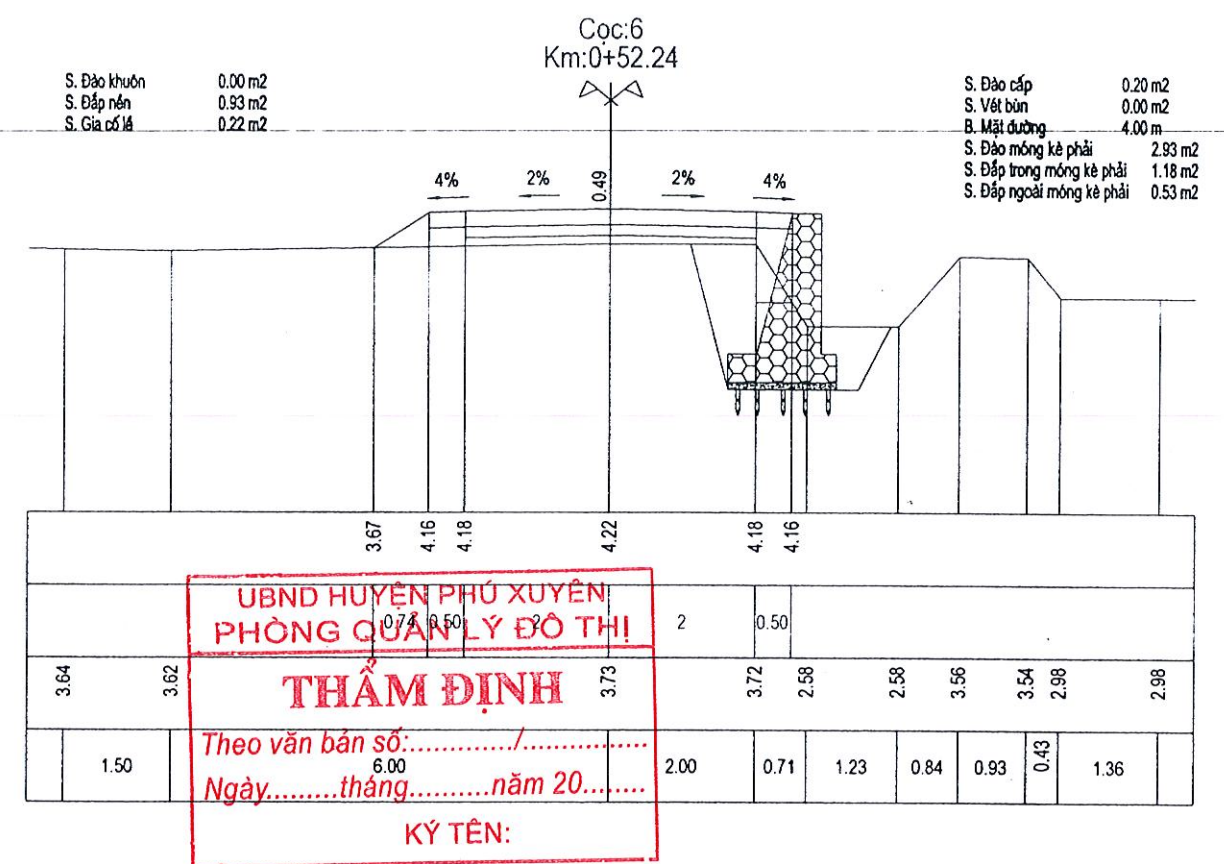
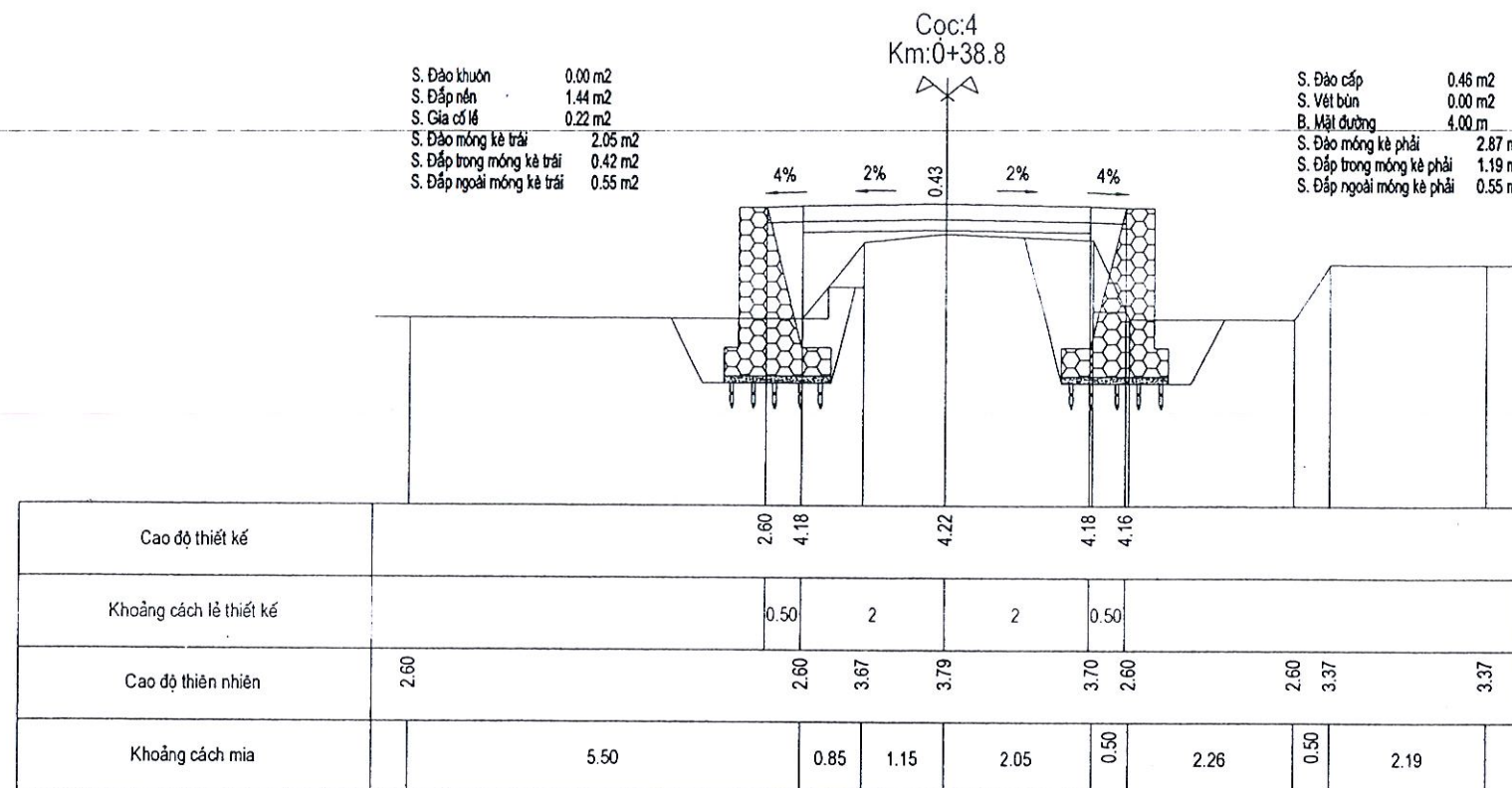
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CÔNG VƯỜN THÀNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP.HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC		 Hà Nội, ngày tháng năm 2024 B. TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP ĐINH VĂN TUY	TL: 1/500
		THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG			
	BẢN VẼ TRẮC DỤC TUYẾN 2: KMO+00 -> KMO+195.66	C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY			BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỜNG			

TRẮC DỌC TUYẾN
LÝ TRÌNH: KM0+00 -> KM0+195.66

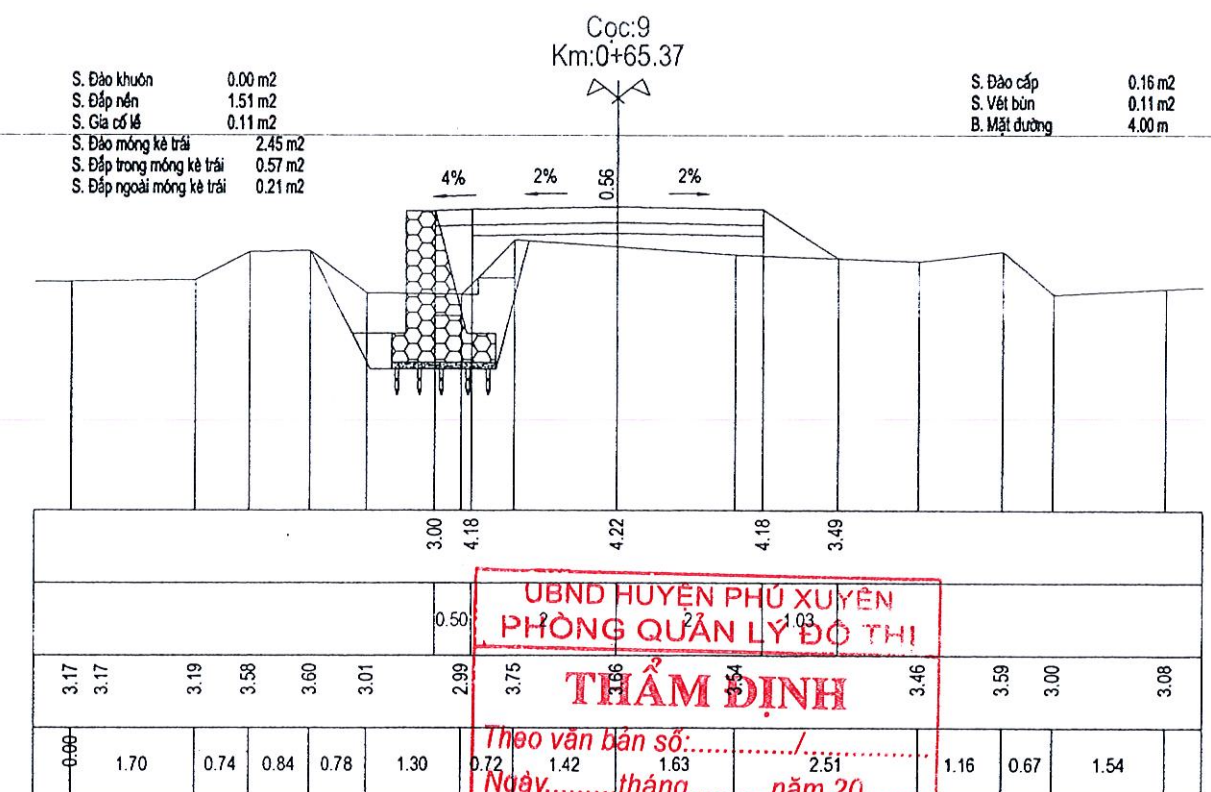
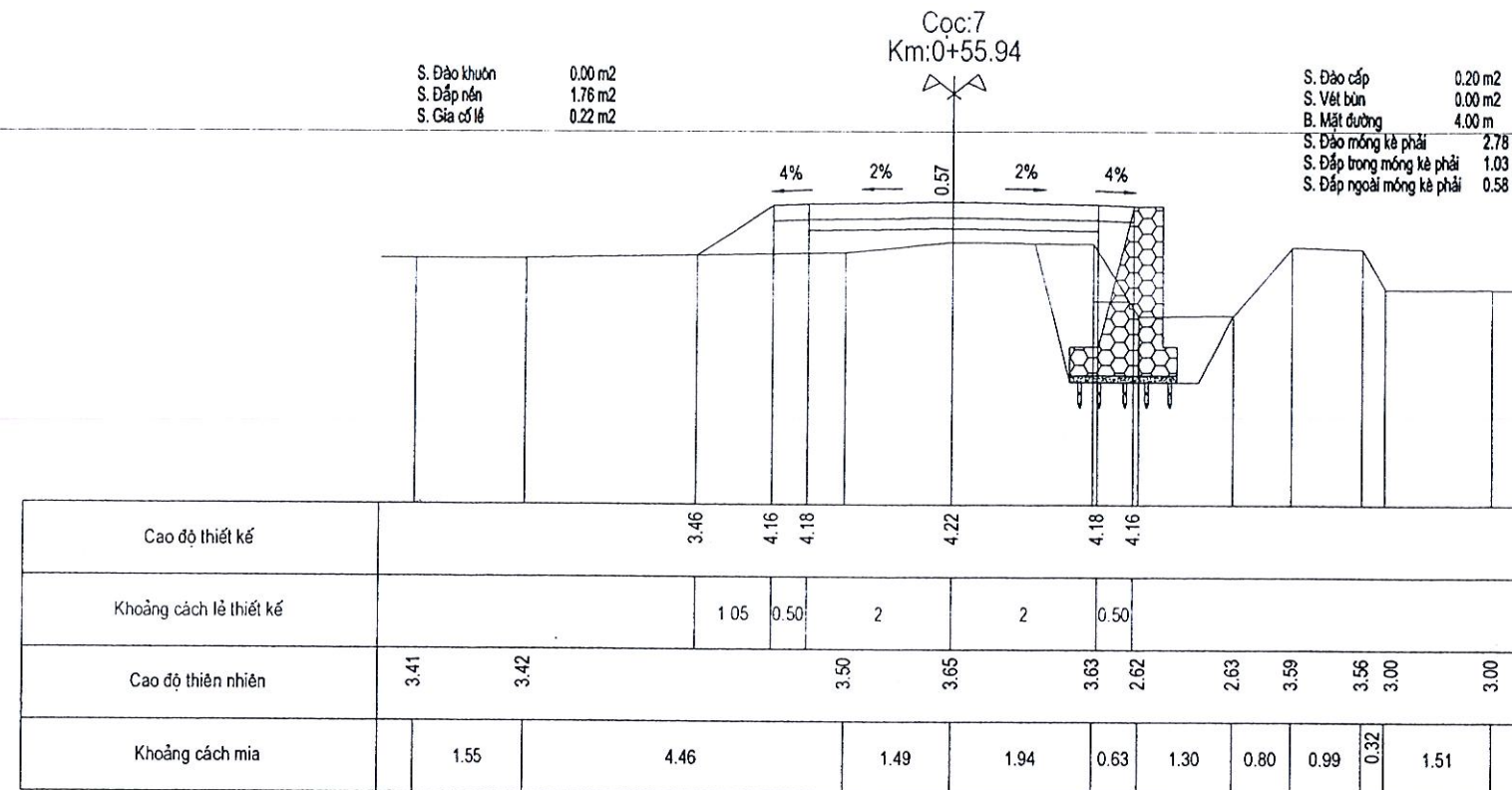


UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:/.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
KÝ TÊN:

UBND XÃ TRI THỦY  CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel: 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG BẢN VẼ TRẮC DỌC TUYẾN 2: KM0+00 -> KM0+195.66	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC		Hà Nội, ngày tháng năm 2024  P. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐINH VĂN TUY	TL: 1/500
		THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG			
		C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY			
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG			



 UBND XÃ TRI THỦY CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CÔNG VƯỜN THÀNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG			CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC	<i>Duc</i>	Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2024 P. TỔNG GIÁM ĐỐC XÂY DỰNG NHP ĐINH VĂN TUY	TL: 1/100 BẢN VẼ SỐ:
	BẢN VẼ TRẮC NGANG TUYẾN 2: KMO+00 - KMO+195.66			THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG	<i>Trung</i>		
				C.N.D.A	ĐINH VĂN TUY	<i>Tuy</i>		
				KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG	<i>Xuan</i>		

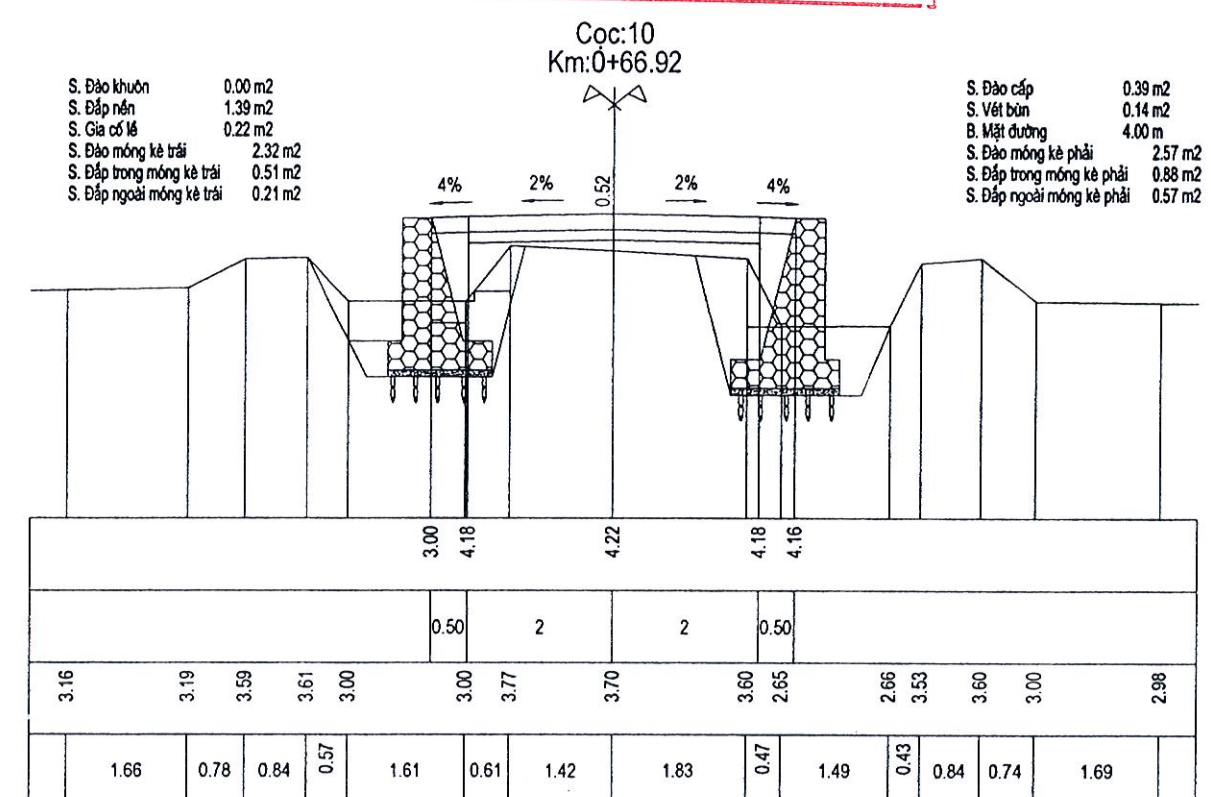
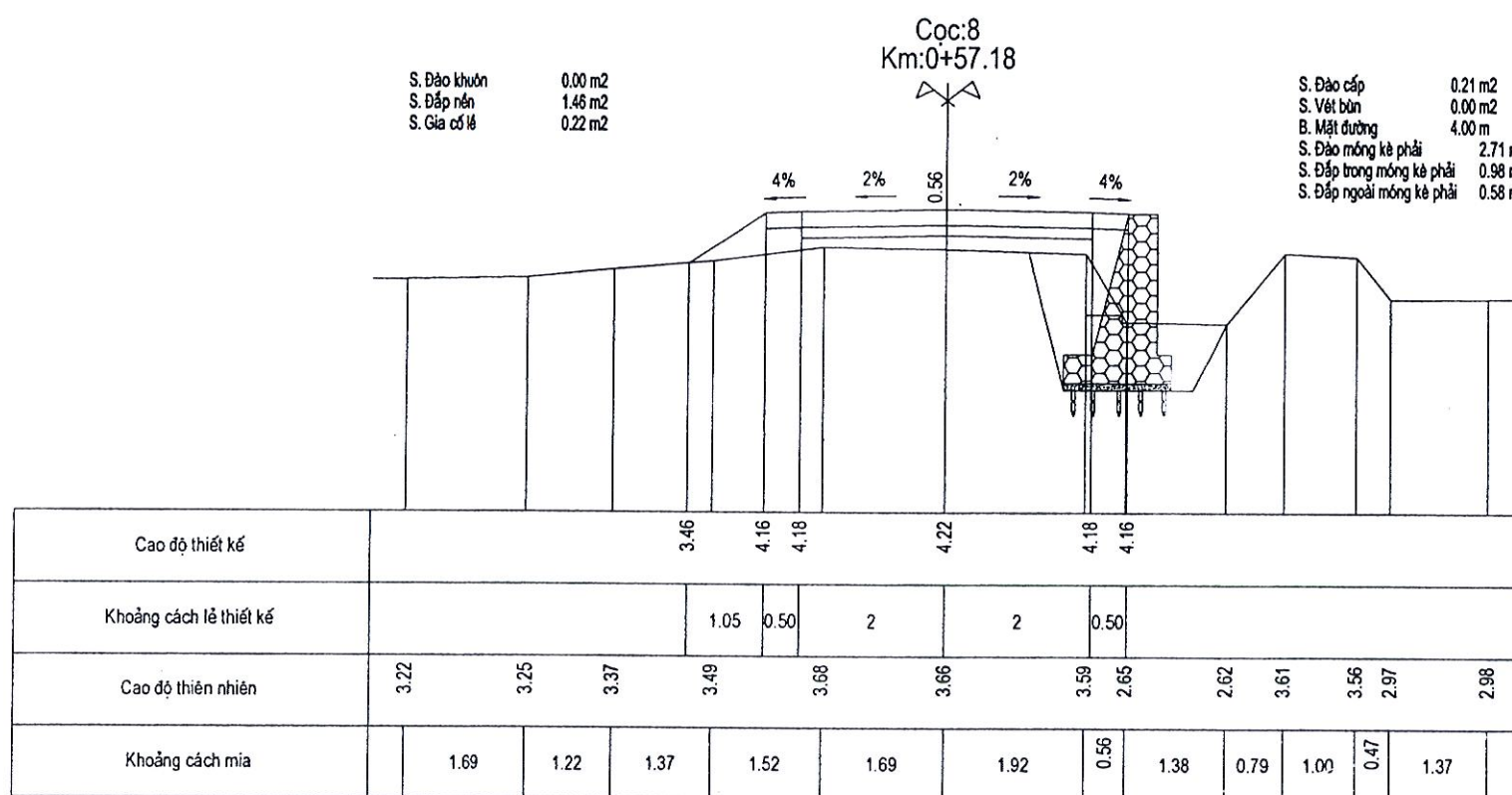


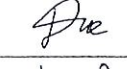
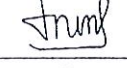
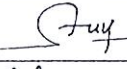
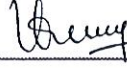
UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:/.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:

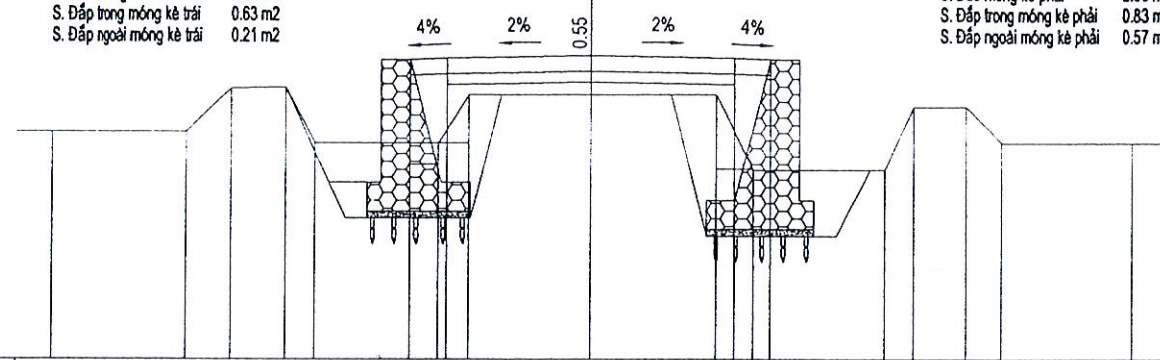


 UBND XÃ TRI THỦY CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel: 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG BẢN VẼ TRẮC NGANG TUYẾN 2: KMO+00 ↔ KMO+195.66	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC		Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024 PHÒNG GIÁM ĐỐC CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP ĐINH VĂN TUY	TL: 1/100
		THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG			
		C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY			
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG			

Cọc:11
Km:0+86.92

S. Đào khuôn 0.00 m2
S. Đắp nền 1.40 m2
S. Gia cố lè 0.22 m2
S. Đào móng kê trái 2.36 m2
S. Đắp trong móng kê trái 0.83 m2
S. Đắp ngoài móng kê trái 0.21 m2

S. Đào cấp 0.39 m2
S. Vết bùn 0.12 m2
B. Mặt đường 4.00 m
S. Đào móng kê phải 2.50 m2
S. Đắp trong móng kê phải 0.83 m2
S. Đắp ngoài móng kê phải 0.57 m2

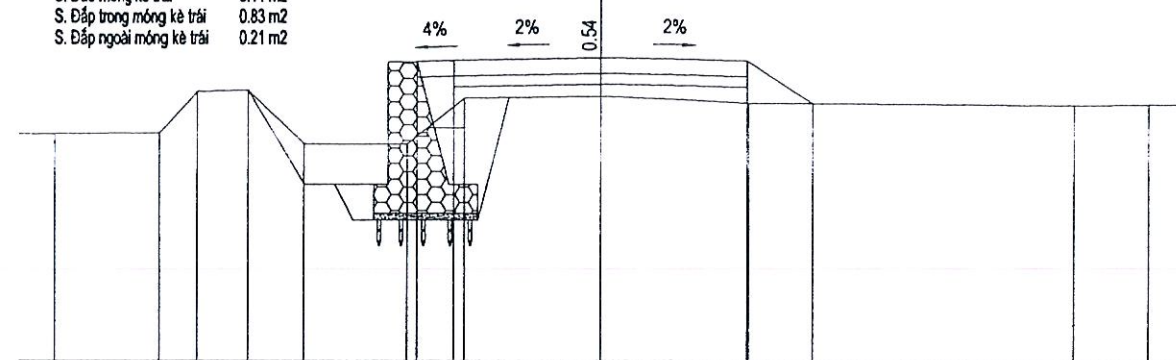


Cao độ thiết kế		3.00	4.18	4.22	4.18	4.16								
Khoảng cách lề thiết kế		0.50	2	2	0.50									
Cao độ thiên nhiên	3.15	3.15	3.75	3.77	3.00	3.00	3.67	3.67	3.67	2.62	2.62	3.50	3.50	3.00
Khoảng cách mìa	1.88	0.65	0.75	0.41	1.70	0.41	1.70	1.75	0.51	1.80	0.41	0.73	0.49	1.81

Cọc:13
Km:0+111.39

S. Đào khuôn 0.00 m2
S. Đắp nền 1.20 m2
S. Gia cố lè 0.11 m2
S. Đào móng kê trái 3.11 m2
S. Đắp trong móng kê trái 0.83 m2
S. Đắp ngoài móng kê trái 0.21 m2

S. Đào cấp 0.11 m2
S. Vết bùn 0.00 m2
B. Mặt đường 4.00 m



Cao độ thiết kế		3.12	4.18	4.22	4.18	3.58								
Khoảng cách lề thiết kế		0.50	2	2	0.50									
Cao độ thiên nhiên	3.15	3.16	3.74	3.76	3.01	3.01	3.65	3.65	3.65	3.56	3.56	3.57	3.57	3.57
Khoảng cách mìa	1.45	0.51	0.69	0.77	1.45	0.78	1.86	2.03	4.43	1.04				

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

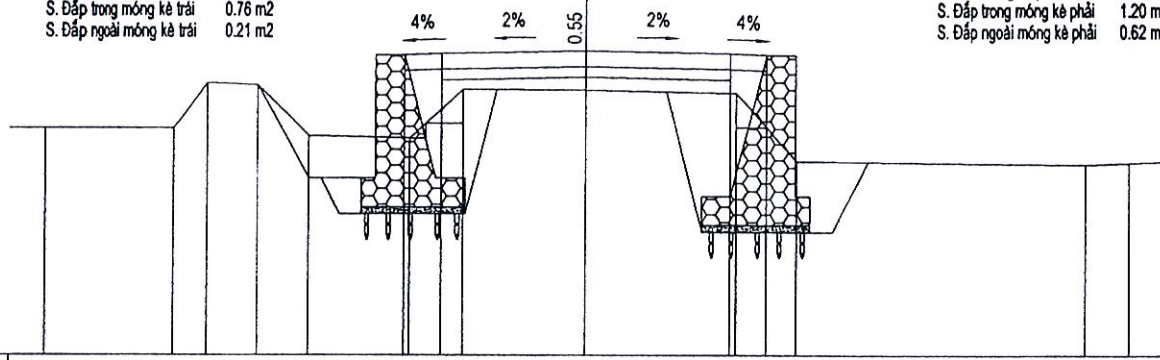
Theo văn bản số: /
Ngày tháng năm 20.....

KÝ TÊN:

Cọc:12
Km:0+107.13

S. Đào khuôn 0.00 m2
S. Đắp nền 1.12 m2
S. Gia cố lè 0.22 m2
S. Đào móng kê trái 2.84 m2
S. Đắp trong móng kê trái 0.76 m2
S. Đắp ngoài móng kê trái 0.21 m2

S. Đào cấp 0.24 m2
S. Vết bùn 0.00 m2
B. Mặt đường 4.00 m
S. Đào móng kê phải 3.22 m2
S. Đắp trong móng kê phải 1.20 m2
S. Đắp ngoài móng kê phải 0.62 m2

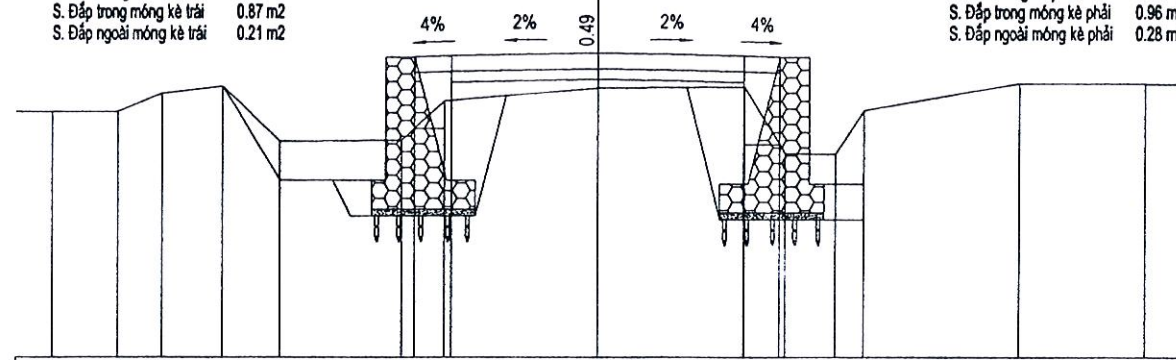


Cao độ thiết kế		3.00	4.18	4.22	4.18	4.16								
Khoảng cách lề thiết kế		0.50	2	2	0.50									
Cao độ thiên nhiên	3.14	3.14	3.77	3.74	3.04	3.00	3.68	3.67	3.63	2.69	2.69	2.34	2.63	2.63
Khoảng cách mìa	1.81	0.48	0.69	0.71	1.39	0.72	1.70	2.09	0.82	3.99	0.60			

Cọc:14
Km:0+119.7

S. Đào khuôn 0.00 m2
S. Đắp nền 0.91 m2
S. Gia cố lè 0.22 m2
S. Đào móng kê trái 3.28 m2
S. Đắp trong móng kê trái 0.87 m2
S. Đắp ngoài móng kê trái 0.21 m2

S. Đào cấp 0.27 m2
S. Vết bùn 0.00 m2
B. Mặt đường 4.00 m
S. Đào móng kê phải 2.77 m2
S. Đắp trong móng kê phải 0.96 m2
S. Đắp ngoài móng kê phải 0.28 m2



Cao độ thiết kế		3.17	4.18	4.22	4.18	4.16								
Khoảng cách lề thiết kế		0.50	2	2	0.50									
Cao độ thiên nhiên	3.40	3.40	3.65	3.75	2.98	3.00	3.55	3.73	3.75	2.82	2.81	3.42	3.79	3.79
Khoảng cách mìa	0.90	0.61	0.82	0.78	1.71	0.57	2.10	2.01	0.57	0.69	0.40	2.13	1.70	



UBND XÃ TRI THỦY

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP
Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà
Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội
Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN
ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BẢN VẼ TRẮC NGANG
TUYẾN 2: KMO+00 -- KMO+195.66

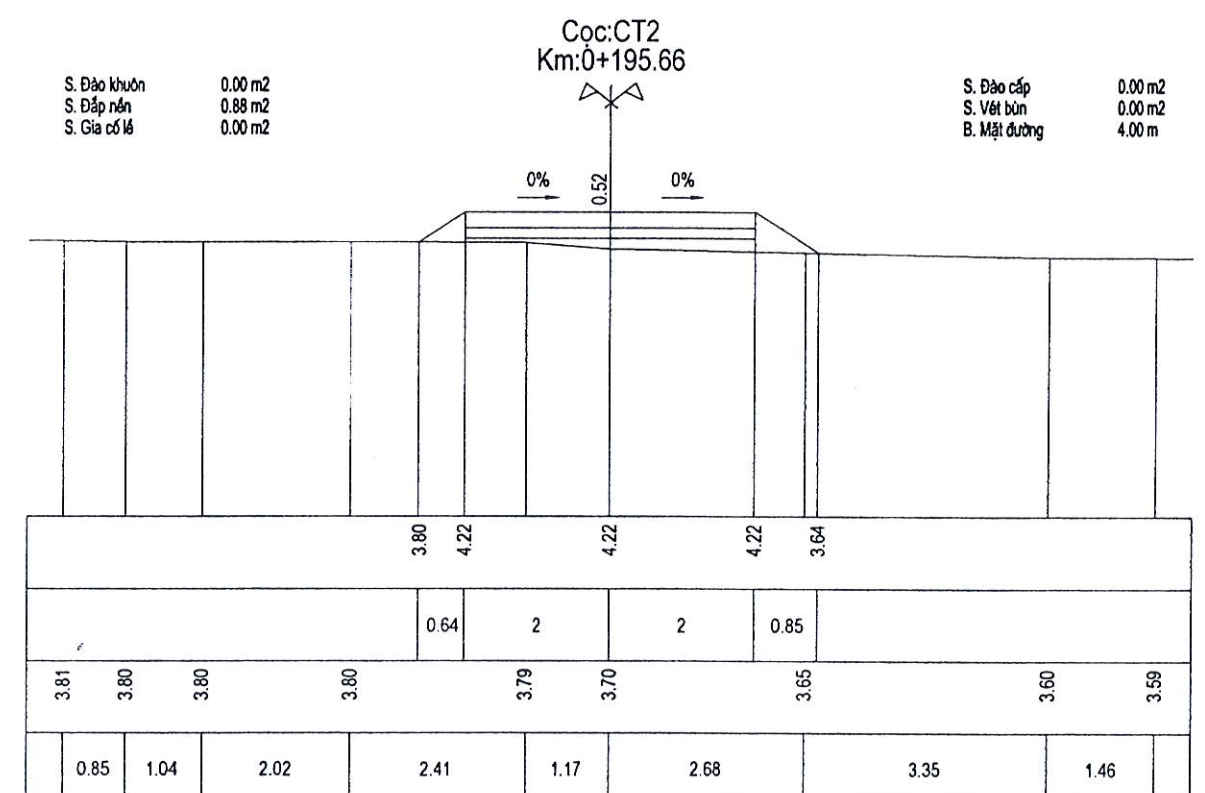
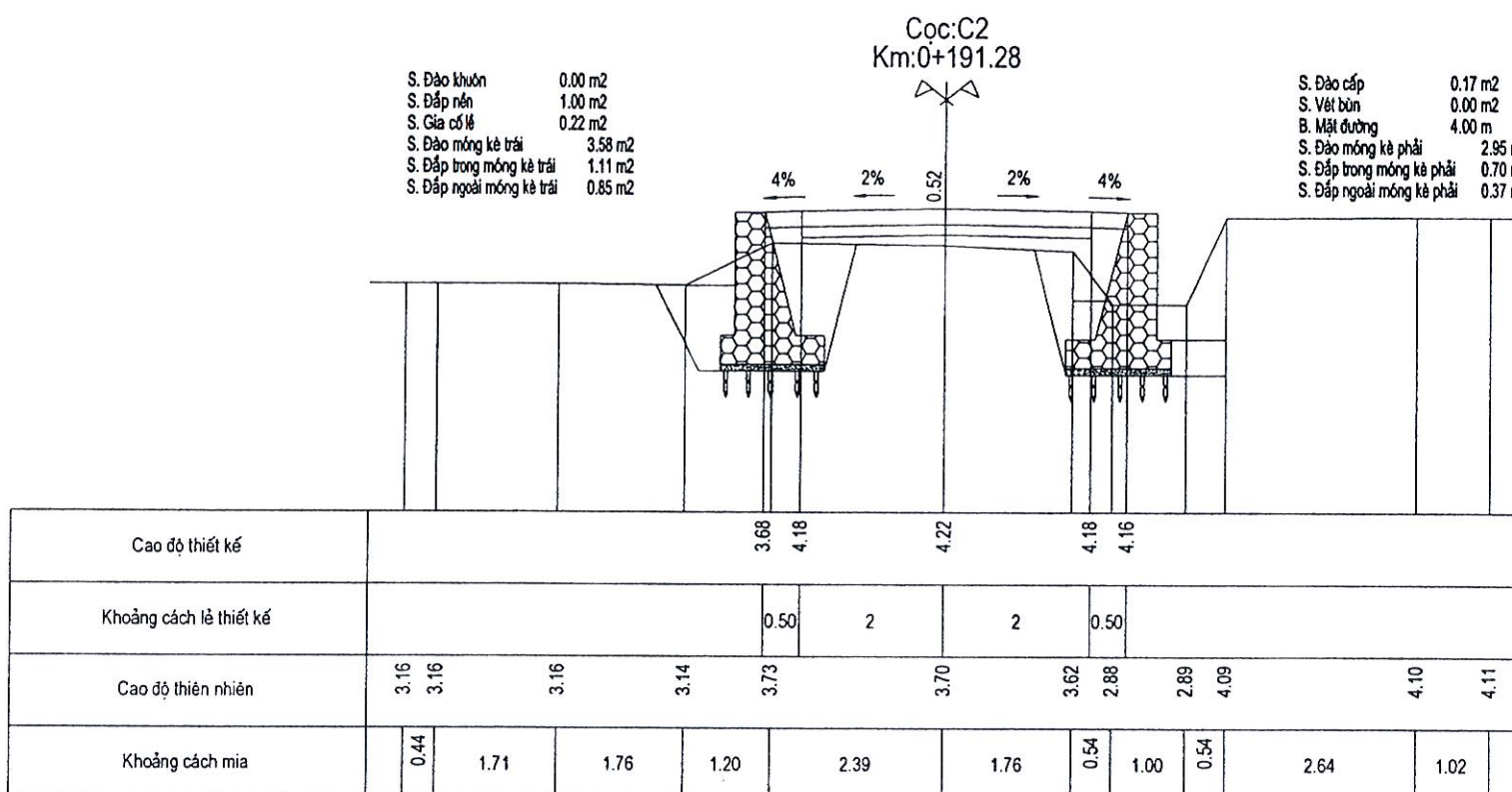
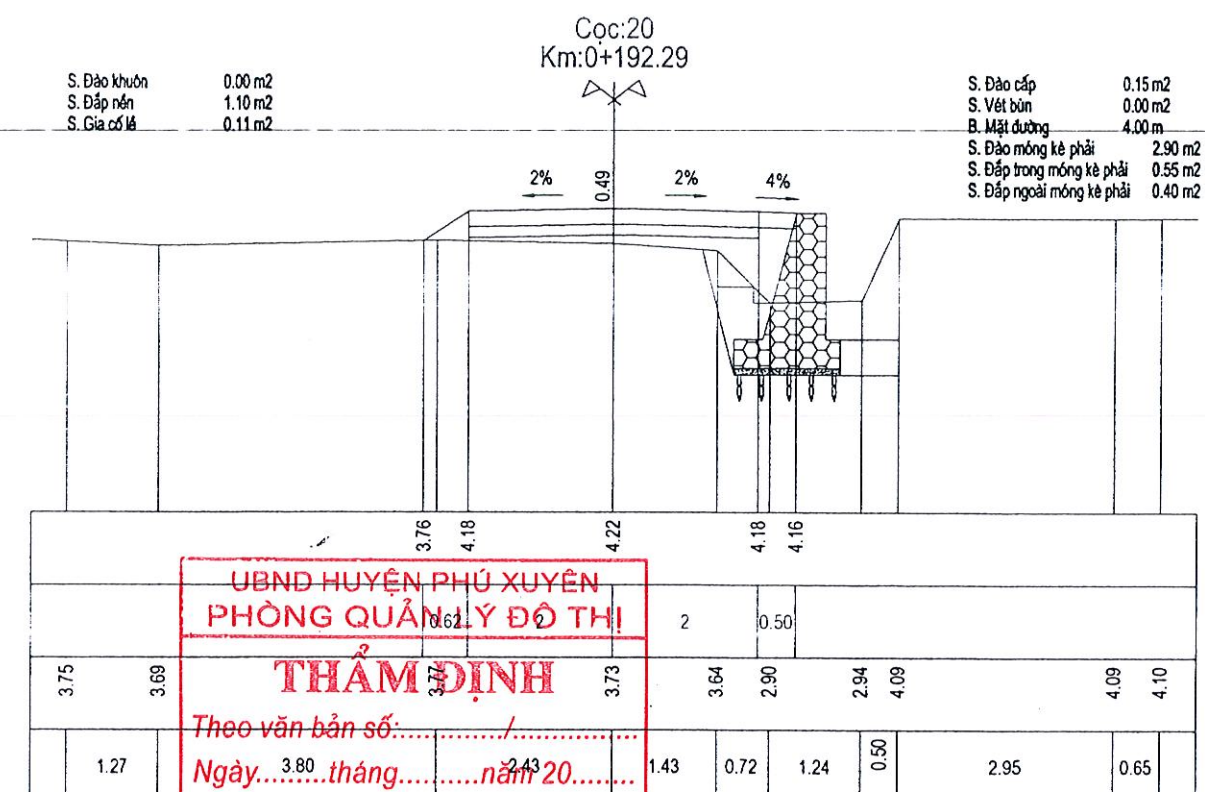
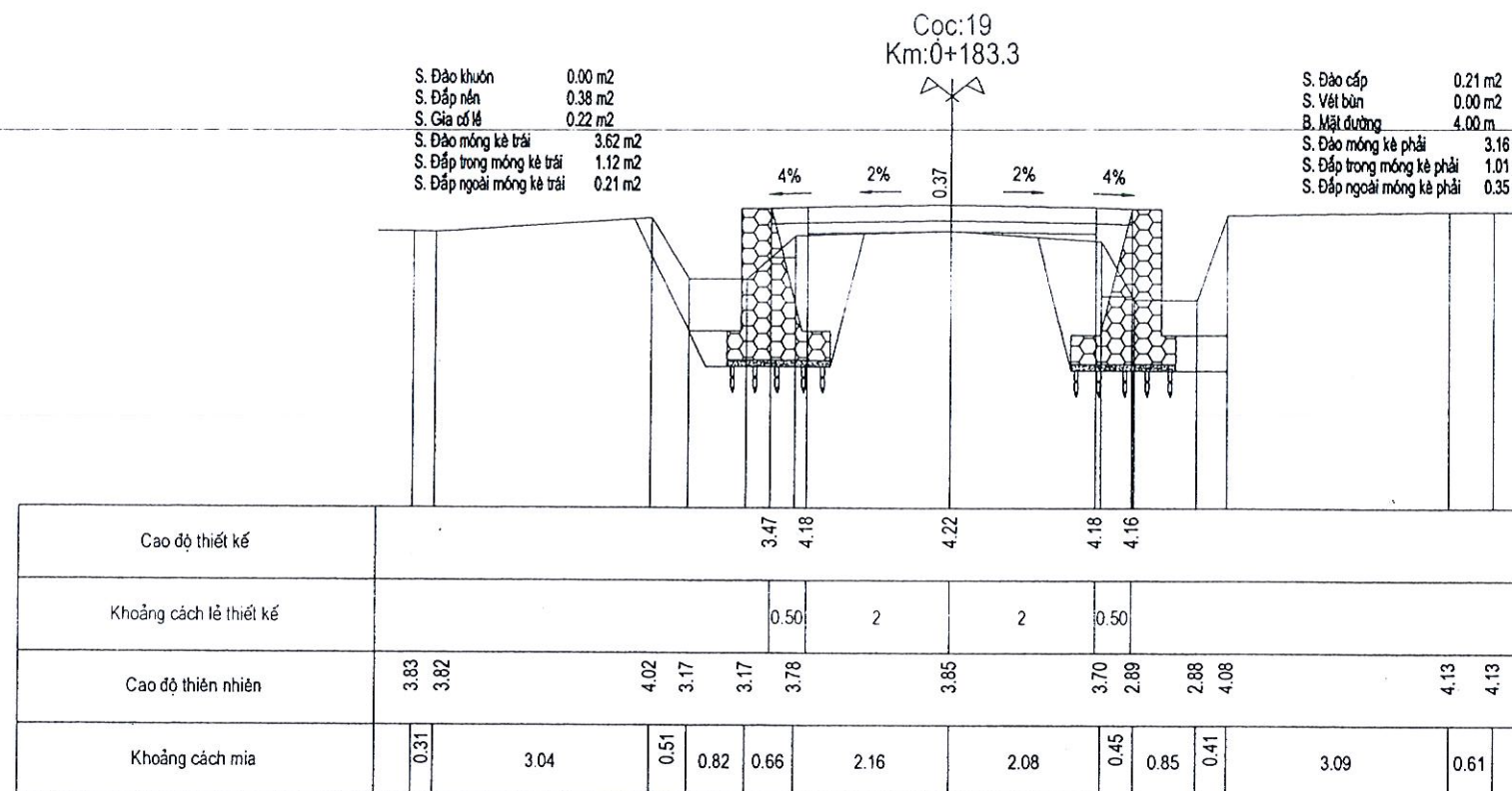
CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC	<i>Phu</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG	<i>Trung</i>
C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY	<i>Phu</i>
KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG	<i>Phu</i>

Hà Nội, ngày 16 tháng 1 năm 2024

PHÒNG GIÁM ĐỐC
CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP
ĐINH VĂN TUY

TL: 1/100

BẢN VẼ SỐ:



UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:/
Ngày.....tháng.....năm 20.....
KÝ TÊN:

UBND XÃ TRI THỦY

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI DỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN
ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÀNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CHỦ TRÌ KHẢO SÁT

VŨ ANH ĐỨC

THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN TRUNG

C.N.Đ.A

ĐINH VĂN TUY

KIỂM TRA

ĐỖ XUÂN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG

NHP

H. THANH TRỊ - TP. HÀ NỘI

ĐINH VĂN TUY

TL: 1/100

BẢN VẼ SỐ:



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP

Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà
Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội

Tel: 04 33 120 637; Fax: 04 33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com

BẢN VẼ TRẮC NGANG
TUYẾN 2: KM0+00 -- KM0+195.66

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG

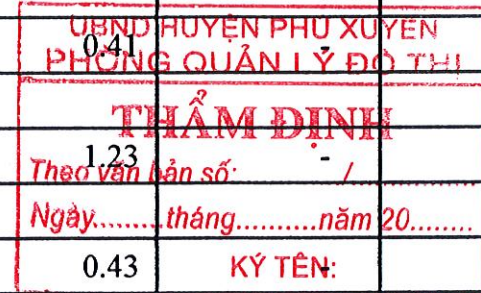
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CÔNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2

HẠNG MỤC: NỀN MẶT ĐƯỜNG

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI

TUYẾN 2: KM0+00 :- KM0+195.66

Tên cọc	Khoảng cách lẻ (m)	Diện tích (m2)					Mặt đường (m)	Khối lượng (m3)					Diện tích mặt đường (m2)
		Đào khuôn	Đắp nền	Gia cố lề	Đào cấp	Vét bùn		Đào khuôn	Đắp nền	Gia cố lề	Đào cấp	Vét bùn	
DT2		1.64	-	0.11	-	-	4.00						
	3.71							6.20	-			-	14.84
1		1.70	-	0.11	-	-	4.00						
	11.15							15.05	-			-	44.60
2		1.00	-	0.11	-	-	4.00						
	3.94							2.74	0.24			-	15.76
3		0.39	0.12	0.11	-	-	4.00						
	20.00							3.90	15.60	3.30	4.60	-	80.00
4		-	1.44	0.22	0.46	-	4.00						
	12.23							-	12.96	2.69	4.16	-	48.92
5		-	0.68	0.22	0.22	-	4.00						
	1.21							-	0.97	0.27	0.25	-	4.84
6		-	0.93	0.22	0.20	-	4.00						
	2.90							-	3.42	0.64	0.74	-	11.60
C1		-	1.43	0.22	0.31	-	4.00						
	0.80							-	1.28	0.18	0.20	-	3.20
7		-	1.76	0.22	0.20	-	4.00						
	1.24							-	2.00	0.27	0.25	-	4.96
8		-	1.46	0.22	0.21	-	4.00						
	8.19							-	12.16	1.35	1.52	0.45	32.76
9		-	1.51	0.11	0.16	0.11	4.00						
	1.55							-	2.25	0.26	0.43	0.19	6.20
10		-	1.39	0.22	0.39	0.14	4.00						
	20.00							-	27.90	4.40	7.80	2.60	80.00



Tên cọc	Khoảng cách lỗ (m)	Diện tích (m2)					Mặt đường (m)	Khối lượng (m3)					Diện tích mặt đường (m2)
		Đào khuôn	Đắp nền	Gia cố lề	Đào cấp	Vét bùn		Đào khuôn	Đắp nền	Gia cố lề	Đào cấp	Vét bùn	
11		-	1.40	0.22	0.39	0.12	4.00						
	20.21							-	25.46	4.45	6.37	1.21	80.84
12		-	1.12	0.22	0.24	-	4.00						
	4.26							-	4.94	0.94	0.75	-	17.04
13		-	1.20	0.22	0.11	-	4.00						
	8.31							-	8.77	1.83	1.58	-	33.24
14		-	0.91	0.22	0.27	-	4.00						
	3.05							-	2.47	0.67	0.85	-	12.20
15		-	0.71	0.22	0.29	-	4.00						
	20.00							-	14.50	4.40	6.10	-	80.00
16		-	0.74	0.22	0.32	-	4.00						
	11.56							0.17	7.63	2.54	3.93	-	46.24
17		0.03	0.58	0.22	0.36	-	4.00						
	20.00							0.30	12.40	4.40	5.60	-	80.00
18		-	0.66	0.22	0.20	-	4.00						
	8.99							-	4.67	1.98	1.84	-	35.96
19		-	0.38	0.22	0.21	-	4.00						
	7.98							-	5.51	1.76	1.52	-	31.92
C2		-	1.00	0.22	0.17	-	4.00						
	1.01							-	1.06	0.22	0.16	-	4.04
20		-	1.10	0.22	0.15	-	4.00						
	3.37							-	3.34	0.37	0.25	-	13.48
CT2		-	0.88	-	-	-	4.00						
Tổng	195.66							28.36	169.53	38.97	48.90	4.46	782.64

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
KÝ TÊN:

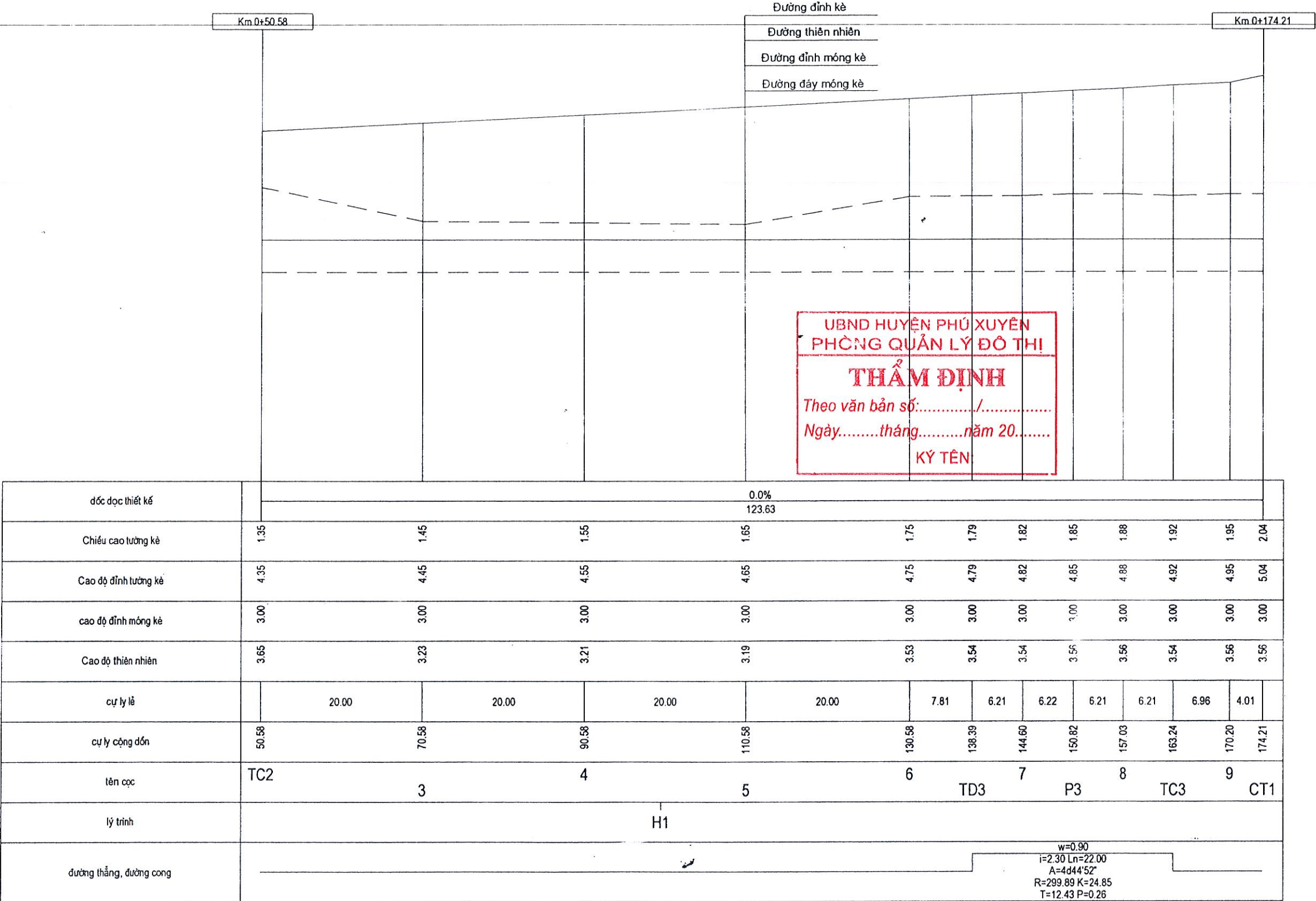
ĐƠN: 0103393016 - 01
CÔNG TY
CƠ PHÂN
XÂY DỰNG
NHP
H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

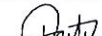
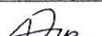
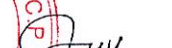
HẠNG MỤC : KÈ NỀN ĐƯỜNG



UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
KÝ TÊN:

TRẮC DỌC KÈ BÊN TRÁI TUYẾN
LÝ TRÌNH: KM0+50.58 -:- KM0+174.21



UBND XÃ TRI THỦY	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN VINH NINH TỪ CỐNG TRƯỞNG MẦM NON QUA NHÀ BÀ TÚC, BÀ HỒNG ĐOAN TỪ NHÀ ÔNG XUÂN ĐẾN NHÀ ÔNG GIÁ ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP.HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN ĐẠT		1935930 Hà Nội, ngày tháng năm 2024  CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP H. THANH TRÍ - TP. HÀ NỘI	TỶ LỆ : 1/500
		CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC			
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	TRẮC DỌC KÈ BÊN TRÁI TUYẾN TUYẾN 1: KM0+00 -:- KM0+174.21	C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY		 ĐINH VĂN TUY	BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG			

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIỀNG ĐẾN CÔNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2

HẠNG MỤC: KÈ ĐÁ HỘC BÊN TRÁI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI

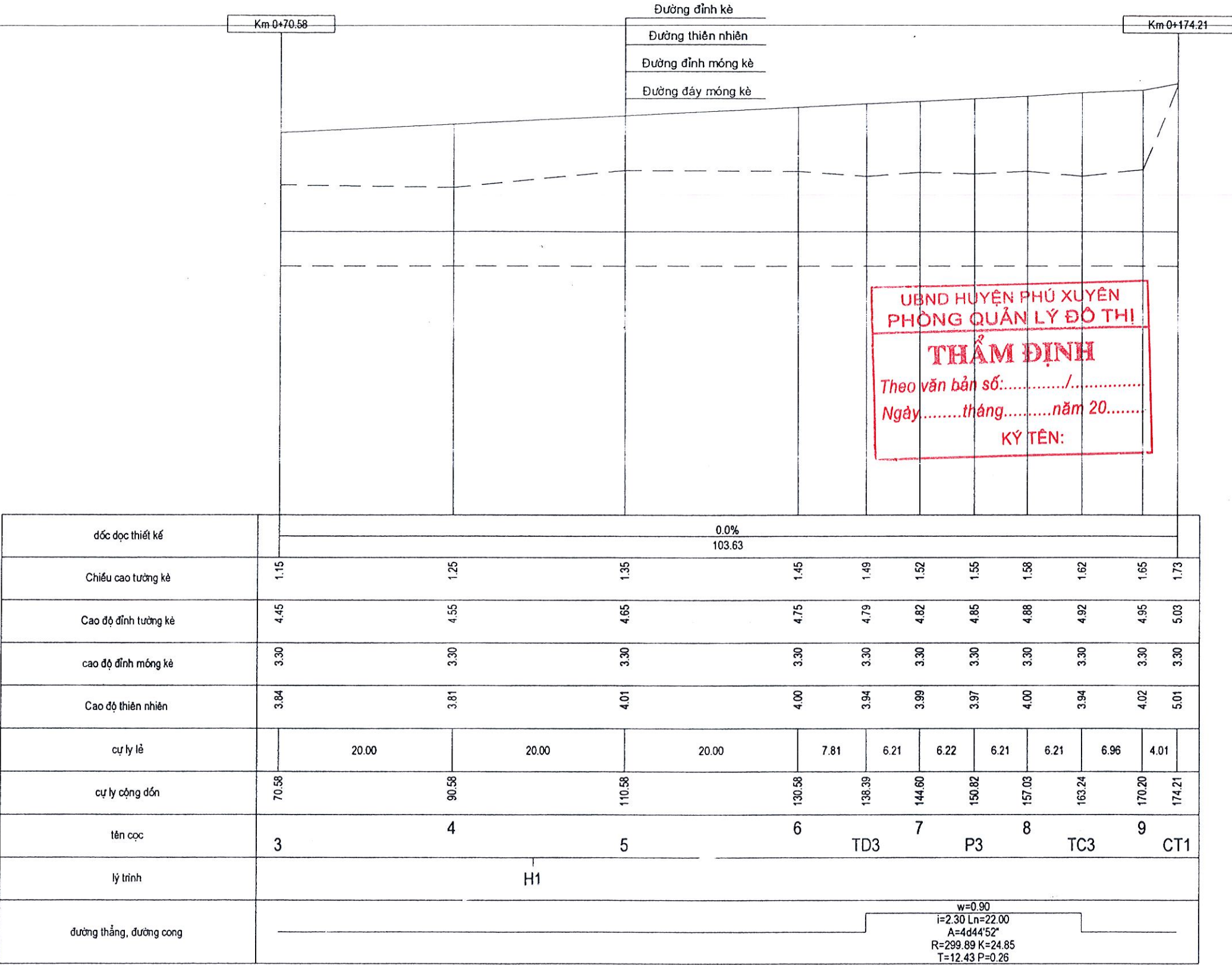
TUYẾN 1: KM0+00 -:- KM0+174.21

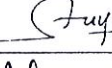
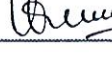


Tên cọc	Khoảng cách lẻ (m)	Khoảng cách tính (m)	Chiều cao kè (H _o)m	Chiều cao kè TB (H)m	Diện tích (m2)			Khối lượng (m3)			Đệm móng đá dăm (m3)	Xây móng kè (m3)	Xây tường kè (m3)	Khe co giãn (m2)	Ổng nhựa (m)	Vải địa kỹ thuật (m2)	Láng đỉnh kè (m2)	Đóng cọc tre (m)
					Đào móng kè	Đắp trong móng kè	Đắp ngoài móng kè	Đào móng kè	Đắp trong móng kè	Đắp ngoài móng kè								
ĐOẠN KÈ BÊN TRÁI NỐI TIẾP CỌC TC2																		
TC2-3.06			1.35		2.32	0.86	0.21											
	6.05	6.05		1.35				14.04	5.20	1.27	0.81	3.24	4.65	0.79	1.62	10.59	2.42	258.94
TC2			1.35		2.32	0.86	0.21											
ĐOẠN KÈ BÊN TRÁI TỪ CỌC TC2 -:- CỌC CT1																		
TC2			1.35		2.32	0.86	0.21											
	20.00	20.00		1.40				42.00	15.70	4.20	2.70	10.80	16.10	2.69	5.40	36.00	8.00	864.00
3			1.45		1.88	0.71	0.21											
	20.00	20.00		1.50				44.30	18.00	4.20	2.75	11.00	17.63	2.86	5.50	38.00	8.00	880.00
4			1.55		2.55	1.09	0.21											
	20.00	20.00		1.60				40.30	15.90	4.20	2.80	11.20	19.20	3.04	5.60	40.00	8.00	896.00
5			1.65		1.48	0.50	0.21											
	20.00	20.00		1.70				32.20	9.90	4.20	2.85	11.40	20.83	3.22	5.70	42.00	8.00	912.00
6			1.75		1.74	0.49	0.21											
	7.81	7.81		1.77				13.00	3.16	1.64	1.13	4.51	8.59	1.31	2.25	16.95	3.12	360.51
TD3			1.79		1.59	0.32	0.21											
	6.21	6.21		1.81				10.34	2.45	1.30	0.90	3.60	7.01	1.06	1.80	13.69	2.48	288.39
7			1.82		1.74	0.47	0.21											
	6.22	6.22		1.84				10.98	3.05	1.31	0.91	3.63	7.18	1.08	1.81	13.90	2.49	290.35
P3			1.85		1.79	0.51	0.21											
	6.21	6.21		1.87				11.46	3.45	1.30	0.91	3.64	7.33	1.10	1.82	14.07	2.48	291.37

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: /
Ngày.....tháng.....năm 20.....
KÝ TÊN:

TRẮC DỌC KÈ BÊN PHẢI TUYẾN
LÝ TRÌNH: KM0+70.58 -:- KM0+174.21



UBND XÃ TRI THỦY  CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel: 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN VINH NINH TỨ CỐNG TRƯỜNG MẦM NON QUA NHÀ BÀ TÚC, BÀ HỒNG ĐOAN TỪ NHÀ ÔNG XUÂN ĐẾN NHÀ ÔNG GIÀ ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG TRẮC DỌC KÈ BÊN PHẢI TUYẾN TUYẾN 1: KM0+00 -:- KM0+174.21	THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN ĐẠT		Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2024  P. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐINH VĂN TUY TỶ LỆ: 1/500
		CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC		
		C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY		
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG		

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CÔNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2

HẠNG MỤC: KÈ ĐÁ HỘC BÊN PHẢI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYÊN - TP. HÀ NỘI

TUYẾN 1: KM0+00 :- KM0+174.21

[illegible]

Tên cọc	Khoảng cách lẻ (m)	Khoảng cách tính (m)	Chiều cao kè (H _o)m	Chiều cao kè TB (H)m	Diện tích (m2)			Khối lượng (m3)			Đệm móng đá dăm (m3)	Xây móng kè (m3)	Xây tường kè (m3)	Khe co giãn (m2)	Ống nhựa (m)	Vải địa kỹ thuật (m2)	Láng đỉnh kè (m2)	Đóng cọc tre (m)
					Đào móng kè	Đắp trong móng kè	Đắp ngoài móng kè	Đào móng kè	Đắp trong móng kè	Đắp ngoài móng kè								
ĐOẠN KÈ MỞ RỘNG CUỐI TUYẾN BÊN PHẢI																		
MRP C 1			1.73		2.43	0.39	0.89											
	3.06	3.06		1.73				7.44	1.19	2.72	0.44	1.75	3.26	0.50	0.88	6.52	1.22	140.27
MRP C 2			1.73		2.43	0.39	0.89											
Tổng:	106.69	106.69						249.42	46.42	87.34	14.46	57.82	87.81	14.56	28.91	194.16	42.68	4,625.92



TRẮC DỌC KÈ BÊN TRÁI TUYẾN
ĐOẠN TỪ CỌC 3 (KM0+18.80) -:- CỌC 8 (KM0+57.18)

		Km 0+18.80			Km 0+5
		Đường đỉnh kè Đường đỉnh thiên nhiên Đường đỉnh móng kè Đường đáy móng kè			
dốc dọc thiết kế		0.0%			
		38.38			
Chiều cao tường kè	1.76	1.76	1.76	1.76	1.76
Cao độ đỉnh tường kè	4.16	4.16	4.16	4.16	4.16
cao độ đỉnh móng kè	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40
Cao độ thiên nhiên	2.55	2.60	2.60	2.65	2.62
cự ly lề		20.00	12.23	1.21	2.90
cự ly cộng dồn	18.80	38.80	51.03	52.24	55.14
tên cọc	3	4	6	7	5
lý trình					C18
đường thẳng, đường cong					

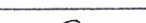
UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

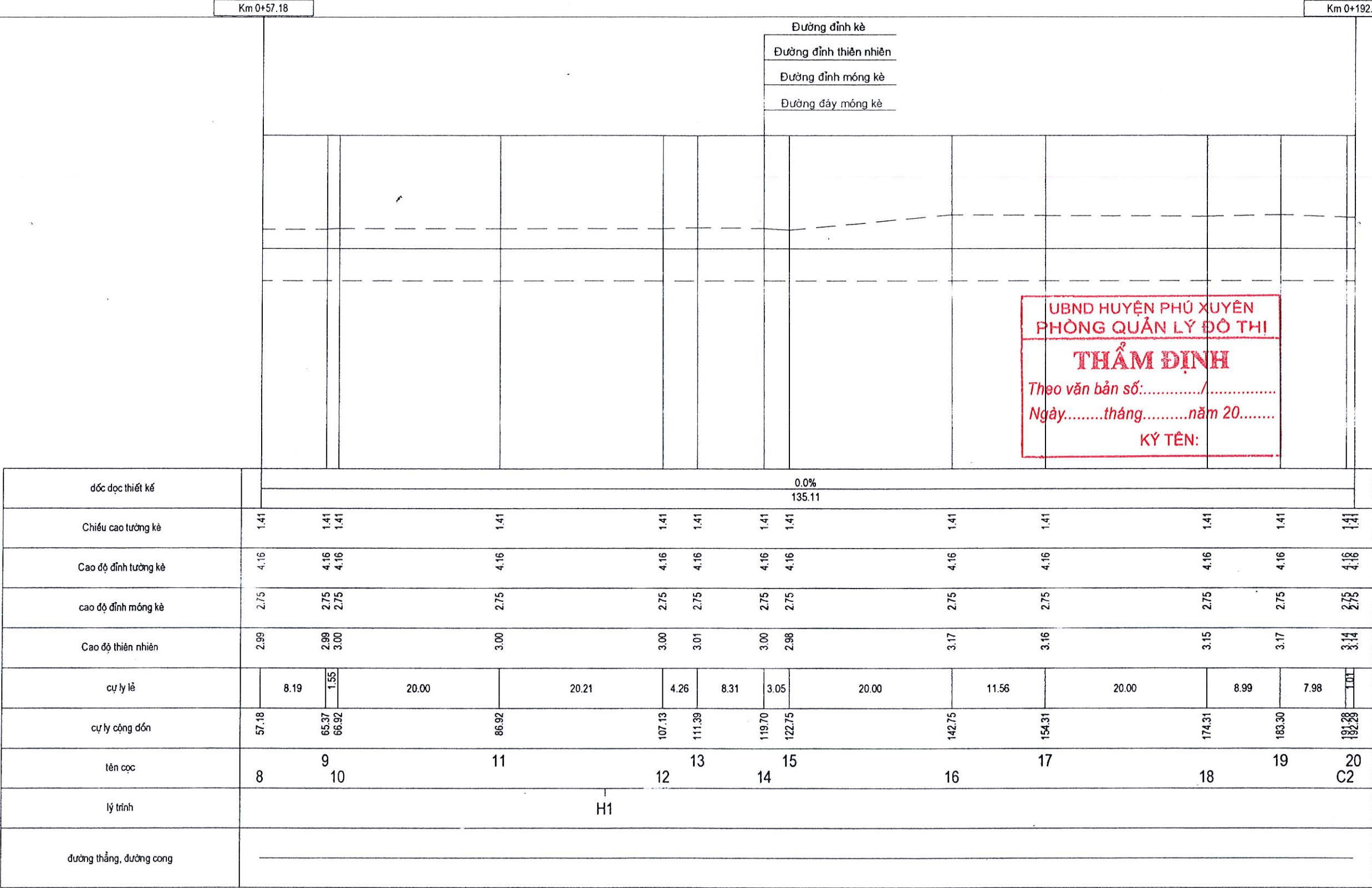
Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:

UBND XÃ TRI THỦY	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỎ VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC		Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2024 CÔNG. TỔNG GIÁM ĐỐC GỒ PHẦN XÂY DỰNG NHP H. THANH TRẠI - TP. HÀ NỘI TL: 1/500
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: côngtynhp.jsc@gmail.com	BẢN VẼ TRẮC ĐỌC KÈ BÊN TRÁI TUYẾN 2: KMO+00 -> KMO+195.66	THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG		
		C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY		
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG		BẢN VẼ SỐ:

TRẮC ĐỌC KÈ BÊN TRÁI TUYẾN
ĐOẠN TỪ CỌC 8 (KM0+57.18) -:- CỌC 20 (KM0+192.29)



UBND XÃ TRI THỦY	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÀNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP.HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC		M.S.D.N: 03593019 Hà Nội, ngày tháng năm 2024 CÔNG TY TỔNG GIÁM ĐỐC CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP H. THANH TRÍ - TP. HÀ NỘI	TL: 1/500
		THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG			
		C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY			
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG			
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	BẢN VẼ TRẮC ĐỌC KÈ BÊN TRÁI TUYẾN 2: KM0+00 -:- KM0+195.66	ĐINH VĂN TUY				BẢN VẼ SỐ:

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CÔNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2

HẠNG MỤC: KÈ ĐÁ HỌC BÊN TRÁI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI

TUYẾN 2: KM0+00 -:- KM0+195.66

Tên cọc	Khoảng cách lẻ (m)	Khoảng cách tính (m)	Chiều cao kè (H)m	Chiều cao kè TB (H)m	Diện tích (m2)			Khối lượng (m3)			Đệm móng đá dăm (m3)	Xây móng kè (m3)	Xây tường kè (m3)	Khe co giãn (m2)	Ống nhựa (m)	Vải địa kỹ thuật (m2)	Trát kè (m2)	Đóng cọc tre (m)
					Đào móng kè	Đắp trong móng kè	Đắp ngoài móng kè	Đào móng kè	Đắp trong móng kè	Đắp ngoài móng kè								
ĐOẠN KÈ BÊN PHẢI TỪ CỌC 3 -:- CỌC 20																		
3			1.96		2.05	0.42	0.55											
	20.00	20.00		1.96				41.00	8.40	11.00	2.98	11.92	25.28	3.72	5.96	47.20	8.00	953.60
4			1.96		2.05	0.42	0.55											
	12.23	12.23		1.96				35.59	10.03	9.85	1.82	7.29	15.46	2.28	3.64	28.86	4.89	583.13
5			1.96		3.77	1.22	1.06											
	1.21	1.21		1.96				4.56	1.48	1.28	0.18	0.72	1.53	0.23	0.36	2.86	0.48	57.69
6			1.96		3.77	1.22	1.06											
	2.90	2.90		1.96				9.86	2.93	2.86	0.43	1.73	3.67	0.54	0.86	6.84	1.16	138.27
C1			1.96		3.03	0.80	0.91											
	0.80	0.80		1.96				2.42	0.64	0.73	0.12	0.48	1.01	0.15	0.24	1.89	0.32	38.14
7			1.96		3.03	0.80	0.91											
	1.24	1.24		1.79				3.76	0.99	1.13	0.18	0.72	1.38	0.21	0.36	2.71	0.50	57.39
8			1.61		3.03	0.80	0.91											
	8.19	8.19		1.61				22.44	5.61	4.59	1.15	4.59	7.93	1.25	2.30	16.46	3.28	367.57
9			1.61		2.45	0.57	0.21											
	1.55	1.55		1.61				3.70	0.84	0.33	0.22	0.87	1.50	0.24	0.43	3.12	0.62	69.56
10			1.61		2.32	0.51	0.21											
	20.00	20.00		1.61				46.80	11.40	4.20	2.81	11.22	19.36	3.06	5.61	40.20	8.00	897.60
11			1.61		2.36	0.63	0.21											
	20.21	20.21		1.61				52.55	14.05	4.24	2.83	11.34	19.56	3.09	5.67	40.62	8.08	907.02

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 036/2024/UBND-ĐT
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
KÝ TÊN:

03593016
CÔNG TY
CƠ PHÂN
XÂY DỰNG
NIIP
H. THANH TRI - TP. HÀ NỘI

Tên cọc	Khoảng cách lẻ (m)	Khoảng cách tính (m)	Chiều cao kè (H)m	Chiều cao kè TB (H)m	Diện tích (m2)			Khối lượng (m3)			Đệm móng đá dăm (m3)	Xây móng kè (m3)	Xây tường kè (m3)	Khe co giãn (m2)	Ống nhựa (m)	Vải địa kỹ thuật (m2)	Trát kè (m2)	Đóng cọc tre (m)
					Đào móng kè	Đắp trong móng kè	Đắp ngoài móng kè	Đào móng kè	Đắp trong móng kè	Đắp ngoài móng kè								
12			1.61		2.84	0.76	0.21											
	4.26	4.26		1.61				12.67	3.39	0.89	0.60	2.39	4.12	0.65	1.19	8.56	1.70	191.19
13			1.61		3.11	0.83	0.21											
	8.31	8.31		1.61				26.55	7.06	1.75	1.17	4.66	8.04	1.27	2.33	16.70	3.32	372.95
14			1.61		3.28	0.87	0.21											
	3.05	3.05		1.61				9.93	2.76	0.64	0.43	1.71	2.95	0.47	0.86	6.13	1.22	136.88
15			1.61		3.23	0.94	0.21											
	20.00	20.00		1.61				62.60	18.30	4.20	2.81	11.22	19.36	3.06	5.61	40.20	8.00	897.60
16			1.61		3.03	0.89	0.21											
	11.56	11.56		1.61				35.32	10.58	6.36	1.62	6.49	11.19	1.77	3.24	23.24	4.62	518.81
17			1.61		3.08	0.94	0.89											
	20.00	20.00		1.61				60.90	17.90	11.00	2.81	11.22	19.36	3.06	5.61	40.20	8.00	897.60
18			1.61		3.01	0.85	0.21											
	8.99	8.99		1.61				29.80	8.86	1.89	1.26	5.04	8.70	1.37	2.52	18.07	3.60	403.47
19			1.61		3.62	1.12	0.21											
	7.98	7.98		1.61				28.73	8.90	4.23	1.12	4.48	7.72	1.22	2.24	16.04	3.19	358.14
C2			1.61		3.58	1.11	0.85											
	1.01	1.01		1.61				3.62	1.12	0.86	0.14	0.57	0.98	0.15	0.28	2.03	0.40	45.33
20			1.61		3.58	1.11	0.85											
ĐOẠN KÈ MỞ RỘNG CUỐI TUYẾN BÊN TRÁI																		
MR C 1			1.61		3.58	1.11	0.85											
	7.26	7.26		1.61				25.99	8.06	6.17	1.02	4.07	7.03	1.11	2.04	14.59	2.90	325.83
MR C 2			1.61		3.58	1.11	0.85											
Tổng:	180.75	180.75						518.78	143.28	78.18	25.68	102.72	186.15	28.89	51.36	376.52	72.30	8,217.79

UBND HUYỆN PHÚ XUYEN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐỒ THI

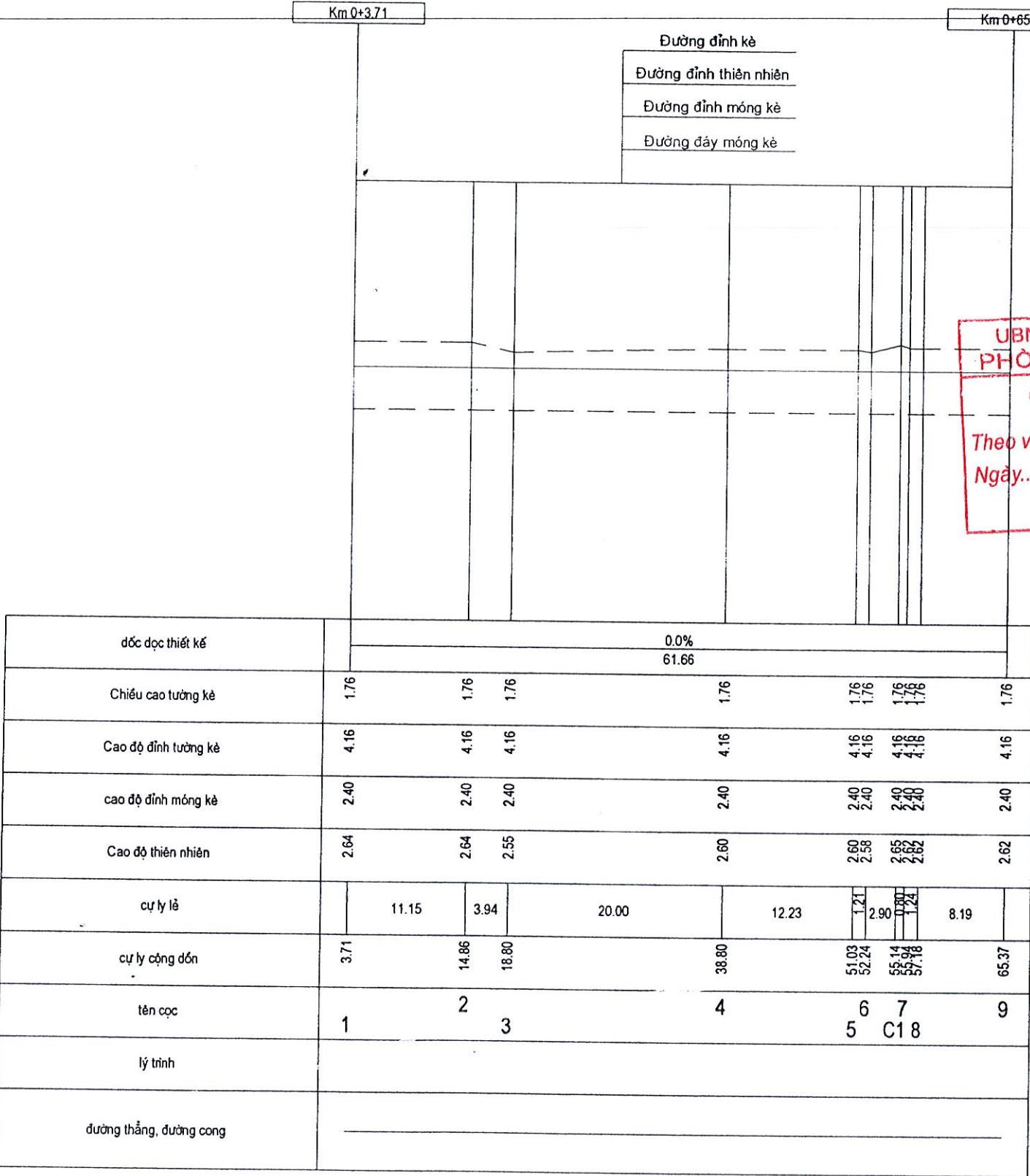
TRẦN BÌNH

Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:



TRẮC DỌC KÈ BÊN PHẢI TUYẾN
ĐOẠN TỪ CỌC 1 (KM0+3.71) -:- CỌC 9 (KM0+65.37)



UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
KÝ TÊN:

TRẮC DỌC KÈ BÊN PHẢI TUYẾN
ĐOẠN TỪ CỌC 10 (KM0+66.92) -:- CỌC 12 (KM0+107.13)

TRẮC DỌC KÈ BÊN PHẢI TUYẾN
ĐOẠN TỪ CỌC 13 (KM0+111.39) -:- CỌC 14 (KM0+119.70)

Km 0+66.92		Km 0+107.13	
		Đường đỉnh kè	
		Đường đỉnh thiên nhiên	
		Đường đỉnh móng kè	
		Đường đáy móng kè	
dốc dọc thiết kế		0.0%	40.21
Chiều cao tường kè	1.76	1.76	1.76
Cao độ đỉnh tường kè	4.16	4.16	4.16
cao độ đỉnh móng kè	2.40	2.40	2.40
Cao độ thiên nhiên	2.65	2.62	2.64
cự ly lẻ		20.00	20.21
cự ly cộng dồn	66.92	86.92	107.13
tên cọc	10	11	12
lý trình			H1
đường thẳng, đường cong			

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:

Km 0+111.39		Km 0+119.70	
		Đường đỉnh kè	
		Đường đỉnh thiên nhiên	
		Đường đỉnh móng kè	
		Đường đáy móng kè	
dốc dọc thiết kế		0.0%	8.31
Chiều cao tường kè	1.56	1.56	1.56
Cao độ đỉnh tường kè	4.16	4.16	4.16
cao độ đỉnh móng kè	2.60	2.60	2.60
Cao độ thiên nhiên	2.82	2.81	2.81
cự ly lẻ		8.31	
cự ly cộng dồn	111.39	119.70	119.70
tên cọc	13	14	14
lý trình			
đường thẳng, đường cong			

TRẮC DỌC KÈ BÊN PHẢI TUYẾN
ĐOẠN TỪ CỌC 15 (KM0+122.75) -:- CỌC 20 (KM0+192.29)

Km 0+192.29

Đường đỉnh thiên nhiên

Đường dây móng kê

Đường dây móng kê

THẨM ĐỊNH

Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:

dốc dọc thiết kế			0.0%			
			69.54			
Chiều cao tường kê	1.56	1.56	1.56	1.56	1.56	1.56
Cao độ đỉnh tường kê	4.16	4.16	4.16	4.16	4.16	4.16
cao độ đỉnh móng kê	2.60	2.60	2.60	2.60	2.60	2.60
Cao độ thiên nhiên	2.88	2.82	2.84	2.91	2.88	2.88
cự ly lẻ	20.00	11.56	20.00	8.99	7.98	1.00
cự ly cộng dồn	122.75	142.75	154.31	174.31	183.30	191.28
tên cọc	15	16	17	18	19	20
lý trình						C2
đường thẳng, đường cong						

BẢN VẼ SỐ:



BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CÔNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2

HẠNG MỤC: KÈ ĐÁ HỘC BÊN PHẢI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI

TUYẾN 2: KM0+00 -:- KM0+195.66

Tên cọc	Khoảng cách lẻ (m)	Khoảng cách tính (m)	Chiều cao kè (H)m	Chiều cao kè TB (H)m	Diện tích (m2)			Khối lượng (m3)			Đệm móng đá dăm (m3)	Xây móng kè (m3)	Xây tường kè (m3)	Khe co giãn (m2)	Vải địa kỹ thuật (m2)	Trát kè (m2)	Đóng cọc tre (m)
					Đào móng kè	Đắp trong móng kè	Đắp ngoài móng kè	Đào móng kè	Đắp trong móng kè	Đắp ngoài móng kè							
ĐOẠN KÈ MỞ RỘNG ĐẦU TUYẾN BÊN PHẢI																	
MR A			1.96		4.32	1.59	0.59										
	6.09	6.09		1.96				26.31	9.68	3.59	0.91	3.63	7.70		1.13	2.44	290.37
MR B			1.96		4.32	1.59	0.59										
ĐOẠN KÈ BÊN PHẢI TỪ CỌC 1 -:- CỌC 9																	
1			1.96		4.32	1.59	0.59										
	11.15	11.15		1.96				48.17	17.73	6.58	1.66	6.65	14.10	2.07	3.32	26.31	531.63
2			1.96		4.32	1.59	0.59										
	3.94	3.94		1.96				15.82	6.23	2.17	0.59	2.35	4.98	0.73	1.17	9.30	187.86
3			1.96		3.71	1.57	0.51										
	20.00	20.00		1.96				65.80	27.60	10.60	2.98	11.92	25.28	3.72	5.96	47.20	953.60
4			1.96		2.87	1.19	0.55										
	12.23	12.23		1.96				37.79	15.10	6.73	1.82	7.29	15.46	2.28	3.64	28.86	583.13
5			1.96		3.31	1.28	0.55										
	1.21	1.21		1.96				3.78	1.49	0.65	0.18	0.72	1.53	0.23	0.36	2.86	57.69
6			1.96		2.93	1.18	0.53										
	2.90	2.90		1.96				8.56	3.29	1.67	0.43	1.73	3.67	0.54	0.86	6.84	138.27
C1			1.96		2.97	1.09	0.62										
	0.80	0.80		1.96				2.30	0.85	0.48	0.12	0.48	1.01	0.15	0.24	1.89	38.14
7			1.96		2.78	1.03	0.58										

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

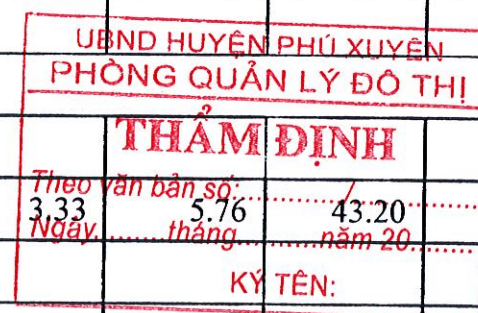
Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:/.....
Ngày:.....tháng.....năm 20.....
KÝ TÊN:

Tên cọc	Khoảng cách lẻ (m)	Khoảng cách tính (m)	Chiều cao kè (H _o)m	Chiều cao kè TB (H)m	Diện tích (m ²)			Khối lượng (m ³)			Đệm móng đá dăm (m ³)	Xây móng kè (m ³)	Xây tường kè (m ³)	Khe co giãn (m ²)	Ống nhựa (m)	Vải địa kỹ thuật (m ²)	Trát kè (m ²)	Đóng cọc tre (m)
					Đào móng kè	Đắp trong móng kè	Đắp ngoài móng kè	Đào móng kè	Đắp trong móng kè	Đắp ngoài móng kè								
	1.24	1.24		1.96				3.40	1.25	0.72	0.18	0.74	1.57	0.23	0.37	2.93	0.50	59.12
8			1.96		2.71	0.98	0.58											
	8.19	8.19		1.96				22.19	8.03	4.75	1.22	4.88	10.35	1.52	2.44	19.33	3.28	390.50
9			1.96		2.71	0.98	0.58											
ĐOẠN KÈ BÊN PHẢI TỪ CỌC 10 -:- CỌC 12																		
10			1.96		2.57	0.88	0.57											
	20.00	20.00		1.96				50.70	17.10	11.40	2.98	11.92	25.28	3.72	5.96	47.20	8.00	953.60
11			1.96		2.50	0.83	0.57											
	20.21	20.21		1.96				57.80	20.51	12.02	3.01	12.05	25.55	3.76	6.02	47.70	8.08	963.61
12			1.96		3.22	1.20	0.62											
ĐOẠN KÈ BÊN PHẢI TỪ CỌC 13 -:- CỌC 14																		
13			1.76		2.77	0.96	0.28											
	8.31	8.31		1.76				23.02	7.98	2.33	1.20	4.79	9.07	1.39	2.39	17.95	3.32	382.92
14			1.76		2.77	0.96	0.28											
ĐOẠN KÈ BÊN PHẢI TỪ CỌC 15 -:- CỌC 20																		
15			1.76		3.00	1.01	0.31											
	20.00	20.00		1.76				58.00	18.70	6.00	2.88	11.52	21.82				8.00	921.60
16			1.76		2.80	0.86	0.29											
	11.56	11.56		1.76				33.06	10.12	3.47	1.66	6.66	12.61	1.93	3.33	24.97	4.62	532.68
17			1.76		2.92	0.89	0.31											
	20.00	20.00		1.76				63.00	20.30	6.40	2.88	11.52	21.82	3.33			8.00	921.60
18			1.76		3.38	1.14	0.33											
	8.99	8.99		1.76				29.40	9.66	3.06	1.29	5.18	9.81	1.50			3.60	414.26
19			1.76		3.16	1.01	0.35											
	7.98	7.98		1.76				24.38	6.82	2.87	1.15	4.60	8.71	1.33			3.19	367.72
C2			1.76		2.95	0.70	0.37											
	1.01	1.01		1.76				2.95	0.63	0.39	0.15	0.58	1.10	0.17	0.29	2.18	0.40	46.54
20			1.76		2.90	0.55	0.40											



Tên cọc	Khoảng cách lẻ (m)	Khoảng cách tính (m)	Chiều cao kè (H _o)m	Chiều cao kè TB (H)m	Diện tích (m2)			Khối lượng (m3)			Đệm móng đá dăm (m3)	Xây móng kè (m3)	Xây tường kè (m3)	Khe co giãn (m2)	Ống nhựa (m)	Vải địa kỹ thuật (m2)	Trát kè (m2)	Đóng cọc tre (m)
					Đào móng kè	Đắp trong móng kè	Đắp ngoài móng kè	Đào móng kè	Đắp trong móng kè	Đắp ngoài móng kè								
ĐOẠN KÈ MỞ RỘNG CUỐI TUYẾN BÊN PHẢI																		
MR C 1			1.76		2.90	0.55	0.40											
	7.70	7.70		1.76				22.33	4.24	3.08	1.11	4.44	8.40	1.28	2.22	16.63	3.08	354.82
MR C 2			1.76		2.90	0.55	0.40											
Tổng:	193.51	193.51						598.76	207.30	88.95	28.47	113.62	229.84	34.35	56.81	439.57	77.40	9,089.68

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....

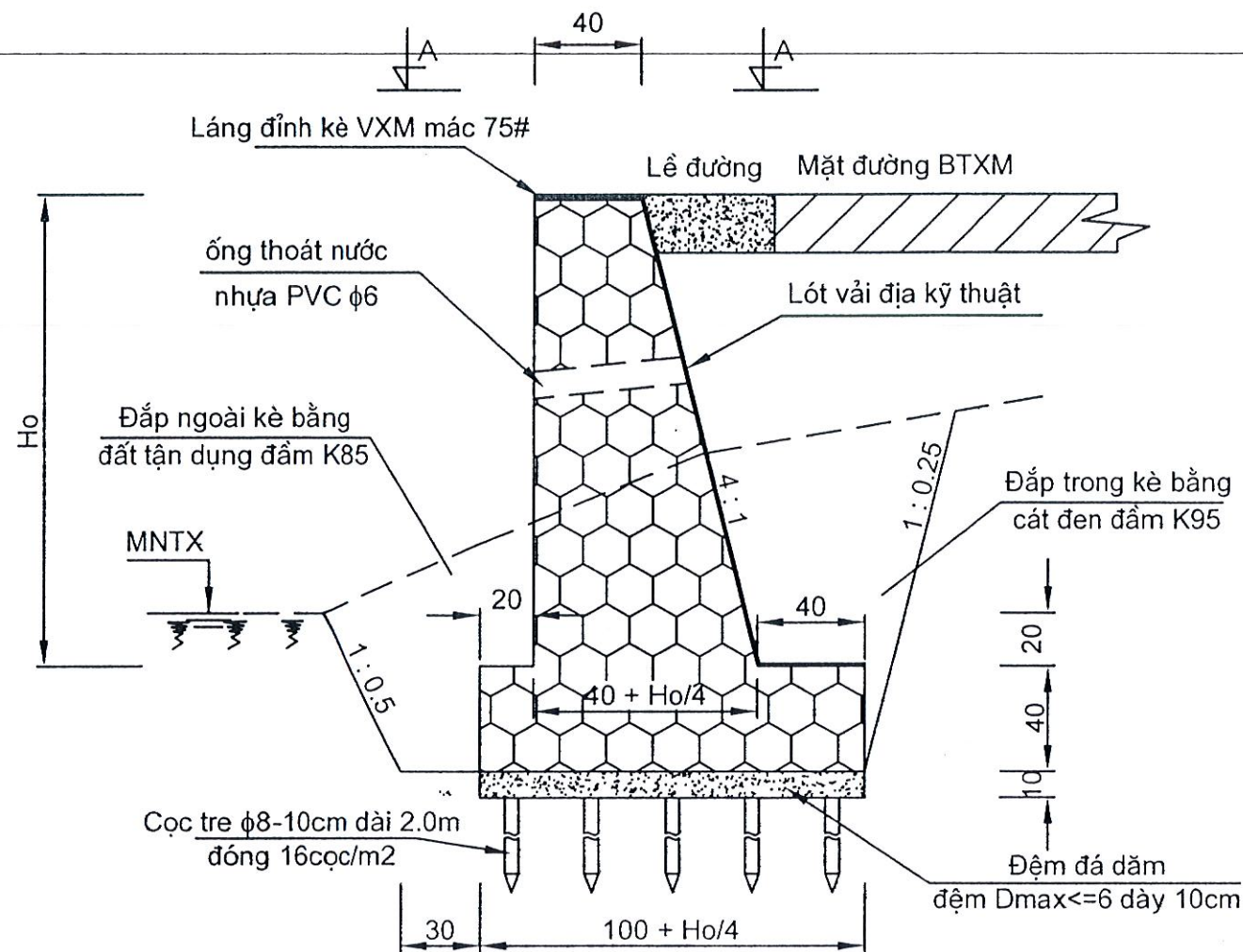
Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:



CẮT NGANG KÈ

(TL 1:25)

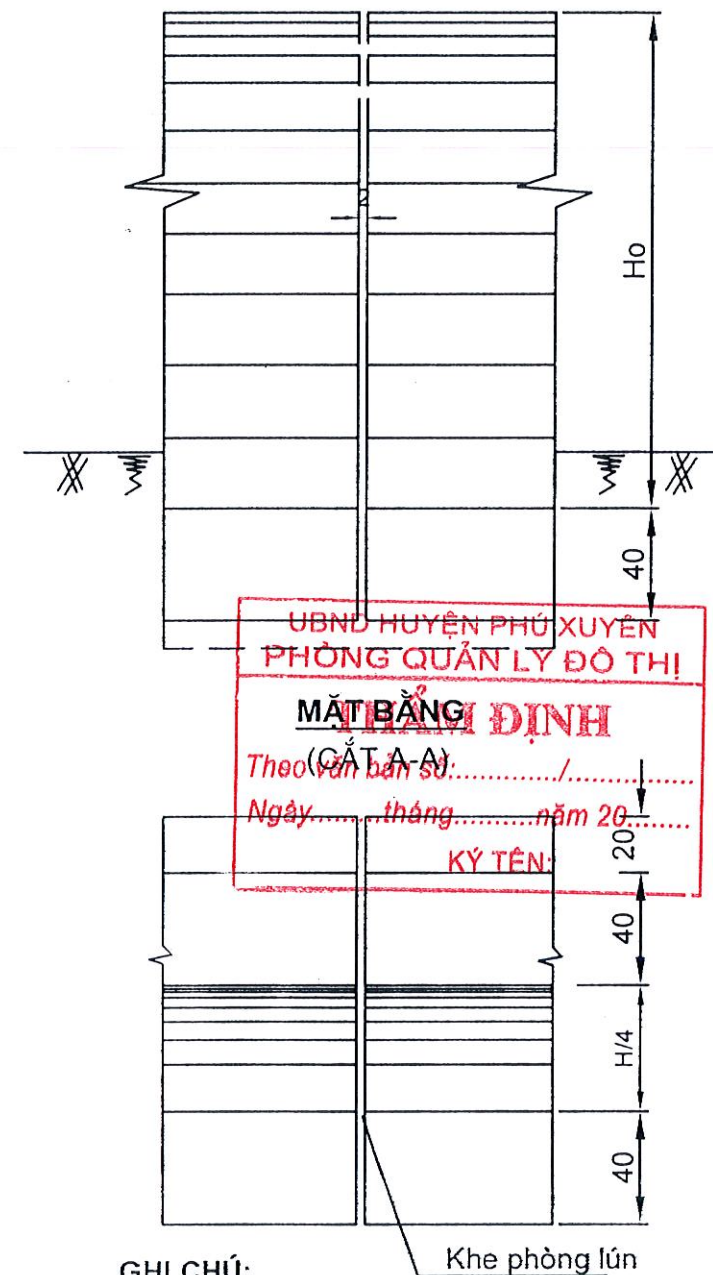


KHỐI LƯỢNG MẶT CẮT KÈ TÍNH THEO CÔNG THỨC :

- + Diện tích đào đất hố móng: Tính trực tiếp trên trắc ngang chi tiết (m2)
- + KL đóng cọc tre móng kè TC 16 cọc/m2 cọc dài 2.0m: $(1+Ho/4)*2.0*16*L$ (m)
- + KL đệm đá dăm $D_{max} \leq 6$ dày 10cm: $(1+Ho/4)*0.10*L$ (m3)
- + KL xây móng kè vữa XM mức 100#: $(1 + Ho/4)*0.40*L$ (m3)
- + KL xây tường kè vữa XM mức 100#: $(0.4+0.4 + Ho/4)/2*Ho*L$ (m3)
- + Lăng đỉnh kè vữa XM mức 75# dày 2cm: $0.4*L$ (m2)
- + Khe phòng lún 10m/ khe: $((1+Ho/4)*0.4+(0.4+0.4+Ho/4)/2*Ho)*L/10$ (m2)
- + ống thoát nước đường kính $D = 6$ cm: $(1+Ho/4)*L/5$ (m)
- + Vải địa kỹ thuật: $(Ho+0.4)*L$ (m2)
- + Diện tích đắp trả bên trong móng kè bằng cát đen: Tính trực tiếp trên trắc ngang chi tiết (m2)
- + Diện tích đắp trả bên ngoài móng kè bằng đất tạt dụng: Tính trực tiếp trên trắc ngang chi tiết (m2)

CHI TIẾT KHE PHÒNG LÚN (TL 1:50)

CHÍNH DIỆN



GHI CHÚ:

- Khe phòng lún bằng quét bi tum 3 lớp và dán giấy dầu 2 lớp, 10m/khe.
- Gia cố cọc tre móng kè dài 2.0m/cọc, tiêu chuẩn 16cọc/m2
- Kích thước ghi trên bản vẽ là cm. Khi tính KL đơn vị của Ho là (m).
- ống thoát nước thân kè nhựa PVC φ6cm khoảng cách 5m/ống.

UBND XÃ TRI THỦY

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYÊN
ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CHỦ TRÌ KHẢO SÁT

VŨ ANH ĐỨC

THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN TRUNG

C.N.Đ.A

ĐÌNH VĂN TUY

KIỂM TRA

ĐỖ XUÂN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày... tháng... năm 2024
P. TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
NHP
H. THANH TRÍ - TP. HÀ NỘI
ĐÌNH VĂN TUY

TỈ LỆ: 1/50

BẢN VẼ SỐ:



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP

Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà
Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội

Tel : 04 33 120 637; Fax: 04 33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com

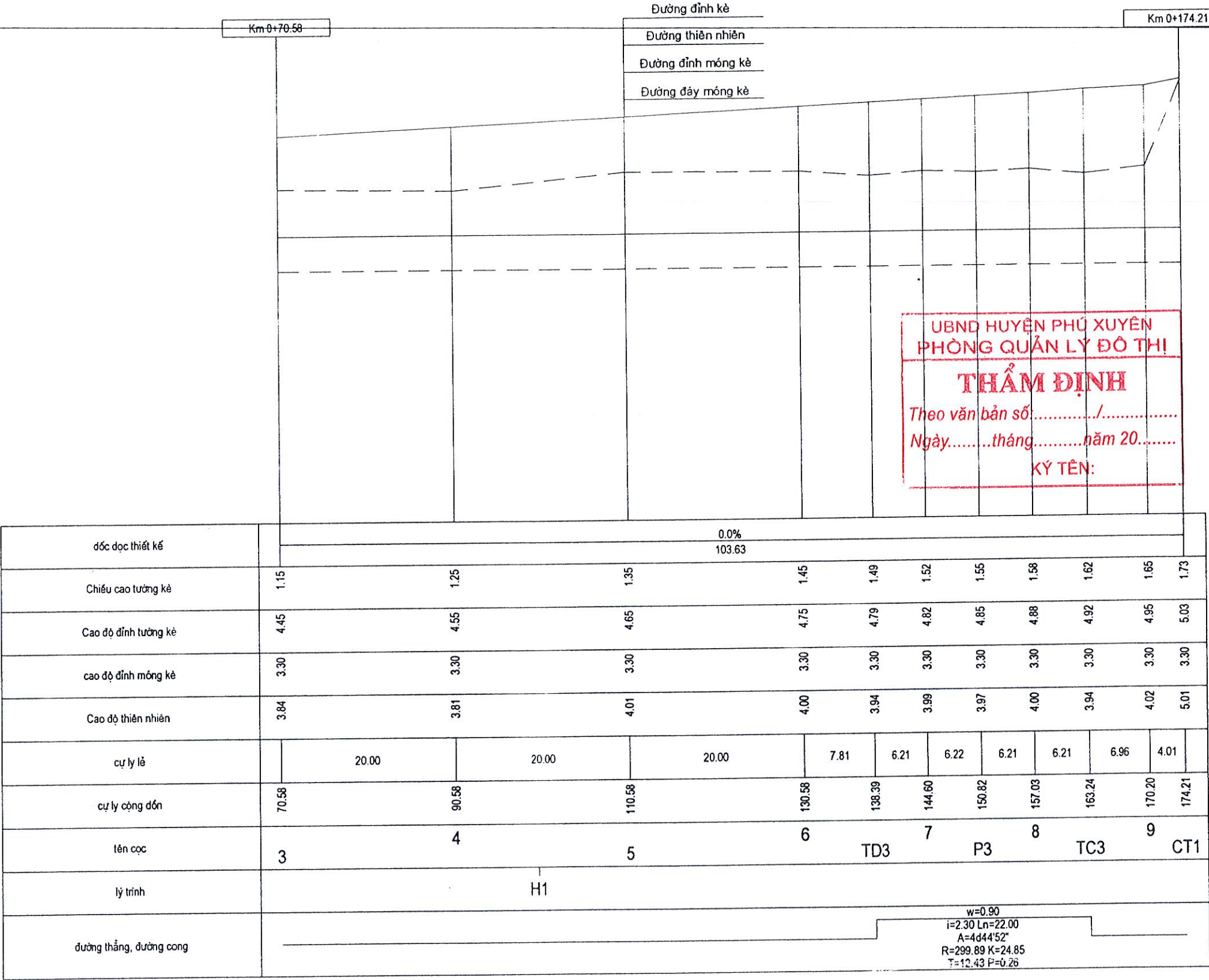
ĐỊNH HÌNH KÈ XÂY ĐÁ HỌC

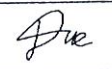
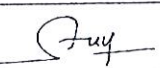
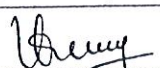
HẠNG MỤC : TƯỜNG CHẤM



UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
KÝ TÊN:

TRẮC DỌC KÈ BÊN PHẢI TUYẾN
LÝ TRÌNH: KM0+70.58 -:- KM0+174.21



UBND XÃ TRI THỦY  CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN VINH NINH TỪ CỐNG TRƯỞNG MẦM NON QUA NHÀ BÀ TÚC, BÀ HỒNG ĐOAN TỪ NHÀ ÔNG XUÂN ĐẾN NHÀ ÔNG GIÀ ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN ĐẠT		Ngày tháng năm 2024 P. TỔNG GIÁM ĐỐC   H. THANH TRÍ - TP. HÀ NỘI	TỶ LỆ: 1/500
		CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC			BẢN VẼ SỐ:
		C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY			
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỜNG			

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG

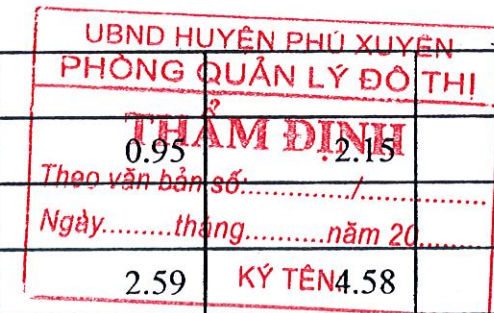
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIỀNG ĐẾN CÔNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2

HẠNG MỤC: TƯỜNG CHẮN

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI

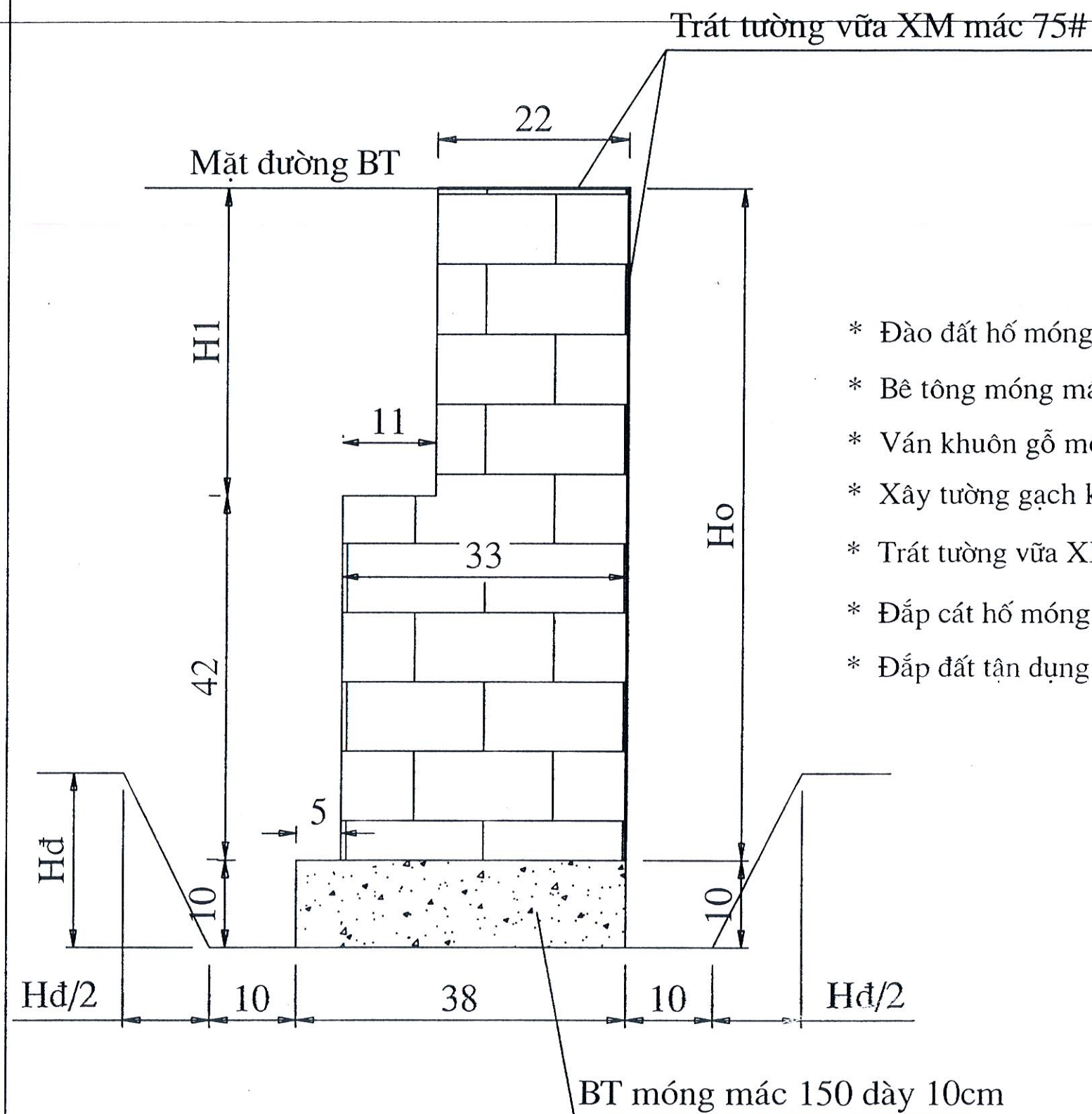
TUYẾN 1: KM0+00 -:- KM0+174.21

Tên cọc	Khoảng cách lẻ (m)	Chiều cao tường chắn Ho(m)	Chiều cao tường chắn H1 (m)	Chiều cao tường chắn H1tb (m)				Khối lượng (m3)						
					Đào móng	Đắp trong hố móng	Đắp ngoài hố móng	Bê tông móng tường chắn (m3)	Ván khuôn (m2)	Xây tường chắn (m3)	Trát tường vữa XM mác 75 (m2)	Đào móng	Đắp trong hố móng	Đắp ngoài hố móng
ĐOẠN TƯỜNG CHẮN MỞ RỘNG ĐẦU TUYẾN BÊN PHẢI														
MR Đ 1		0.67	0.25		1.06	0.16	0.15							
	4.95			0.25				0.19	0.99	0.96	2.33	5.25	0.79	0.74
MR Đ 2		0.67	0.25		1.06	0.16	0.15							
ĐOẠN TƯỜNG CHẮN BÊN PHẢI: TỪ CỌC DT1 -:- CỌC 3														
DT1		0.67	0.25		1.06	0.16	0.15							
	2.03			0.25				0.08	0.41	0.39	0.95	2.15	0.32	0.30
1		0.67	0.25		1.06	0.16	0.15							
	5.12			0.29				0.19	1.02	1.03	2.59	4.58	0.92	0.77
2		0.74	0.32		0.73	0.20	0.15							
	11.19			0.40				0.43	2.24	2.52	6.88	7.11	2.24	1.68
TD1		0.89	0.47		0.54	0.20	0.15							
	5.33			0.49				0.20	1.07	1.31	3.76	2.51	0.77	0.77
P1		0.92	0.50		0.40	0.09	0.14							
	5.32			0.51				0.20	1.06	1.33	3.88	1.94	0.37	0.72
TC1		0.94	0.52		0.33	0.05	0.13							
	6.68			0.54				0.25	1.34	1.72	5.08	2.24	0.33	0.87
TD2		0.98	0.56		0.34	0.05	0.13							
	7.46			0.58				0.28	1.49	1.98	5.93	2.76	0.45	1.08



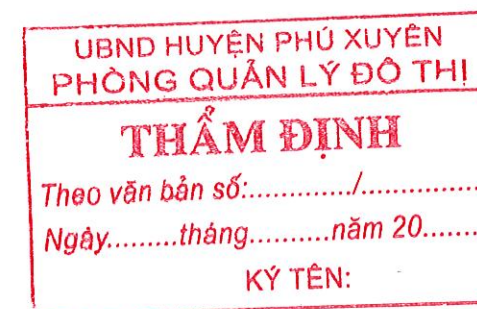
Tên cọc	Khoảng cách lẻ (m)	Chiều cao tường chắn Ho(m)	Chiều cao tường chắn H1 (m)	Chiều cao tường chắn H1tb (m)				Khối lượng (m3)							
					Đào móng	Đắp trong hố móng	Đắp ngoài hố móng	Bê tông móng tường chắn (m3)	Ván khuôn (m2)	Xây tường chắn (m3)	Trát tường vữa XM mác 75 (m2)	Đào móng	Đắp trong hố móng	Đắp ngoài hố móng	
P2		1.01	0.59		0.40	0.07	0.16			UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THẨM ĐỊNH Theo văn bản số...../..... Ngày.....tháng.....năm 20..... KÝ TÊN:					
	7.45			0.61				0.28	1.49		2.03	6.18	3.13	0.56	1.23
TC2		1.05	0.63		0.44	0.08	0.17								
	20.00			0.68				0.76	4.00		5.76	18.00	8.80	1.60	3.40
3		1.15	0.73		0.44	0.08	0.17								
Tổng	75.53							2.87	15.11	19.04	55.58	40.46	8.36	11.56	





BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG

- * Đào đất hố móng : Tính trực tiếp trên trắc ngang
- * Bê tông móng mác 150# đá 1x2 dày 10cm : $V_{btm} = L \cdot 0.38 \cdot 0.1 \text{ (m}^3\text{)}$
- * Ván khuôn gỗ móng tường chắn: $V_k = L \cdot 2 \cdot 0.1 \text{ (m}^2\text{)}$
- * Xây tường gạch không nung vữa XM mác 75#: $V_{xt} = (0.42 \cdot 0.33 + H_1 \cdot 0.22) \cdot L \text{ (m}^3\text{)}$
- * Trát tường vữa XM mác 75# dày 1.5cm: $V_{tt} = (0.22 + H_0) \cdot L \text{ (m}^2\text{)}$
- * Đắp cát hố móng trong TC: Tính trực tiếp trên trắc ngang
- * Đắp đất tận dụng hố móng ngoài TC: Tính trực tiếp trên trắc ngang



UBND XÃ TRI THỦY	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÀNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT THIẾT KẾ C.N.Đ.A KIỂM TRA	VŨ ANH ĐỨC NGUYỄN VĂN TRUNG ĐINH VĂN TUY ĐỖ XUÂN TRƯỜNG	 	Ngày.....tháng.....năm 2024 P. TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP H. THANH TRÍ - TP. HÀ NỘI	TỶ LỆ: 1/50
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel: 04.33 120 637, Fax: 04.33 120 637, Email: congtynhp.jsc@gmail.com	BẢN VẼ CẤU TẠO TƯỜNG CHẮN				ĐINH VĂN TUY	BẢN VẼ SỐ:

HẠNG MỤC : CÔNG THOÁT NƯỚC



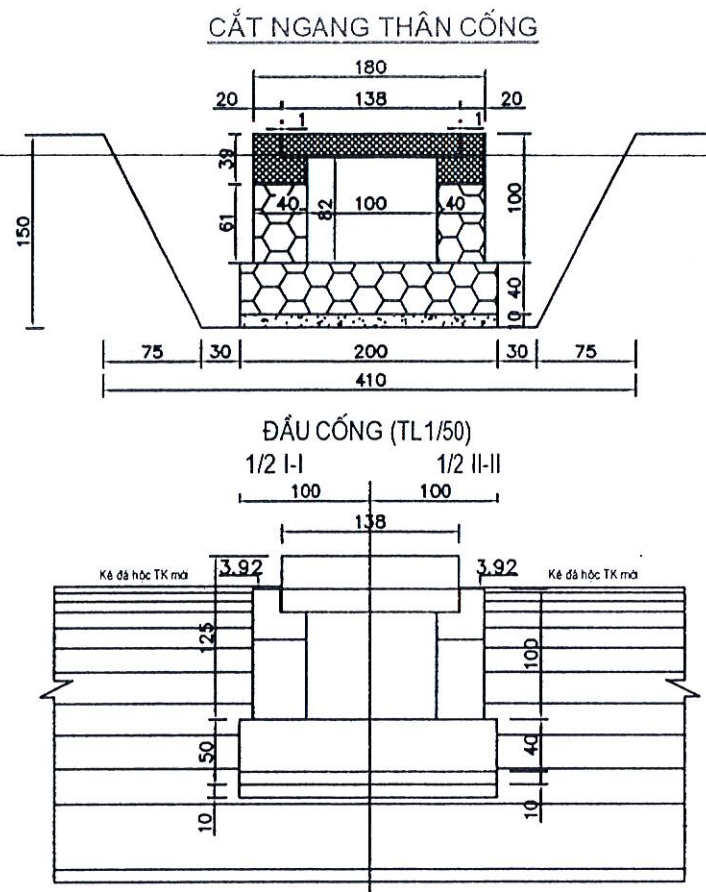
UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

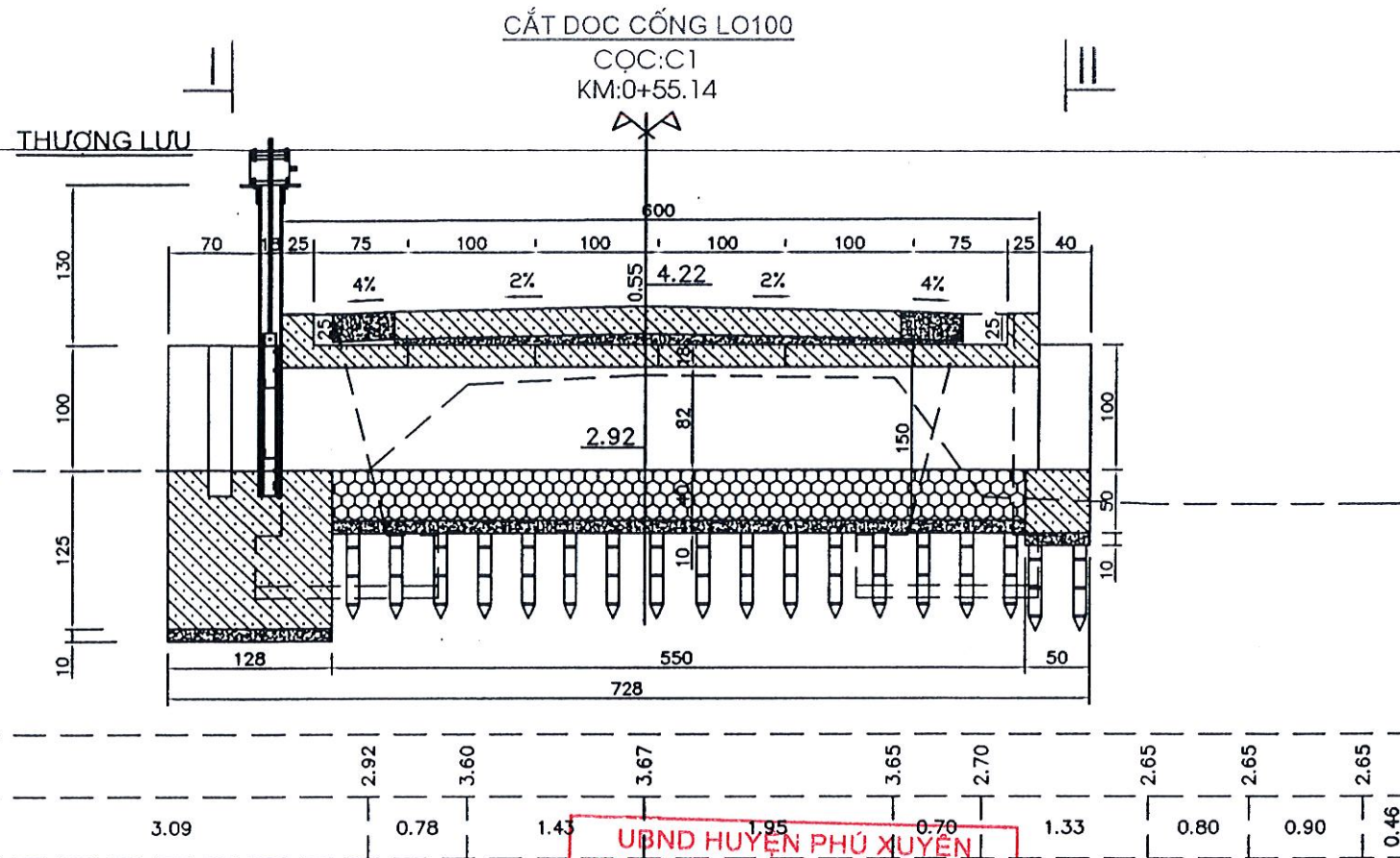
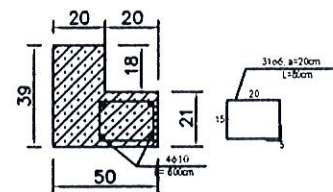
Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:



MŨ MỐ



TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI CÁCH TÍNH	KHỐI LƯỢNG
	Chiều dài cống	m		6,00
1	Đào đất hố móng	m3	$(2.6+4.1)/2 \times 1.5 \times 5 + 1.35 \times 1.8 \times 1.28 + 0.6 \times 1.8 \times 0.5$	31,29
2	Cọc tre gia cố móng cống TC 16 cọc/m2, cọc dài 2m	m	$7.28 \times 2 \times 16$	465,92
3	Đệm móng đá dăm dày 10cm	m3	$7.28 \times 2 \times 0.1$	1,46
4	Xây móng cống đá học vừa XM mác 100#	m3	$5.5 \times 2 \times 0.4$	4,40
5	Xây tường cống đá học vừa XM mác 100#	m3	$0.61 \times 0.4 \times 2 \times 6$	2,93
6	Bê tông mũ mố + cửa phai mác 200# đá 1x2	m3	$(0.2 \times 0.39 + 0.2 \times 0.21) \times 2 \times 6 + 1.25 \times 1.28 \times 1.8 + 0.5 \times 1.8 \times 0.5$	4,77
7	Ván khuôn gỗ mũ mố + cửa phai (thực ghép)	m2	$0.39 \times 4 \times 6 + 1.25 \times (1.8 + 1.28) \times 2 + 0.5 \times (0.5 + 1.8) \times 2$	19,36
8	Cốt thép mũ mố	Kg	$(4 \times 0.61 \times 6 \times 2) + (31 \times 0.222 \times 0.8 \times 2)$	40,63
9	Trát tường cống vừa XM mác 75 dày 1,5cm	m2	$0.82 \times 6 \times 2$	9,84
10	Cốt thép bản cống	Kg	$31.429 \times 4 + 36.101 \times 2$	197,92
11	Ván khuôn bản cống (thực ghép)	m2	$0.857 \times 4 + 1.672 \times 2$	6,77
12	Bê tông bản cống mác 250# đá 1x2	m3	$0.248 \times 4 + 0.335 \times 2$	1,66
13	Lắp đặt bản cống	cái	L/1	6,00
14	Lắp đặt giàn van	cái	1,00	1,00
15	Đắp đất móng cống	m3	$(0.3 + 0.3 + 1.5/2) \times 2 \times 1.5 \times 6 \times 2$	12,15

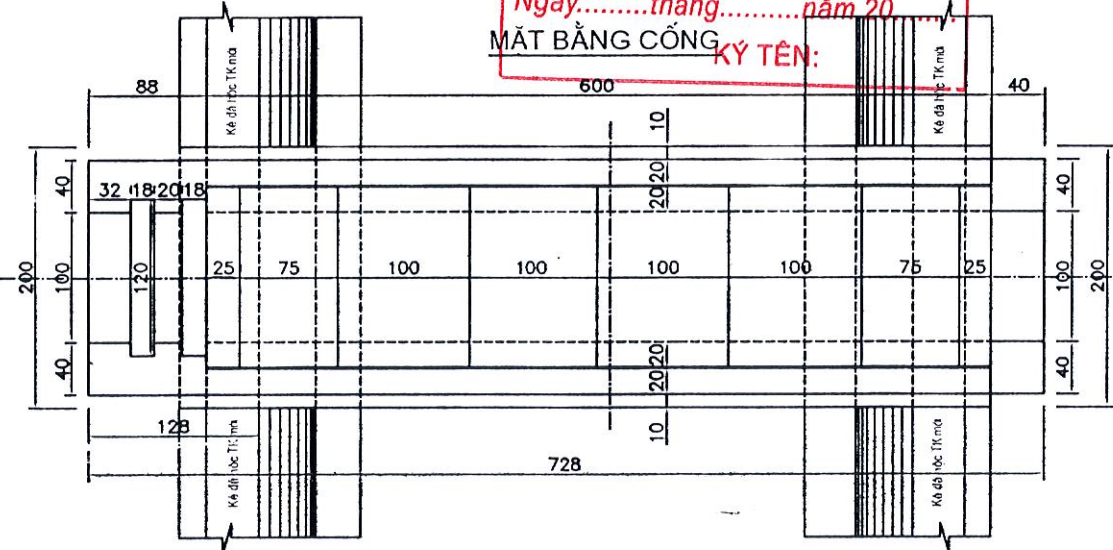
UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

MẶT BẰNG CỐNG

KÝ TÊN:



GHI CHÚ

- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ LÀ CM, CAO ĐỘ ĐƠN VỊ LÀ M
- TẢI TRỌNG THIẾT KẾ: HL93
- CỐNG ĐÁT TRÊN NỀN ĐẤT C3
- CỐNG THỦY LỢI
- VẬT LIỆU LÀM CỐNG:
 - + TẤM BẢN ĐÚC SẴN, BTCT M250#
 - + TƯỜNG CỐNG: ĐÁ HỌC XÂY VỮA XM M100#
 - + MÔNG CỐNG: ĐÁ HỌC XÂY VỮA XM M100#
- ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU THIẾT KẾ HÉM PHAI CHẮN NƯỚC
- ĐẦU CỐNG HẠ LƯU THIẾT KẾ TƯỜNG XÂY THẲNG
- CHI TIẾT CỐT THÉP TẮM BẢN XEM BẢN VẼ RIÊNG

UBND XÃ TRI THỦY

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYÊN
ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÀNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG
C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY
KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP

ĐINH VĂN TUY

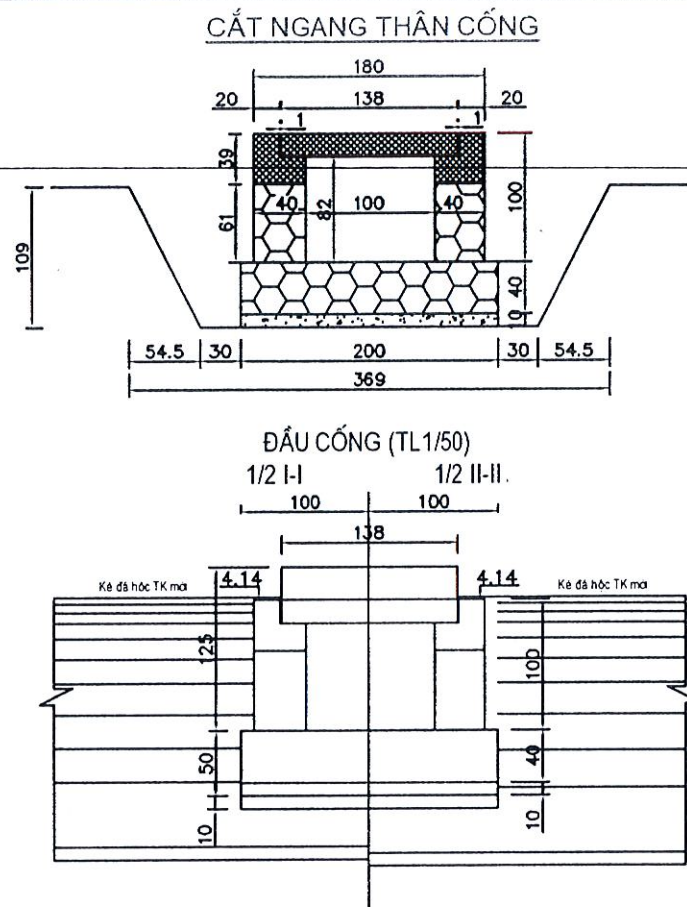
TL: 1/50

BẢN VẼ SỐ:

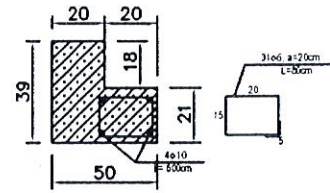


CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP
Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà
Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội
Tel : 04.33 120 637, Fax: 04.33 120 637, Email: congtynhp.jsc@gmail.com

BẢN VẼ CẤU TẠO CỐNG LO100
(ÁP DỤNG CHO CỌC C1 - TUYẾN 2)

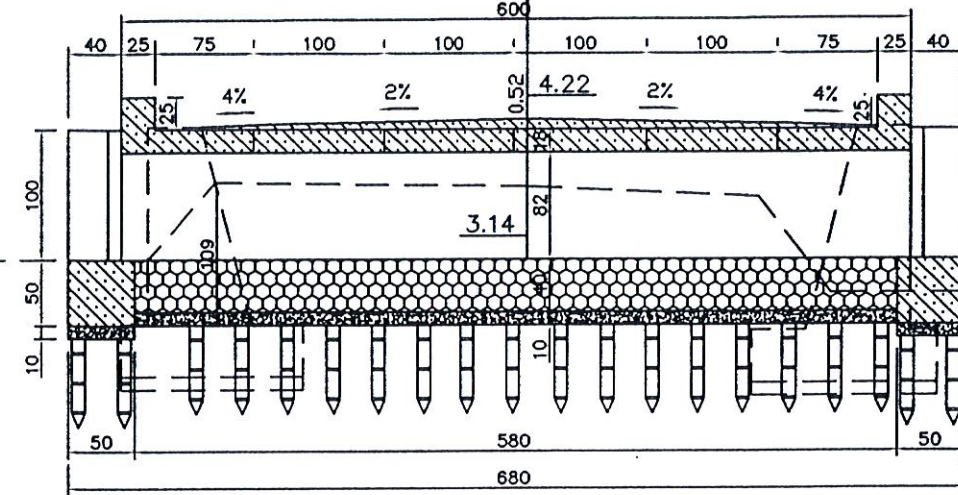


MŨ MỐ



CẮT DỌC CỐNG LO100

CỌC: C2
KM: 0+191.28



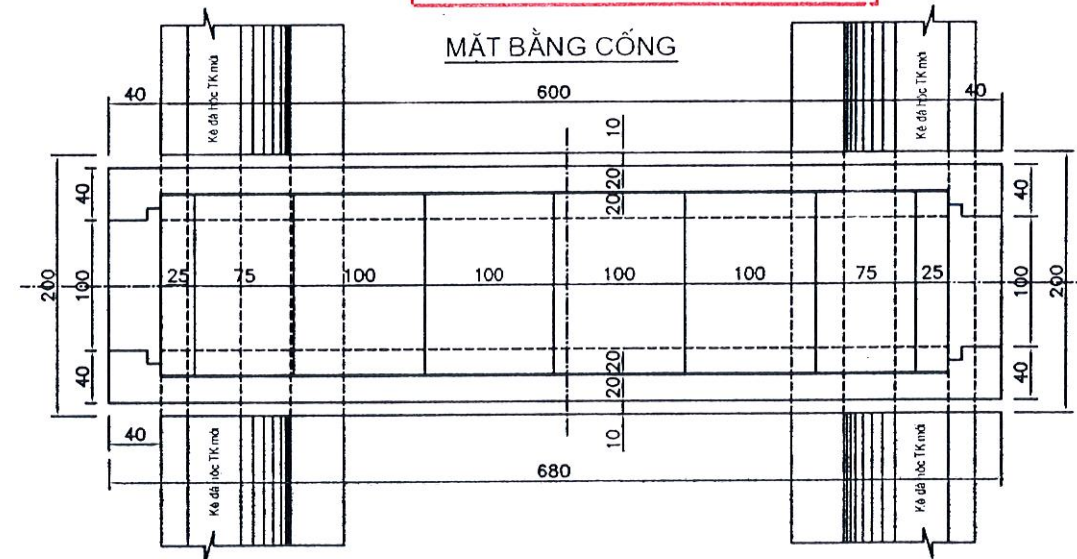
UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:/.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI CÁCH TÍNH	KHỐI LƯỢNG
	Chiều dài cống	m		6,00
1	Đào đất hố móng	m3	$(2.6+3.69)/2 \times 1.09 \times 5.8 + 0.6 \times 1.8 \times 0.5 \times 2$	20,96
2	Cọc tre gia cố móng cống TC 16 cọc/m2, cọc dài 2m	m	$6.8 \times 2 \times 2 \times 16$	435,20
3	Đệm móng đá dăm dày 10cm	m3	$6.8 \times 2 \times 0.1$	1,36
4	Xây móng cống đá học vữa XM mác 100#	m3	$5.8 \times 2 \times 0.4$	4,64
5	Xây tường cống đá học vữa XM mác 100#	m3	$0.61 \times 0.4 \times 2 \times 6$	2,93
6	Bê tông mũ mố + cửa phai mác 200# đá 1x2	m3	$(0.2 \times 0.39 + 0.2 \times 0.21) \times 2 \times 6 + 0.4 \times 1.8 \times 1 \times 2 + 0.5 \times 1.8 \times 0.5 \times 2$	3,78
7	Ván khuôn gỗ mũ mố + cửa phai (thực ghép)	m2	$0.39 \times 4 \times 6 + 0.4 \times 1 \times 4 \times 4 + 0.5 \times (0.5 + 1.8) \times 2 \times 2$	20,36
8	Cốt thép mũ mố	Kg	$(4 \times 0.617 \times 6 \times 2) + (3 \times 1 \times 0.222 \times 0.8 \times 2)$	40,63
9	Trát tường cống vữa XM mác 75 dày 1,5cm	m2	$0.82 \times 6 \times 2$	9,84
10	Cốt thép bản cống	Kg	$31.429 \times 4 + 36.101 \times 2$	197,92
11	Ván khuôn bản cống (thực ghép)	m2	$0.857 \times 4 + 1.672 \times 2$	6,77
12	Bê tông bản cống mác 250# đá 1x2	m3	$0.248 \times 4 + 0.335 \times 2$	1,66
13	Lắp đặt bản cống	cái	L/1	6,00
14	Đắp đất móng cống	m3	$(0.3 + 0.3 + 1.09/2) \times 2 \times 1.09 \times 6 \times 2$	7,49



GHI CHÚ

- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ LÀ CM, CAO ĐỘ ĐƠN VỊ LÀ M
- TẢI TRỌNG THIẾT KẾ HL93
- CỐNG ĐẶT TRÊN NỀN ĐẤT C3
- CỐNG THỤY LỢI
- VẬT LIỆU LÂM CỐNG:
 - + TẦM BẢN ĐỤC SẴN, BTCT M250#
 - + TƯỜNG CỐNG: ĐÁ HỌC XÂY VỮA XM M100#
 - + MÓNG CỐNG: ĐÁ HỌC XÂY VỮA XM M100#
- ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU THIẾT KẾ HẸM PHAI CHẶN NƯỚC
- ĐẦU CỐNG HẠ LƯU THIẾT KẾ TƯỜNG XÂY THẲNG
- CHI TIẾT CỐT THÉP TẦM BẢN XEM BẢN VẼ RIÊNG

UBND XÃ TRI THỦY

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN
ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÀNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC	<i>Đức</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG	<i>Trung</i>
C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY	<i>Tuy</i>
KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG	<i>Trưởng</i>

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2024

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY DỰNG
NHP
ĐINH VĂN TUY

TL: 1/50

BẢN VẼ SỐ:



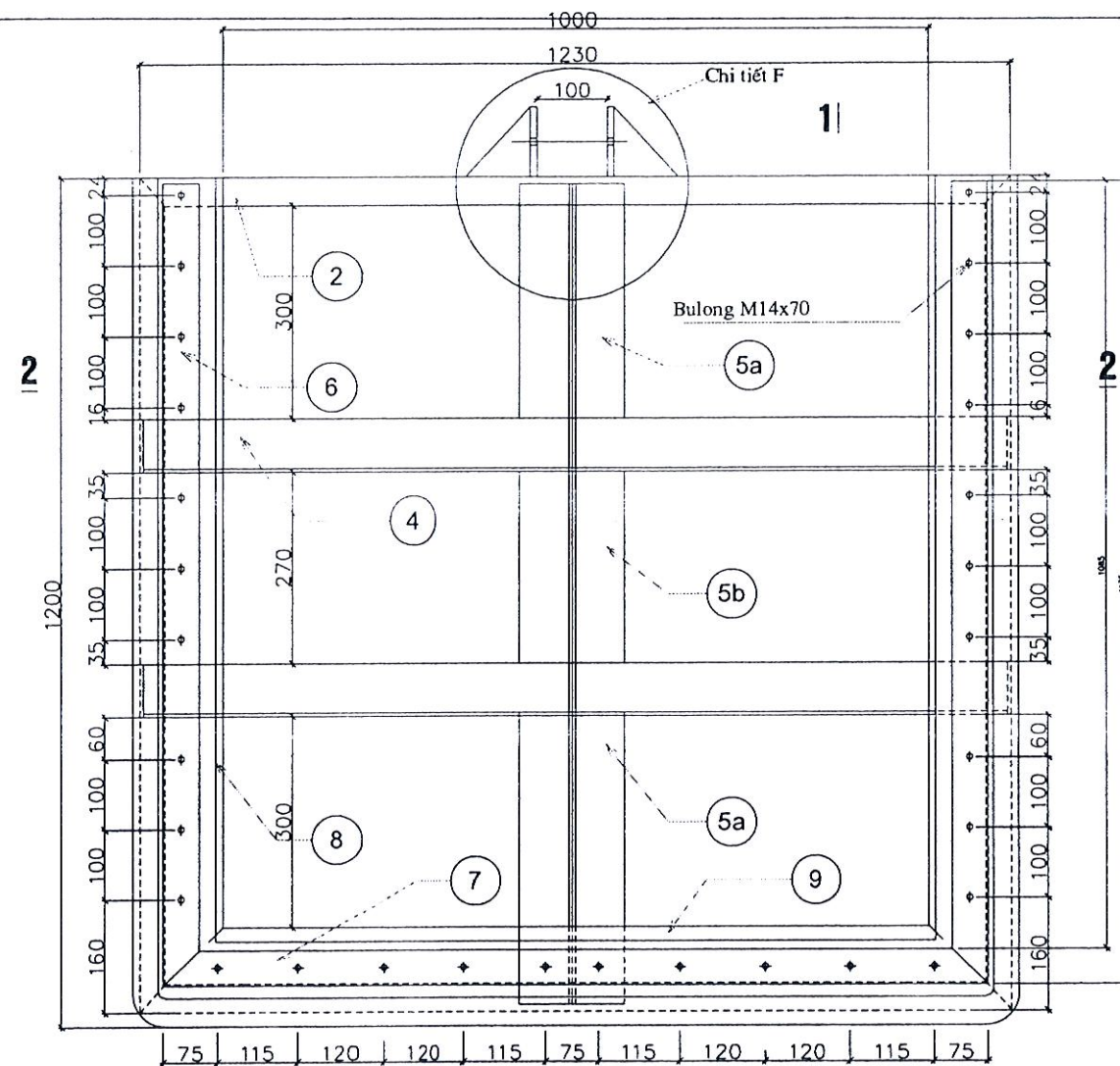
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP

Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà
Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội

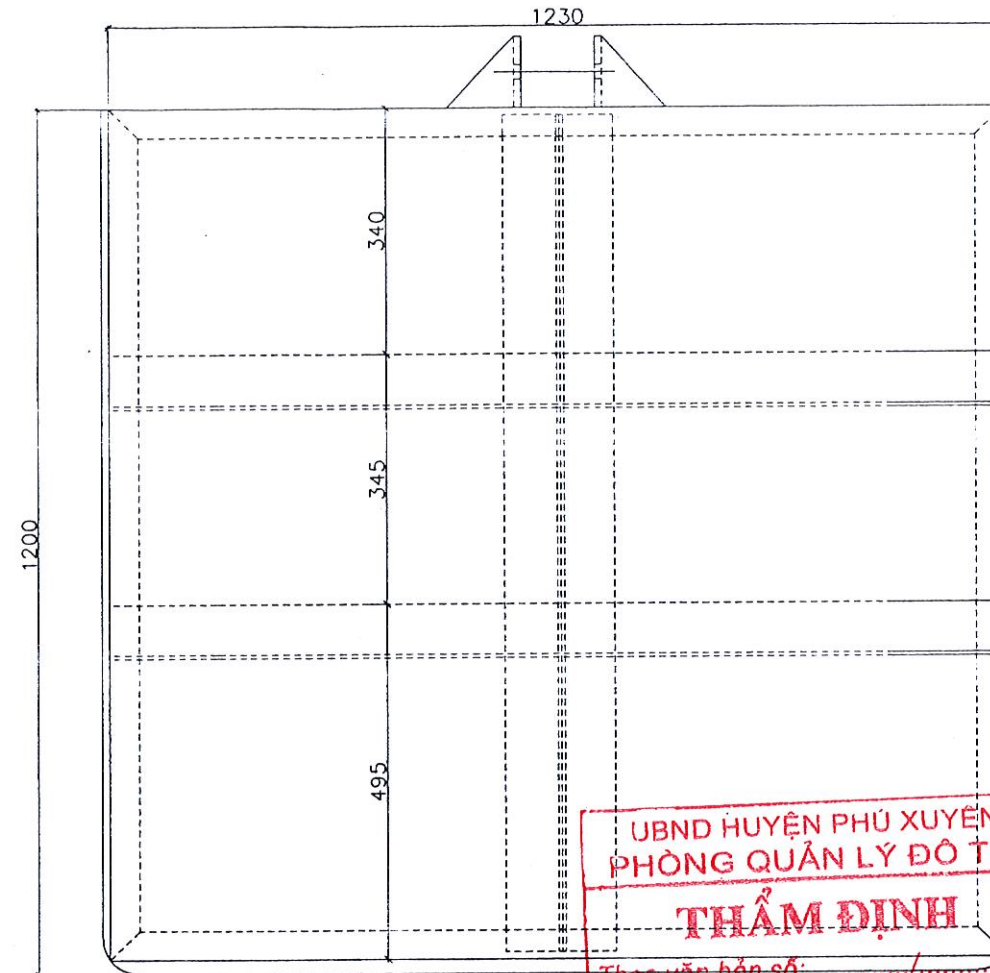
Tel: 04.33.120.637 Fax: 04.33.120.637 Email: congtynhp.jsc@gmail.com

BẢN VẼ CẤU TẠO CỐNG LO100
(ÁP DỤNG CHO CỌC C2 - TUYẾN 2)

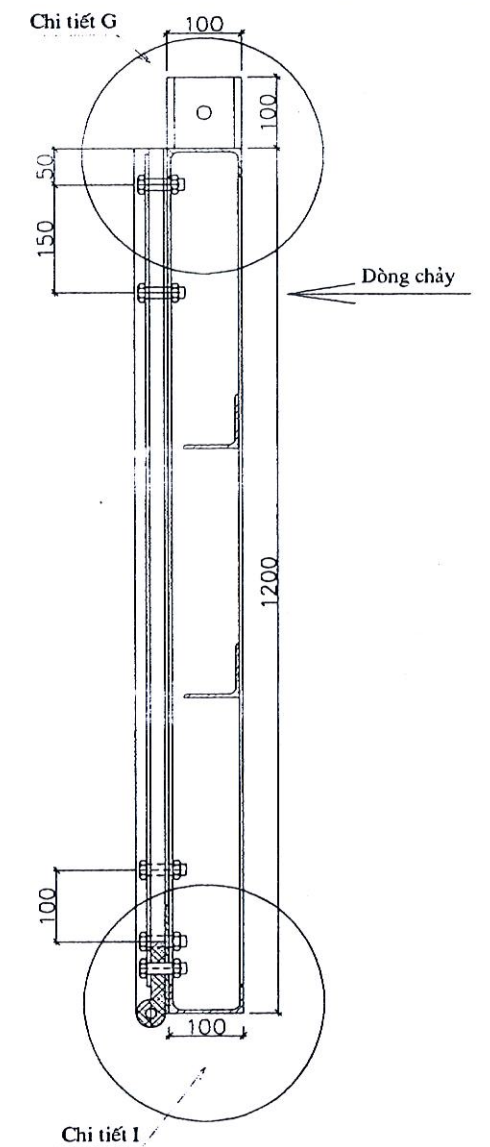
CÁNH VAN THÉP MẶT SAU TỶ LỆ 1:10



CÁNH VAN THÉP MẶT TRƯỚC TỶ LỆ 1:10

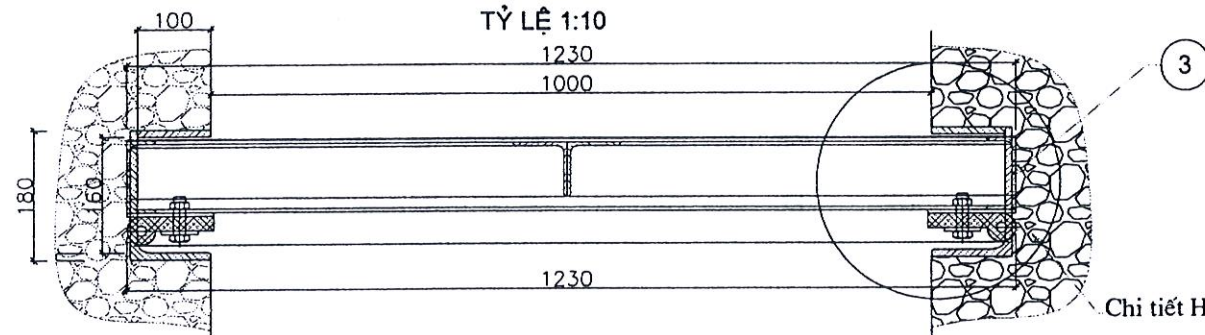


TỶ LỆ 1:10 CẮT 1-1



CẮT 2-2

TỶ LỆ 1:10



1. Kích thước ghi bằng mm.

UBND XÃ TRI THỦY

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN
ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CHỦ TRÌ KHẢO SÁT

VŨ ANH ĐỨC

THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN TRUNG

C.N.Đ.A

ĐÌNH VĂN TUY

KIỂM TRA

ĐỖ XUÂN TRƯỜNG

BẢN VẼ CẤU TẠO VAN CỐNG L0100



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP

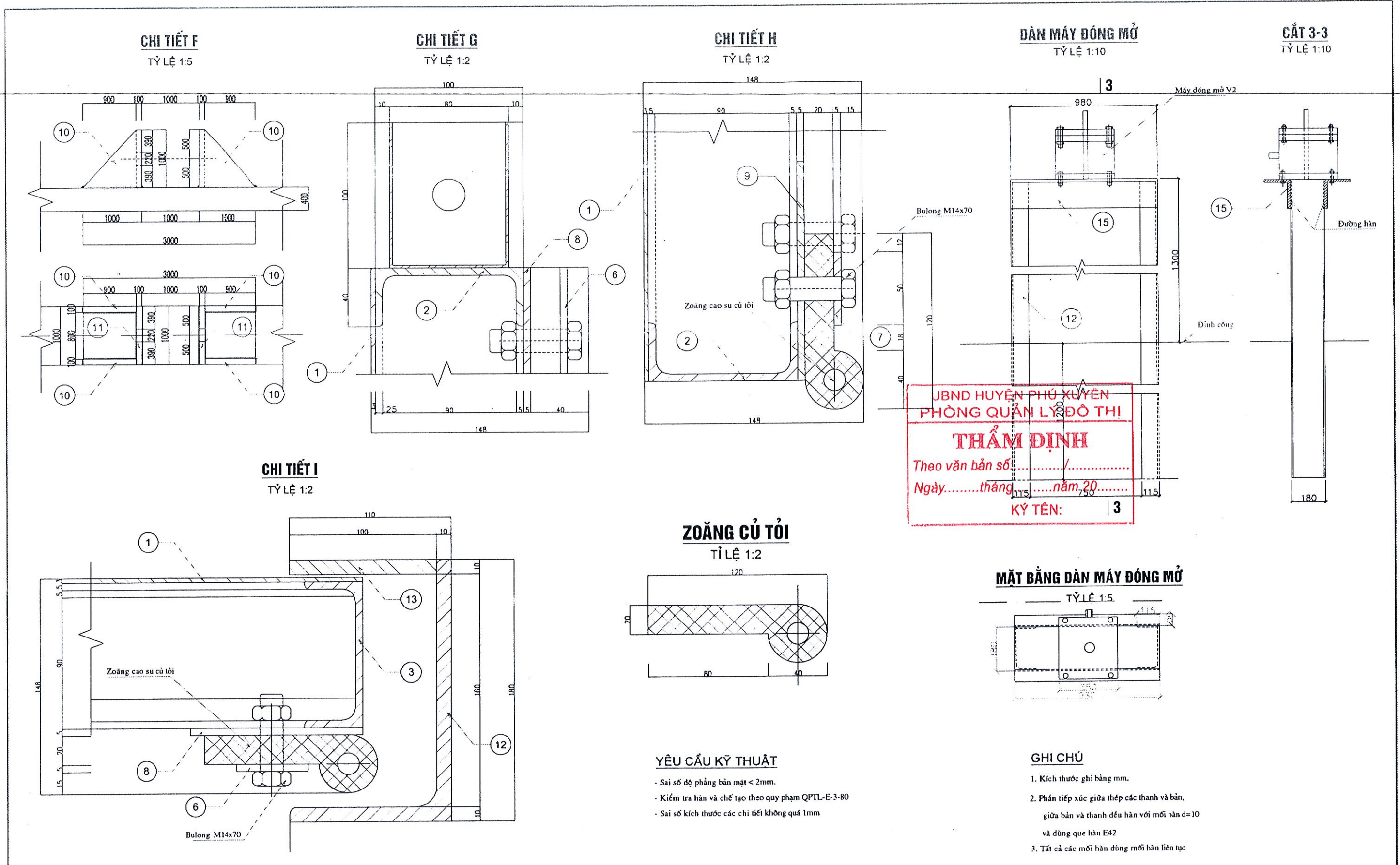
Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà
Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội

Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com

Hà Nội, ngày tháng năm 2024
P. TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP
ĐÌNH VĂN TUY

TỶ LỆ: 1/50

BẢN VẼ SỐ:



UBND XÃ TRI THỦY	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÀNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC	<i>Đức</i>	Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2024 P. TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP ĐINH VĂN TUY	TỶ LỆ: 1/50
		THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG	<i>Trung</i>		
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	BẢN VẼ CẤU TẠO VAN CỐNG L0100	C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY	<i>ĐVT</i>	ĐINH VĂN TUY	BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG	<i>ĐXT</i>		

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG THÉP HÌNH CÁCH VAN, KHE VAN, DÀN VAN

HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI	VẬT LIỆU	QUY CÁCH (MM)	KÍCH THƯỚC (MM)	SỐ LƯỢNG CẤU KIỆN
CÁCH VAN	1	Thép mặt	Thép tấm dày 5mm		1,23x1,20x0,005	1
	2	Khung ngang	L10		1,23	2
	3	Khung dọc	L10		1,20	2
	4	Dầm ngang	L70x70x5		1,23	2
	5a	Dầm đứng	L70x70x5		0,30	2
	5b	Dầm đứng	L70x70x5		0,27	1
	6	Nẹp zoăng củ tỏi đứng	Thép tấm dày 5mm		1,20*0,5*0,005	2
	7	Nẹp zoăng củ tỏi ngang	Thép tấm dày 5mm		1,23*0,5*0,005	1
	8	Tấm tăng cường đứng	Thép tấm dày 5mm		1,20x0,12x0,005	2
	9	Tấm tăng cường ngang	Thép tấm dày 5mm		1,23x0,12x0,005	1
	10	Tấm tăng cường tai van	Thép tấm dày 10mm			4
KHE VAN	11	Tai van	Thép tấm dày 10mm			2
	Cộng khối lượng thép cách van					
	12	Khe van + dầm đứng	L180/11x10		2,87	2
DẦM NGANG ĐỖ MÁY	13	Khe van	Thép tấm dày 10mm		2,87x0,10x0,01	2
	14	Móc thép f10	Thép f10		0,25	6
	Cộng khối lượng thép khe van					
DẦM NGANG ĐỖ MÁY	15	Dầm ngang đỡ máy đóng mở	L100x100x10		1,23	2
	Cộng khối lượng thép dàn máy đóng mở					

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG THÉP HÌNH CỬA VAN CÔNG LO 100

Ký hiệu	Diễn giải	Kích thước	Số lượng	Trọng lượng	Khối lượng
1	Thép mặt	1,23*1,20*0,005	1	7850	57.93
2	Khung ngang	1,23	2	8.59	21.13
3	Khung dọc	1,2	2	8.59	20.62
4	Dầm ngang	1,23	2	5.38	13.23
5a	Dầm đứng	0,3	2	5.38	3.23
5b	Dầm đứng	0,27	1	5.38	1.45
6	Nẹp zoăng củ tỏi đứng	1,20*0,5*0,005	2	7850	47.10
7	Nẹp zoăng củ tỏi ngang	1,23*0,5*0,005	1	7850	24.14
8	Tấm tăng cường đứng	1,20*0,12*0,005	2	7850	11.30
9	Tấm tăng cường ngang	1,23*0,12*0,005	1	7850	5.79
10	Tấm tăng cường tai van	0,1*0,09/2*0,02	4	7850	2.83
11	Tai van	0,1*0,1*0,02	2	7850	3.14
Cộng cửa van					211.90
12	Khe van + dầm đứng	2,87	2	22.2	127.43
13	Khe van	2,87*0,1*0,01	2	7850	45.06
14	Móc thép Φ 10	0,25	6	0.617	0.93
Cộng KL thép khe van					173.41
15	Dầm ngang đỡ máy đóng mở	1,23	2	15.1	37.15
Khối lượng một cửa van					422.46
Đường hàn (5%)					21.12
TỔNG CỘNG					443.58

UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
KÝ TÊN:

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG CÁC VẬT LIỆU KHÁC (CÁCH VAN)

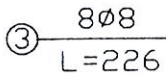
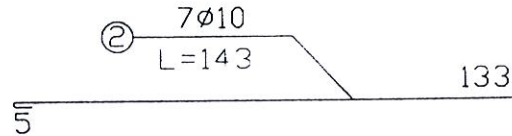
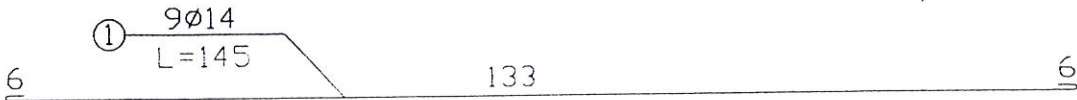
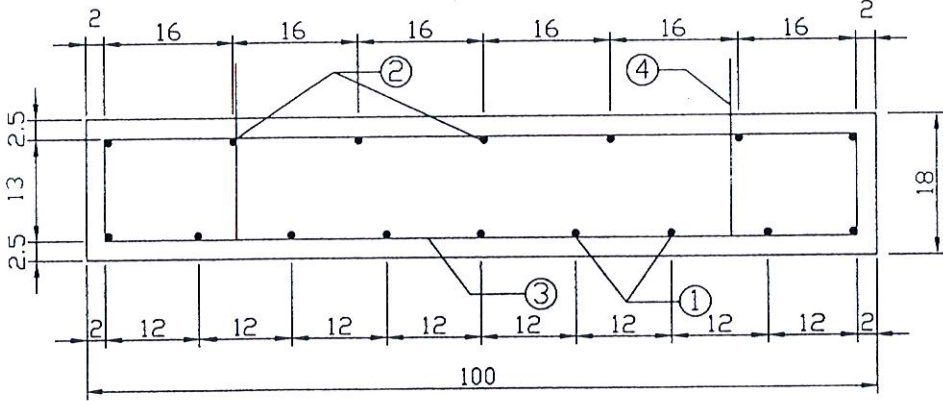
STT	Công việc	Số lượng cấu kiện	Khối lượng 1 bộ		Đ.vị
			1 cấu kiện	toàn bộ	
1	Bulong M14x70	30	1.00	30,0	cái
2	Máy đóng mở V2 + ty van trực vít	1	1.00	1.00	bộ
3	Zoăng cao su củ tỏi D=4cm	1	4.92	4.92	m

UBND XÃ TRI THỦY	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC		Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2024 P. TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP ĐINH VĂN TUY	TỶ LỆ: 1/50
		THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG			
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel: 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	BẢN VẼ CẤU TẠO VAN CỐNG LO100	C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY		BẢN VẼ SỐ:	
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG			

BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU 1 BẢN CỐNG

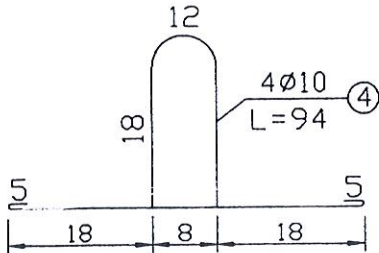
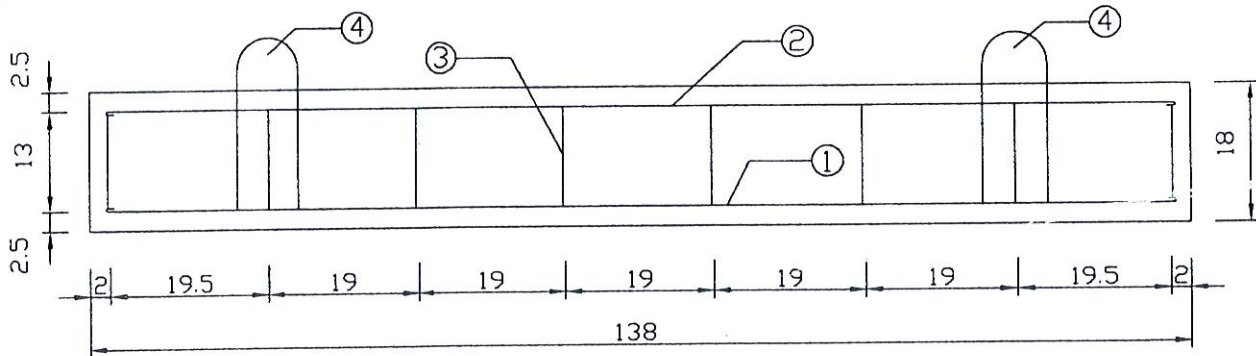
CẤU KIỆN	SỐ HIỆU THANH	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	DÀI MỘT THANH (CM)	SỐ THANH	TỔNG DÀI (M)	TRỌNG LƯỢNG RIÊNG (KG/M)	TRỌNG LƯỢNG (KG)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG (KG)	BTXM 250# (M3)	VÁN KHUÔN 1 BẢN (M2)
1 BẢN CỐNG	1	Ø14	145	9	13.05	1.210	15.791	31.429	0.248	0.857
	2	Ø10	143	7	10.01	0.617	6.176			
	3	Ø8	226	8	18.08	0.395	7.142			
	4	Ø10	94	4	3.76	0.617	2.320			

CẮT NGANG BẢN GIỮA



UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số:/.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
KÝ TÊN:

CẮT DỌC BẢN GIỮA



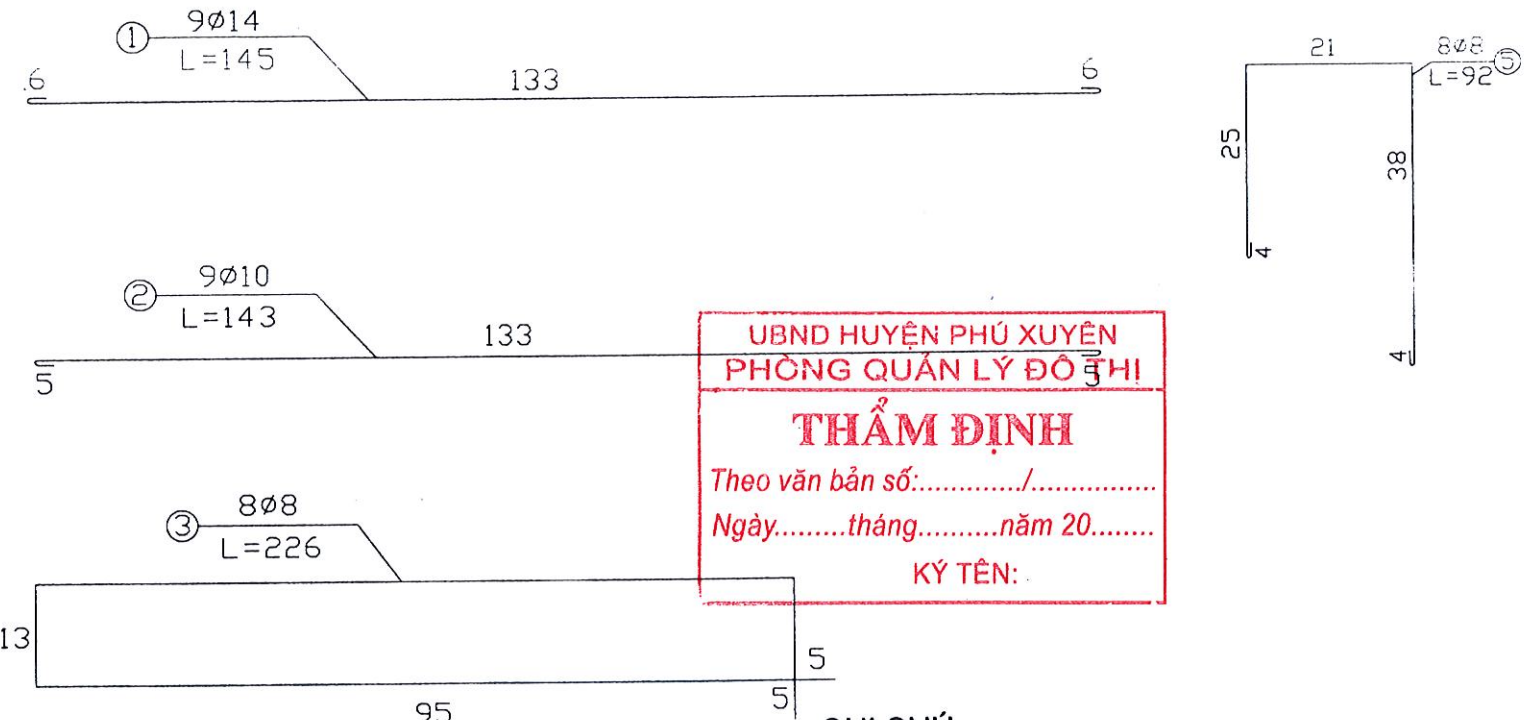
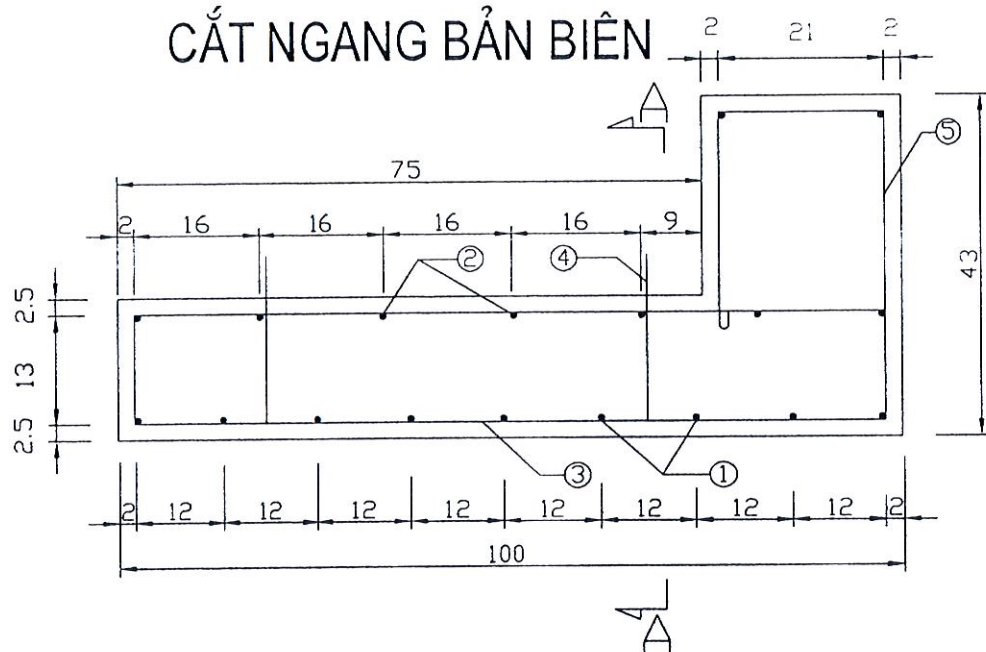
GHI CHÚ

- * Thiết kế bản cống B.T.C.T L0=100cm.
- * Tải trọng tính toán HL93.
- * Bê tông bản cống 250# đá 1x2 cm.
- * Kích thước bản 138x100 cm.
- * Kích thước bản vẽ đã ghi bằng cm.
- * Đường kính cốt thép ghi bằng mm.

UBND XÃ TRI THỦY	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC		Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP ĐINH VĂN TUY ĐỒ XUÂN TRƯỞNG	. TL: 1/50
		THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG			
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel: 04.33 120 637, Fax: 04.33 120 637, Email: congtynhp.jsc@gmail.com	CẤU TẠO BẢN CỐNG L0=100 (BẢN GIỮA B=100CM)	C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY		BẢN VẼ SỐ:	
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG			

BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU 1 BẢN CỐNG

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU THANH	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	DÀI MỘT THANH (CM)	SỐ THANH	TỔNG DÀI (M)	TRỌNG LƯỢNG RIÊNG (KG/M)	TRỌNG LƯỢNG (KG)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG (KG)	BTXM 250# (M3)	VÁN KHUÔN 1 BẢN (M2)
1 BẢN CỐNG	1	Ø14	145	9	13.05	1.210	15.791	36.101	0.335	1.672
	2	Ø10	143	9	12.87	0.617	7.941			
	3	Ø8	226	8	18.08	0,395	7.142			
	4	Ø10	94	4	3.76	0.617	2.320			
	5	Ø8	92	8	7.36	0,395	2.907			



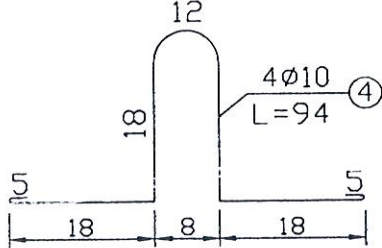
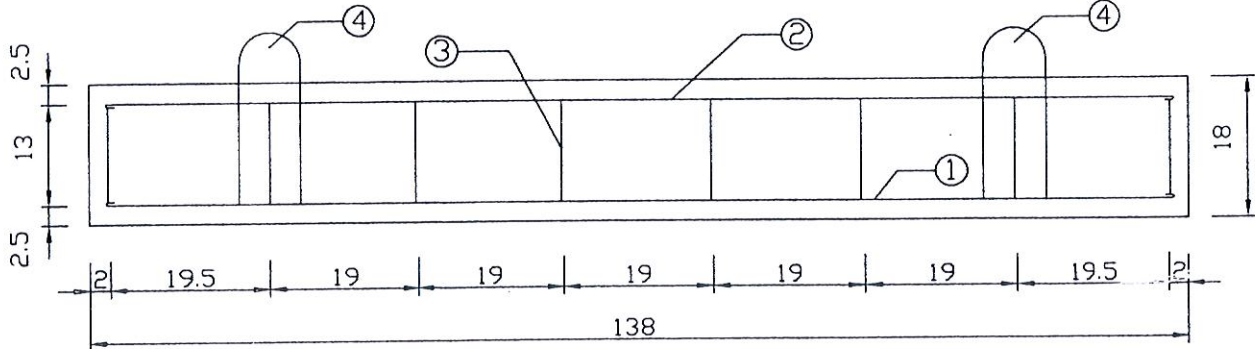
UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:

CẮT DỌC BẢN (A - A)



GHI CHÚ

- * Thiết kế bản cống B.T.C.T L0=100 cm.
- * Tải trọng tính toán HL93.
- * Bê tông bản cống 250# đá 1x2 cm.
- * Kích thước bản 138x100 cm.
- * Kích thước bản vẽ đã ghi bằng cm.
- * Đường kính cốt thép ghi bằng mm.

UBND XÃ TRI THỦY	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÀNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC		Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2024 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP H. THANH TRÌ - T. HÀ NỘI	TL: 1/50
		THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG			BẢN VẼ SỐ:
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com	CẤU TẠO BẢN CỐNG L0=100 (BẢN BIÊN B=100CM)	C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY			
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG			

HẠNG MỤC : ATGT VÀ CÁC BẢN VẼ KHÁC



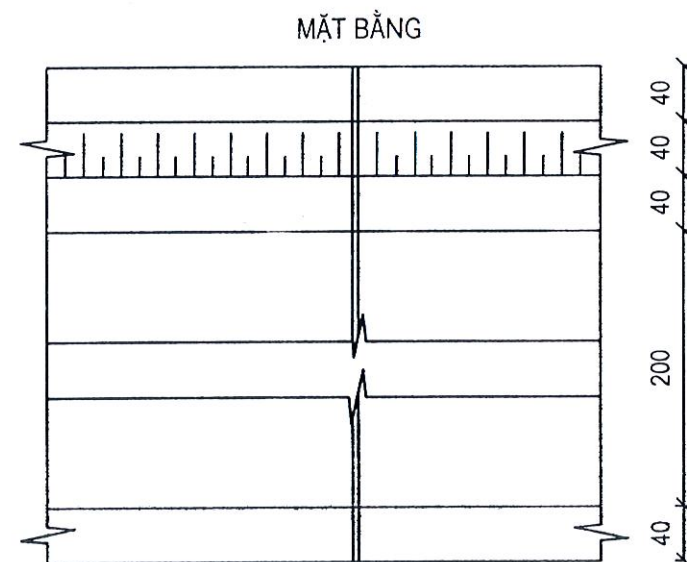
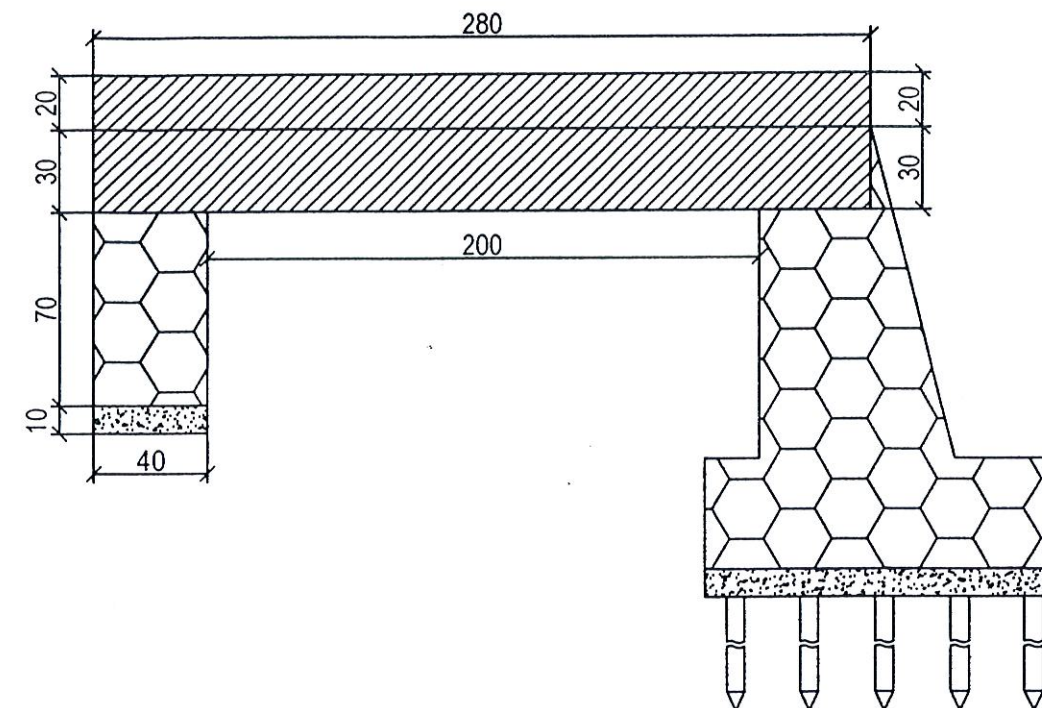
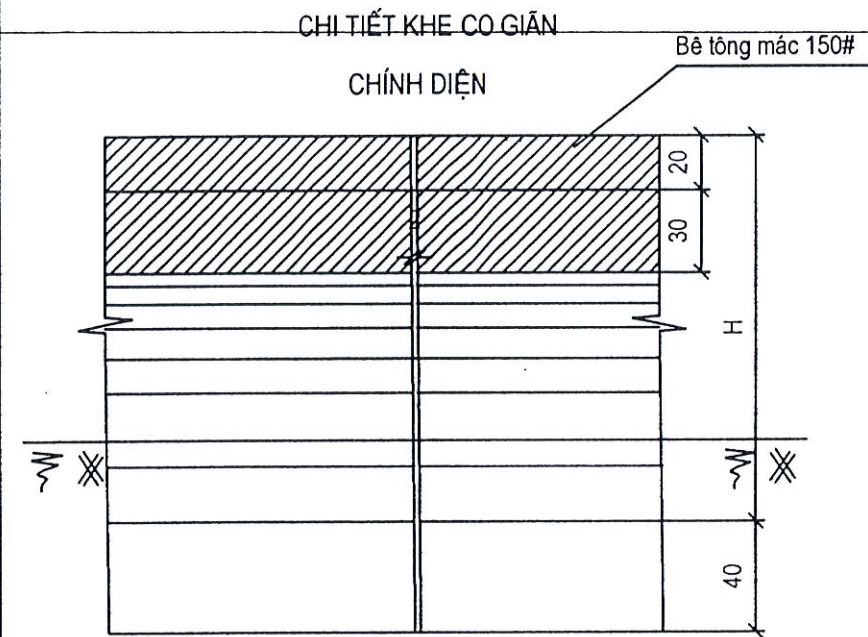
UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:



UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

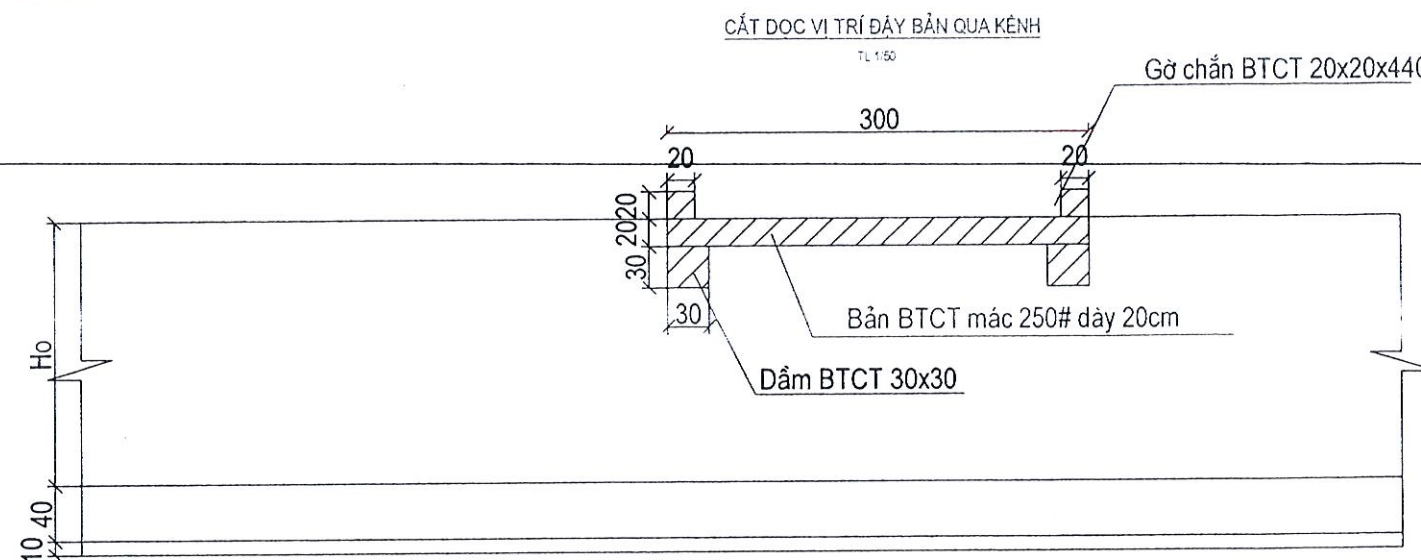
THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:
DIỄN GIẢI CÁCH TÍNH
Ngày: tháng năm 20.....
KÝ TÊN:

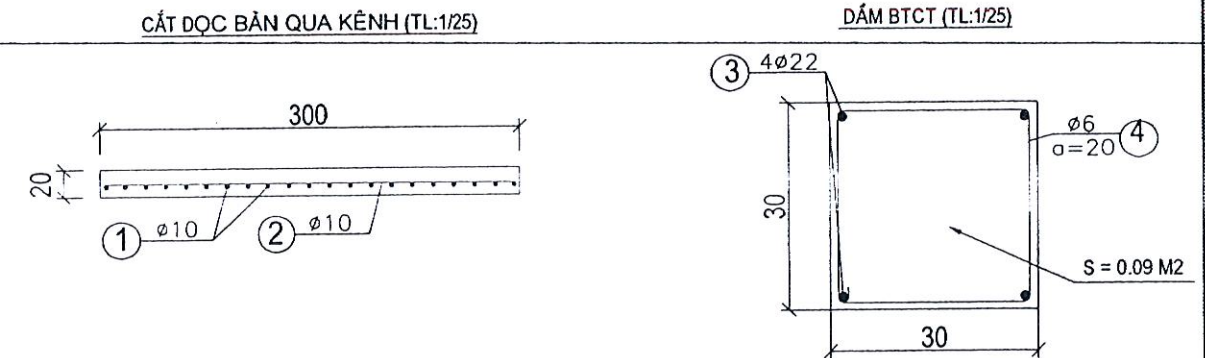
TT	HẠNG-MỤC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI CÁCH TÍNH	KHỐI LƯỢNG
1	Cốt thép dầm BTCT	kg	65.663+0.733	66,40
2	Ván khuôn gỗ dầm BTCT	m2	0.3*2.8*4*2	6,72
3	BTXM dầm BTCT mác 300#, đá 1x2; KT = 0.3x0.3x2.8(m)	m3	0.3*0.3*2.8	0,25
4	Cốt thép bản qua kênh	kg	33.935+36.403	70,34
5	Ván khuôn gỗ bản qua kênh	m2	2.8*0.2*2+3*0.2*2+3*2.8	10,72
6	BTXM bản qua kênh mác 250#, đá 1x2; KT = 2.8x3x0.2(m)	m3	2.8*3*0.2	1,68
7	Ván khuôn gỗ gờ chắn	m2	0.2*2*2.8*2	2,24
8	BTXM gờ chắn mác 250#, đá 1x2; KT = 0.2*0.2*2.8*2	m3	0.2*0.2*2.8*2	0,22

Theo chiều dài cứ 5 m để 1 lỗ thoát nước D=6 cm

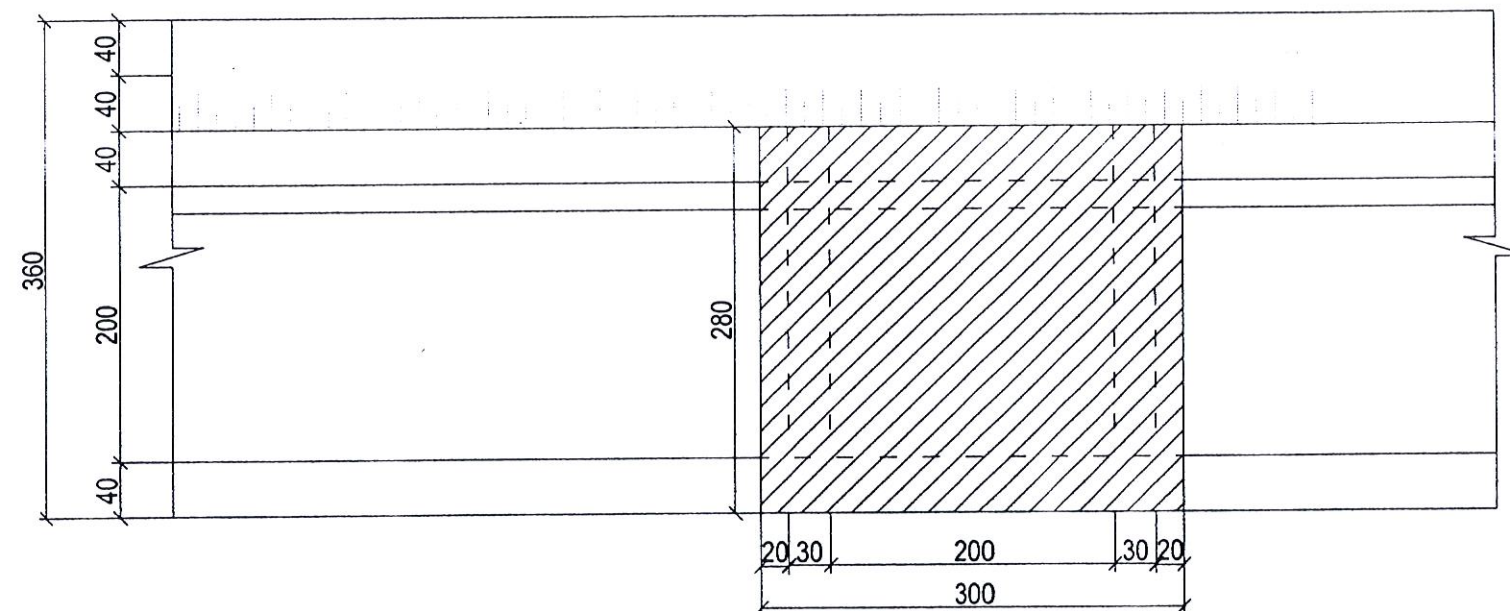
UBND XÃ TRI THỦY	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2 ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC	<i>Duc</i>	Hà Nội, ngày 16 tháng 1 năm 2024 CƠ QUAN TỔNG GIÁM ĐỐC CƠ PHÂN XÂY DỰNG NHP H. THANH TRÍ - TP. HÀ NỘI	TỶ LỆ: 1/50
		THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG	<i>Trung</i>		
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội Tel: 04 33 120 637 Fax: 04 33 120 637, Email: congtynhp.jsc@gmail.com	BẢN VẼ CẤU TẠO BẢN QUÁ KÈNH	C.N.Đ.A	ĐÌNH VĂN TUY	<i>Tuy</i>	ĐÌNH VĂN TUY	BẢN VẼ SỐ:
		KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỞNG	<i>Xuan</i>		



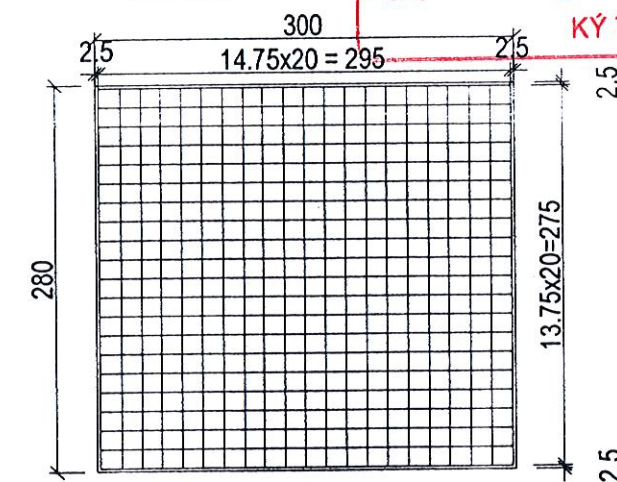
BỐ TRÍ CỐT THÉP BẢN QUA KÊNH



MẶT BẰNG VỊ TRÍ ĐÂY BÀN QUA KÊNH



MẶT BẰNG BẢN QUA KÊNH (TL: 1/25)



UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:/.....
Ngày:tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:

CẤU KIỆN	KÍ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC (mm)	ĐK	L (mm)	SL	TỔNG CD (m)	KL (kg)
BẢN QUA KÊNH (Tính cho 1 bản)	①	2750	10	2750	20	55.00	33.935
	②	2950	10	2950	20	59.00	36.403
DẦM QUA KÊNH (Tính cho 1 nhịp)	③	2750	22	2750	8	22.00	65.663
	④	25 5 25 5	6	110	30	3.30	0.733

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ ghi là cm; đường kính cốt thép là mm

UBND XÃ TRI THỦY

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN
ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CHỦ TRÌ KHẢO SÁT

VŨ ANH ĐỨC

THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN TRUNG

C.N.Đ.A

ĐINH VĂN TUY

KIỂM TRA

ĐỖ XUÂN TRƯỜNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỶ LỆ: 1/50



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP
Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà
Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội

Tel : 04.33 120 637; Fax: 04.33 120 637; Email: congtynhp.jsc@gmail.com

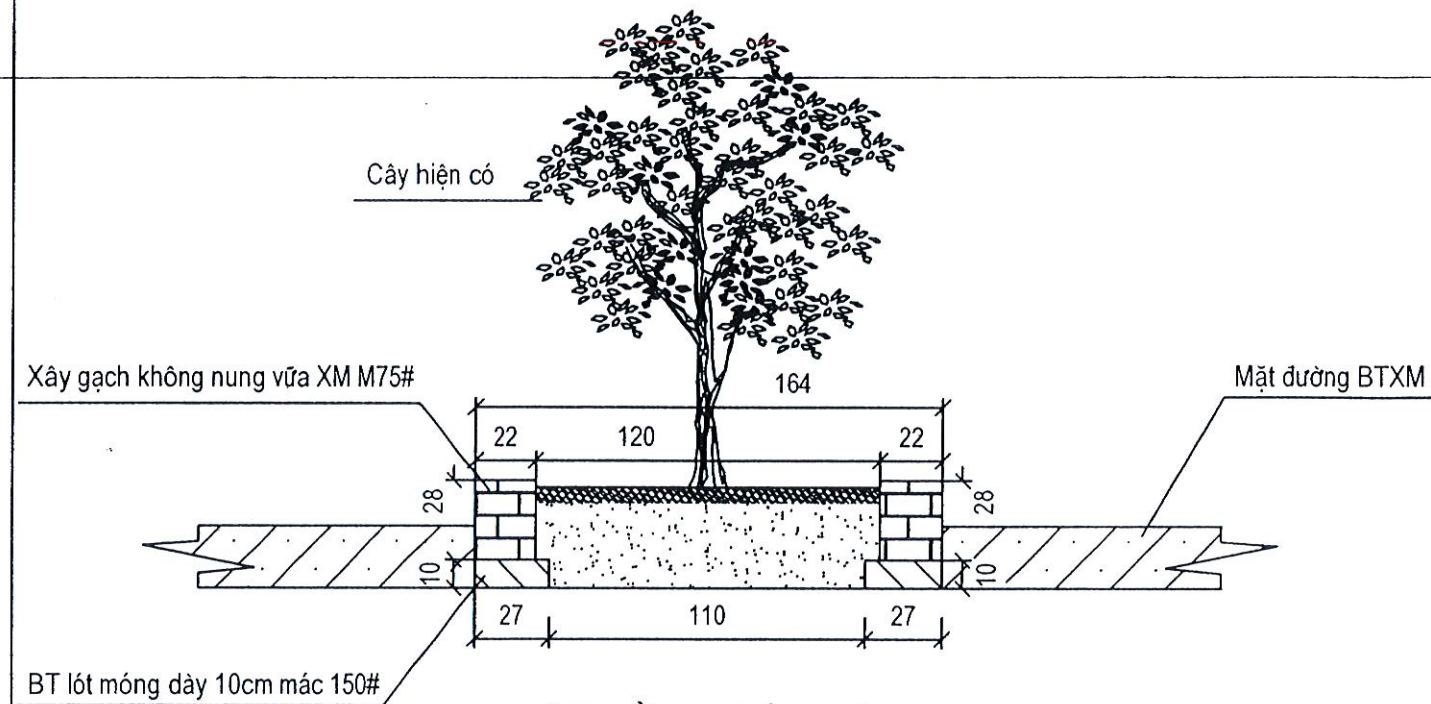
BẢN VẼ CẤU TẠO BẢN QUA KÊNH



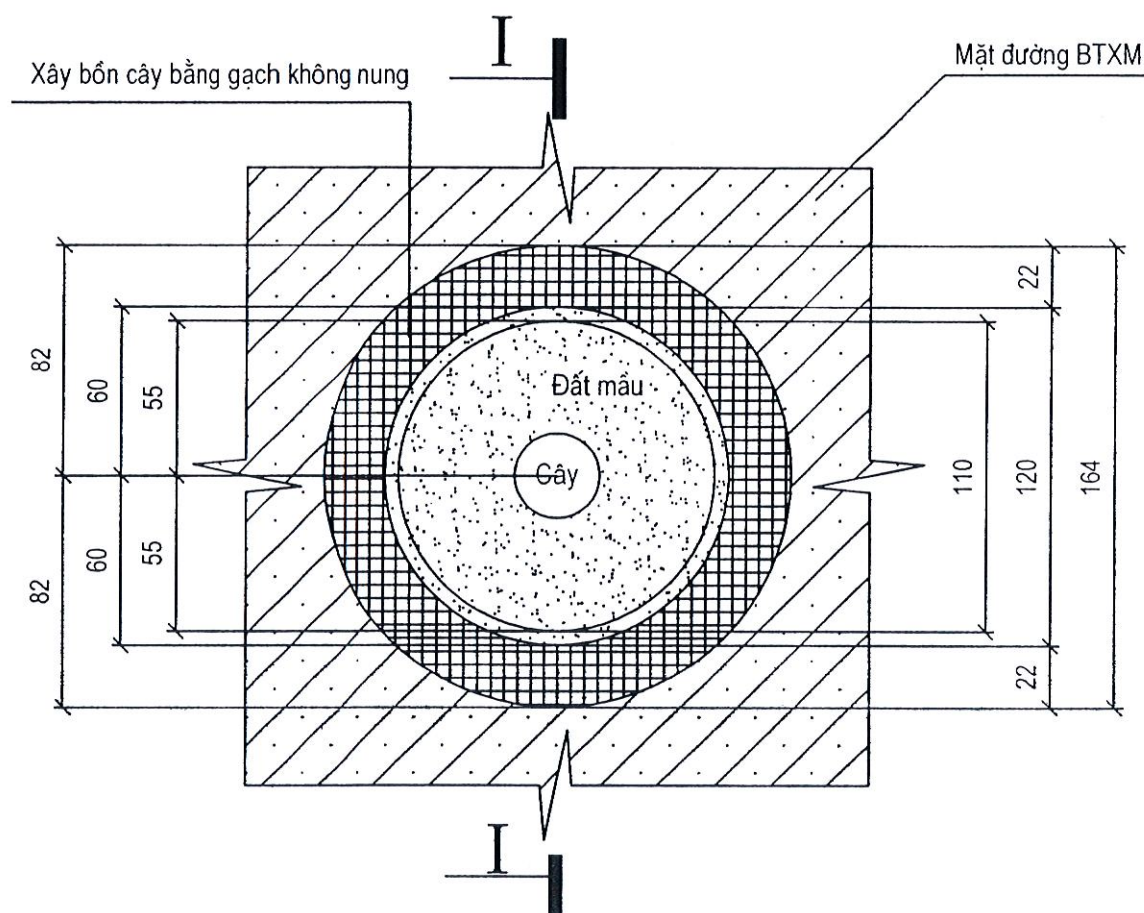
ĐINH VĂN TUY

BẢN VẼ SỐ:

MẶT CẮT I-I



MẶT BẰNG BỒN CÂY



UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....

KÝ TÊN:

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	1 BÓN CÂY	7 BÓN CÂY
1	Số lượng bồn cây	bồn	1,00	7,00
2	Diện tích chiếm dụng	m2	2,11	14,78
3	Bê tông lót móng mác 150# đá 4x6 dày 10cm	m3	0,12	0,81
4	Ván khuôn gỗ bê tông lót móng	m2	0,89	6,21
5	Xây bồn cây bằng gạch không nung vừa XM mác 75#	m3	0,27	1,92
6	Trát tường vừa XM mác 75# dày 1,5cm	m2	2,42	16,96
7	Đắp đất tận dụng trồng cây	m3	0,43	3,01

GHI CHÚ:
- Kích thước trong bản vẽ ghi là cm.

UBND XÃ TRI THỦY

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN
ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÀNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

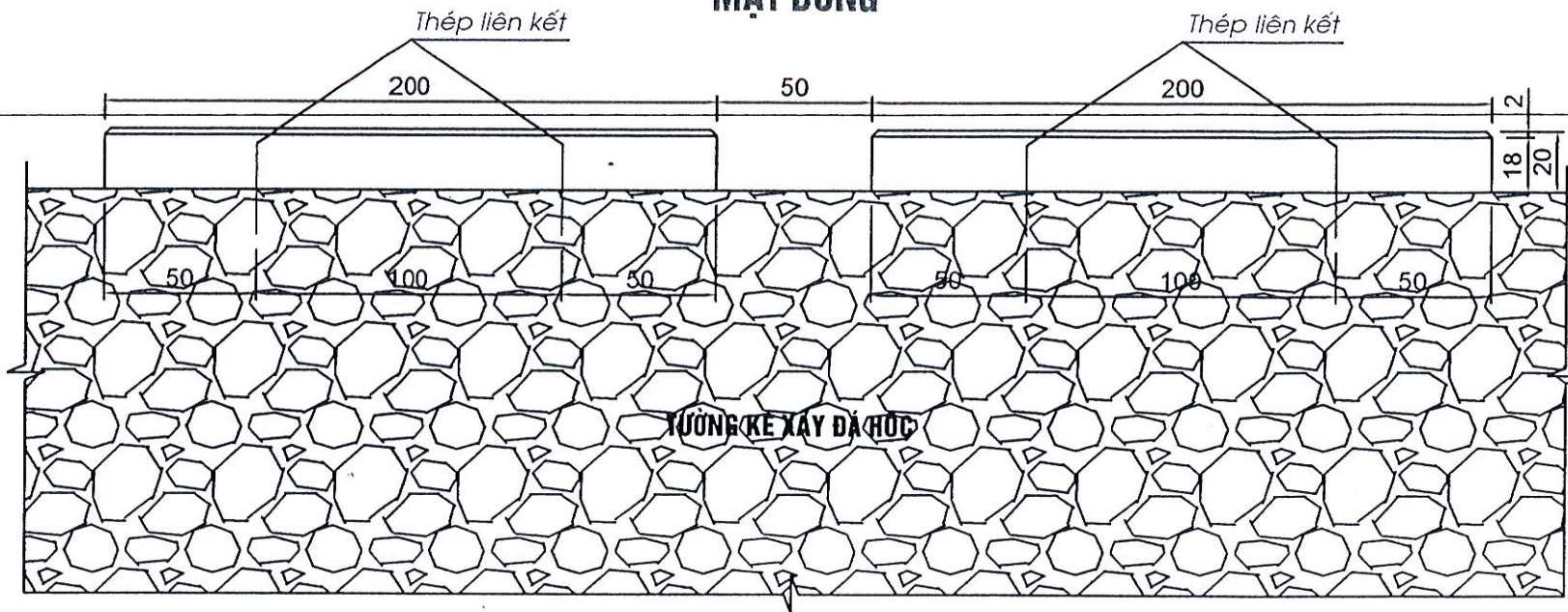
CHỦ TRÌ KHẢO SÁT	VŨ ANH ĐỨC	<i>Đức</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN VĂN TRUNG	<i>Trung</i>
C.N.Đ.A	ĐINH VĂN TUY	<i>Tuy</i>
KIỂM TRA	ĐỖ XUÂN TRƯỜNG	<i>Trường</i>

Hà Nội, ngày tháng năm 2024	TỈ LỆ : 1/50
P. TỔNG GIÁM ĐỐC	
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP	
ĐINH VĂN TUY	BẢN VẼ SỐ:

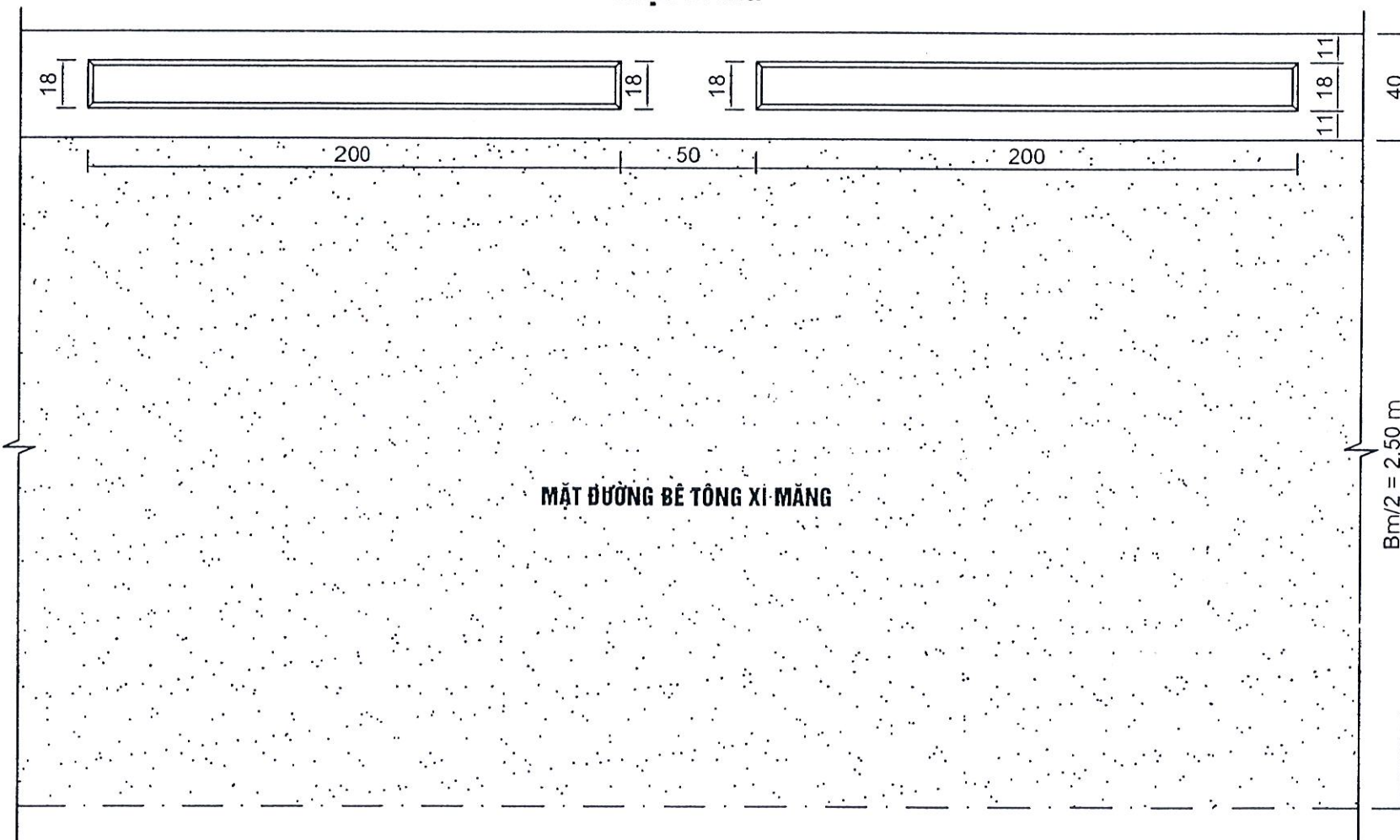
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP
Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà
Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội
Tel : 04.33.120.637, Fax: 04.33.120.637, Email: congtynhp.jsc@gmail.com

BẢN VẼ CẤU TẠO THIẾT KẾ BỒN CÂY

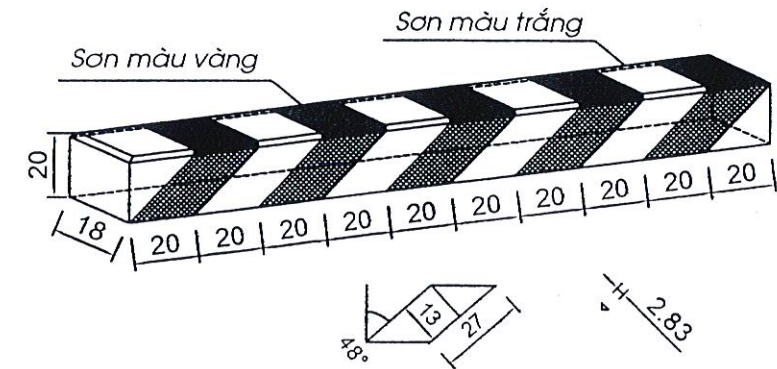
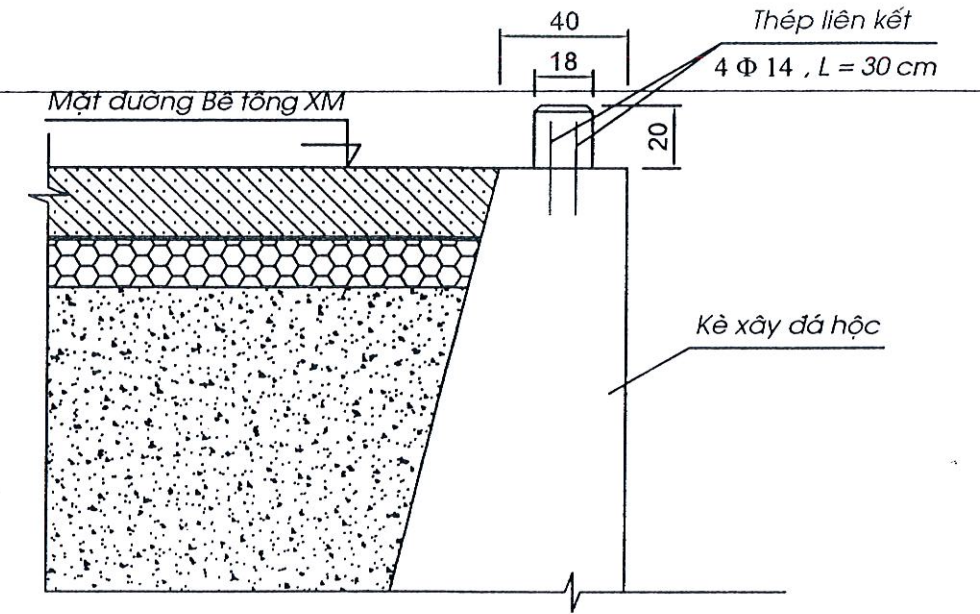
MẶT ĐỨNG



MẶT BẰNG



MẶT CẮT NGANG



KHỐI LƯỢNG 1 BLOCK GỖ CHẮN BÊ TÔNG XI MĂNG

Bê tông mác 250# đã 1x2: $2.0 \cdot (0.2 \cdot 0.18) \cdot (2.0 \cdot 2 + 0.18 \cdot 2) \cdot 0.02 \cdot 0.02 = 0.07 \text{ m}^3$

Ván khuôn gỗ: $2 \cdot (2.0 \cdot 0.18 + 0.2 \cdot 0.18) = 0.792 \text{ m}^2$

Thép liên kết (4 Φ 14) chiều dài 1 thanh = 30 cm

Tổng chiều dài thép:/..... $4 \cdot 0.30 = 1.20 \text{ m}$

Tổng trọng lượng thép: năm 20..... $1.210 \cdot 1.2 = 1.452 \text{ kg}$

Tổng diện tích sàn: $2 \cdot (0,18 \cdot 0,18 + 2 \cdot 0,18) + 0,028 \cdot (2 \cdot 2,0 + 2 \cdot 0,18) + 1,96 \cdot 0,14 = 1,181 \text{ m}^2$

Diện tích sơn màu vàng : $0,13 \cdot 0,27 \cdot 10 + 0,2 \cdot 0,18 \cdot 5 = 0,531 \text{ m}^2$

Diện tích sơn màu trắng : $1.181 - 0.531 = 0.650 \text{ m}^2$

Ghi chú :

- Sơn 5 mặt gờ chắn bằng sơn màu vàng và trắng 3 lớp.

- Kích thước trong bản vẽ ghi bằng cm .

UBND XÃ TRI THỦY

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOANG NGUYỄN
ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CỐNG VƯỜN THÁNH, ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CHỦ TRÌ KHẢO SÁT

VŨ ANH ĐỨC

THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN TRUNG

C.N.D.A

ĐINH VĂN TUY

KIỂM TRA

ĐỖ XUÂN TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHP

Địa chỉ: P. 622 - Tòa nhà HH03A - Khu đô thị Thanh Hà
Huyện Thanh Oai - TP. Hà Nội

BẢN VẼ CẤU TẠO GỜ CHẮN BTXM

03/05/2024
Hà Nội ngày tháng năm 2024

P. TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH VĂN TUY

L: 1/50

AN VỀ SỞ:

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG

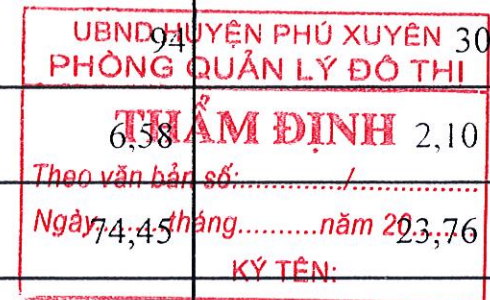
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CÔNG VƯỜN THÁNH,
ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2

HẠNG MỤC: GỜ CHẮN BTXM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI

TUYẾN 1: KM0+00 :- KM0+174.21

TT	Hạng mục công việc	Diễn giải cách tính	Đơn vị	Vị trí kê	Vị trí tường chắn	Tổng cộng
L	Chiều dài gờ chắn	Chiều dài của kê đá học	m	238,42	75,53	313,95
1	Số lượng gờ chắn	L/2.5	Cái	94	30	124
2	Bê tông gờ chắn mác 220 đá 1x2	SL gờ chắn *0.07 (có bản vẽ chi tiết)	m3	6,58	2,10	8,68
3	Ván khuôn gỗ gờ chắn	SL gờ chắn *0.792 (có bản vẽ chi tiết)	m2	74,45	23,76	98,21
3	Thép liên kết F 14	SL gờ chắn *1.452 (có bản vẽ chi tiết)	Kg	136,49	43,56	180,05
4	Sơn phản quang sơn 3 lớp					
	- Sơn màu vàng	SL gờ chắn *0.531 (có bản vẽ chi tiết)	m2	49,91	15,93	65,84
	- Sơn màu trắng	SL gờ chắn *0.650 (có bản vẽ chi tiết)	m2	61,10	19,50	80,60



BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI ĐỒNG THÔN HOÀNG NGUYỄN ĐOẠN TỪ BỜ GIẾNG ĐẾN CÔNG VƯỜN THÁNH,
ĐOẠN TỪ TL428 ĐẾN ĐỒNG VÙNG 2

HẠNG MỤC: GỜ CHẴN BTXM

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRI THỦY - HUYỆN PHÚ XUYỀN - TP. HÀ NỘI

TUYẾN 2: KM0+00 -:- KM0+195.66

TT	Hạng mục công việc	Diễn giải cách tính	Đơn vị	Vị trí kè		Tổng cộng
				Bên trái	Bên phải	
L	Chiều dài gờ chắn	Chiều dài của kè đá học	m	180,75	193,51	374,26
1	Số lượng gờ chắn	L/2.5	Cái	72	77	149
2	Bê tông gờ chắn mác 250 đá 1x2	SL gờ chắn *0.07 (có bản vẽ chi tiết)	m3	5,04	5,39	10,43
3	Ván khuôn gỗ gờ chắn	SL gờ chắn *0.792 (có bản vẽ chi tiết)	m2	57,02	60,98	118,01
3	Thép liên kết F 14	SL gờ chắn *1.452 (có bản vẽ chi tiết)	Kg	102,55	111,80	214,35
4	Sơn phản quang sơn 3 lớp		m2			
	- Sơn màu vàng	SL gờ chắn *0.531 (có bản vẽ chi tiết)	m2	38,23	40,89	79,12
	- Sơn màu trắng	SL gờ chắn *0.650 (có bản vẽ chi tiết)	m2	46,80	50,05	96,85

